

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
XI MĂNG LA HIÊN VVMİ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 48/TB-HĐQT

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 4 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

**I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC CÔNG BỐ THÔNG TIN:**

Tên công ty: **Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMİ**

Mã chứng khoán: CLH

Trụ sở chính: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại: 0208 3829154 Fax: 0208 3829056

Địa chỉ Website: [ximanglahien.com.vn](http://ximanglahien.com.vn)

Loại công bố thông tin: ☐ Định kỳ ☒ Bất thường ☐ Yêu cầu ☐ Khác

**II. NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN:**

1. Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026.

(có Nghị quyết chi tiết kèm theo)

2. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026.

(có Biên bản họp chi tiết kèm theo)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng thông báo!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đăng tải Website Cty;
- Lưu HĐQT;VT.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
GIÁM ĐỐC**



**Trần Quang Khải**

Số: 30/NQ-ĐHĐCĐ

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 4 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026  
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

*Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11/01/2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, ban hành theo quyết định số 16/QĐ-HĐQT ngày 26/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty;*

*Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, ngày 24 tháng 4 năm 2026 dưới sự Chủ tọa của Ông Vũ Minh Tân - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.*

Tham dự Đại hội có 32 vị Cổ đông của Công ty, sở hữu và đại diện cho cho 9.402.980 cổ phần, bằng 78,36 % số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Với tinh thần làm việc khẩn trương và trách nhiệm, Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI đã tập trung giải quyết từng nội dung trong chương trình nghị sự của Đại hội và thống nhất Quyết nghị.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI nhất trí thông qua:

1. Báo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 với một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, theo báo cáo số: 30/BC-XMLH ngày 26/3/2026:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2025	Thực hiện năm 2025	% TH/KH
<b>A</b>	<b>Chỉ tiêu hiện vật</b>				
<b>I</b>	<b>Sản lượng sản xuất</b>	<b>Tấn</b>	<b>630.000</b>	<b>694.367,16</b>	<b>110,22</b>
1	Xi măng	Tấn	610.000	684.354,63	112,19



Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2025	Thực hiện năm 2025	% TH/KH
2	Clinker thương phẩm	Tấn	20.000	10.012,53	50,06
<b>II</b>	<b>Sản lượng tiêu thụ</b>	<b>Tấn</b>	<b>630.000</b>	<b>694.367,16</b>	<b>110,22</b>
1	Xi măng	Tấn	610.000	684.354,63	112,19
2	Clinker thương phẩm	Tấn	20.000	10.012,53	50,06
<b>B</b>	<b>Doanh thu, thu nhập khác</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>605.381,98</b>	<b>712.588,94</b>	<b>117,71</b>
1	Xi măng	Tr.đ	586.958,38	696.509,08	118,66
2	Clinker thương phẩm	Tr.đ	12.545,44	7.046,59	56,17
3	Doanh thu, thu nhập khác	Tr.đ	5.878,16	9.033,26	153,67
<b>C</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>30.000</b>	<b>52.277,55</b>	<b>174,26</b>
<b>D</b>	<b>Cổ tức</b>	<b>%</b>	<b>12</b>	<b>25</b>	<b>208,33</b>
<b>G</b>	<b>Nộp ngân sách Nhà nước</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>31.194</b>	<b>36.009</b>	<b>115,44</b>
<b>E</b>	<b>Lao động và thu nhập</b>				
1	Lao động bình quân	Người	459	429	93,46
2	Tiền lương bq theo LĐ bình quân	Đ/n/th	10.942.000	17.553.360	160,42

1.2. Phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2026, theo tờ trình số 37/TTr-HĐQT ngày 26/3/2026 như sau:

\* Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2026
1	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	640.000
2	Doanh thu, thu nhập khác	Tr.đ	626.878
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	30.000
4	Tỷ lệ trả cổ tức/VĐL	%	15
5	Lao động định mức	Người	406
6	Tiền lương bình quân	Tr.đ/người/th	12,685

Giao cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, chủ động điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 cho phù hợp với thực tế sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm, tuy nhiên đảm bảo không làm ảnh hưởng đến lợi nhuận kế hoạch đã được giao.

\* Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2026:

Stt	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Tổng mức đầu tư (Tr.đ)	Kế hoạch thực hiện đầu tư năm 2026 (Tr.đ)
<b>I</b>	<b>Công trình chuyển tiếp</b>			<b>6.557</b>	<b>4.673</b>
1	Dự án xây dựng hàng rào khu phía Đông Nam	ĐA	1	6.557	4.673
<b>II</b>	<b>Công trình khởi công mới</b>			<b>5.067</b>	<b>1.210</b>



Stt	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Tổng mức đầu tư (Tr.đ)	Kế hoạch thực hiện đầu tư năm 2026 (Tr.đ)
1	Dự án đầu tư hệ thống đóng gói và xuất xi măng bao jumbo	ĐA	1	3.902	45
2	Dự án đầu tư vận thăng phục vụ sửa chữa bảo dưỡng thiết bị quan trắc tự động	ĐA	1	1.165	1.165
<b>III</b>	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>			<b>267.820</b>	<b>1.174</b>
1	Dự án đầu tư hệ thống đóng bao năng suất $\geq 110$ tấn/h	ĐA	1	29.820	724
2	Dự án cải tạo dây chuyền sản xuất xi măng công suất 1.600 tấn clinker/ngày	ĐA	1	238.000	450
<b>IV</b>	<b>Tổng cộng (IV=I+II+III)</b>			<b>279.444</b>	<b>7.057</b>

Đại hội đồng Cổ đông giao cho Hội đồng quản trị chủ động điều hành các dự án đầu xây dựng dự kiến thực hiện năm 2026 ước đạt 7.057 triệu đồng.

2. Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La hiên VVMI năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026, theo báo cáo số 31/BC-HĐQT ngày 26/3/2026.

3. Báo cáo đánh giá của thành viên HĐQT độc lập đối với hoạt động của Công ty năm 2025, theo báo cáo số 32/BC-HĐQT ngày 26/3/2026.

4. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Công ty năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 theo báo cáo số 08/BC-BKS ngày 26/3/2026.

5. Thông qua báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI đã được kiểm toán, theo tờ trình số 34/TTr-HĐQT ngày 26/3/2026.

6. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, mức trả cổ tức năm 2025 theo tờ trình số 35/TTr-HĐQT ngày 26/3/2026 và công văn số 47/CV-HĐQT ngày 24/4/2026, về việc đính chính thông tin trong tờ trình số 35/TTr-ĐHĐCĐ ngày 23/3/2026 trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 như sau:

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện
<b>1</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Đồng</b>	<b>41.625.678.547</b>
	Trong đó: Lợi nhuận năm trước chuyển sang	Đồng	0
	- Lợi nhuận năm nay	Đồng	41.625.678.547
<b>2</b>	<b>Trích lập các quỹ</b>	<b>Đồng</b>	<b>11.625.678.547</b>



Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện
a	Trích quỹ đầu tư phát triển	Đồng	0
b	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (1,74 tháng lương bình quân)	Đồng	<b>11.625.678.547</b>
b1	Quỹ lương thực hiện năm 2025 của Công ty	Đồng	80.199.731.512
b2	Quỹ lương thực hiện bình quân 1 tháng của Công ty	Đồng	6.683.310.959
b3	Số tháng lương được trích tối đa (3 tháng lương)	Tháng	3
b4	Mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ( $b4 = b2 * 1,74$ )	Đồng	11.625.678.547
b4.1	Trong đó: Quỹ khen thưởng ( $b4.1 = b4 * 30\%$ )	Đồng	3.487.703.564
b4.2	Quỹ phúc lợi ( $b4.2 = b4 * 70\%$ )	Đồng	8.137.974.983
<b>3</b>	<b>Phương án trả cổ tức năm 2025</b>		
a	Tỷ lệ trả cổ tức theo NQ ĐHCĐ đầu năm	%	12
b	Tỷ lệ trả cổ tức đơn vị đề nghị	%	25
c	Số tiền trả cổ tức	Đồng	30.000.000.000
<b>4</b>	<b>Số lợi nhuận còn lại sau khi đã chia cổ tức và trích các quỹ trên</b>	<b>Đồng</b>	<b>0</b>

7. Quyết toán việc chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2025; phương án chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (BKS) năm 2026, theo tờ trình số 36/TTr-HĐQT, ngày 26/3/2026 như sau:

7.1. Thù lao cho HĐQT, BKS thực hiện năm 2025:

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Họ tên	Chức vụ	Thực hiện
1	Vũ Minh Tân	CT HĐQT	89.107.200
2	Trần Quang Khải	TV HĐQT	74.880.000
3	Hà Văn Chuyên	TV HĐQT	74.880.000
4	Phạm Mạnh Tiến	TV HĐQT	74.880.000
5	Nguyễn Xuân Hậu	TV HĐQT	74.880.000
6	Nguyễn Thị Hồng Nhung	TV BKS	74.880.000
7	Trần Thu Hương	TV BKS	74.880.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>538.387.200</b>

7.2. Phương án chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2026: Căn cứ kết quả SXKD nếu tiền lương của Người quản lý được quyết toán tăng thì mức chi trả thù lao sẽ tăng tương ứng, nhưng mức chi tối đa không quá 20% mức tiền lương của Người quản lý và dự kiến như sau:



Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Chức danh	Số lượng	Kế hoạch	Ghi chú
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1	4.760.000	
2	Thành viên Hội đồng quản trị	4	4.000.000	
3	Thành viên Ban Kiểm soát	2	4.000.000	

8. Thông qua lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026, theo tờ trình số 09/TTr-BKS ngày 26/3/2026.

9. Thông qua hợp đồng mua bán hàng hóa với người có liên quan, hợp đồng mua bán lớn (>35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp), theo tờ trình số 38/TTr-HĐQT, ngày 26/3/2026 như sau:

- Hợp đồng mua bán than với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

- Than cám 5a.6 (mã sản phẩm 05-C5A.6)

- Khối lượng: **80.000 +/-10%** tấn.

- Thời gian thực hiện kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2026

- Giao cho Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI ký kết hợp đồng với người liên quan của Công ty để phục vụ sản xuất kinh doanh trong năm 2026.

10. Công nhận kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, nhiệm kỳ 2023 – 2028.

Kết quả bầu cử thành viên HĐQT Ông: Lê Danh Thắng được 9.114.620 phiếu, bằng 96,93% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

\*. Căn cứ kết quả bầu cử Ông Lê Danh Thắng trúng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, nhiệm kỳ 2023 – 2028

11. Thông qua sửa đổi “Ngành nghề kinh doanh của Công ty” tại khoản 1 Điều 4, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, theo tờ trình số 39/TTr-HĐQT, ngày 26/3/2026:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394 (Chính)
2	Khai thác và thu gom than cứng	0510
3	Khai thác và thu gom than non	0520
4	Khai thác quặng sắt	0710
5	Khai thác quặng uranium và quặng thorium	0721
6	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0729



Stt	Tên ngành	Mã ngành
7	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
8	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
9	Đúc sắt, thép	2431
10	Đúc kim loại màu	2432
11	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
12	Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
13	Xây dựng nhà để ở	4101
14	Xây dựng nhà không để ở	4102
15	Xây dựng công trình đường sắt	4211
16	Xây dựng công trình đường bộ	4212
17	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
18	Phá dỡ	4311
19	Chuẩn bị mặt bằng	4312
20	Lắp đặt hệ thống điện	4321
21	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	4322
22	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
23	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
24	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4673
25	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
26	Vận tải hàng hóa đường bộ	4933
27	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
28	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
29	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế	8610

## Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI thông qua toàn văn tại Đại hội.
- Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ sau khi kết thúc Đại hội.
- Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng



La Hiên VVMI, triển khai các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua tại Nghị quyết này và tiến hành các thủ tục cần thiết để thực hiện theo đúng Nghị quyết và quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- UBCKNN (thay B/cáo);
- Sở giao dịch CK Hà nội;
- TCT LK và BTCK Việt Nam (02b);
- Công bố TT trên Website Cty;
- Các thành viên HĐQT;
- Các thành viên BKS;
- Giám đốc Công ty;
- Lưu: VP, HĐQT.

**TM.ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**



**Vũ Minh Tân**



**BIÊN BẢN HỌP**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Hôm nay, vào lúc 08 giờ 00 phút, ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.

Địa chỉ trụ sở: Xóm Cây Bòng, xã La Hiên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Mã số doanh nghiệp số: 4600422240

Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026.

**I. Thành phần dự Đại hội gồm có:**

**A. Hội đồng quản trị Công ty gồm có:**

- |                         |                           |
|-------------------------|---------------------------|
| 1. Ông: Vũ Minh Tân     | - Chủ tịch HĐQT Công ty   |
| 2. Ông: Trần Quang Khải | - Thành viên HĐQT Công ty |
| 3. Ông: Hà Văn Chuyển   | - Thành viên HĐQT Công ty |
| 4. Ông: Phạm Mạnh Tiến  | - Thành viên HĐQT Công ty |
| 5. Ông: Nguyễn Xuân Hậu | - Thành viên HĐQT Công ty |

**B. Ban Kiểm Soát Công ty gồm có:**

- |                              |  |
|------------------------------|--|
| 1. Ông: Phạm Trung Hợp       | - Trưởng Ban kiểm soát Công ty                 |
| 2. Bà: Trần Thu Hương        | - Thành viên Ban kiểm soát                     |
| 3. Bà: Nguyễn Thị Hồng Nhung | - Thành viên Ban kiểm soát (vắng mặt có lý do) |

**C. Cổ đông tham dự Đại hội:**

Thời điểm khai mạc Đại hội vào lúc 08 giờ 00 phút, có **27** vị Cổ đông của Công ty, sở hữu và đại diện cho **8.504.460** cổ phần, bằng **70,87%** số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

**D. Chủ tọa Đại hội gồm:**

- |                         |  |
|-------------------------|--|
| 1. Ông: Vũ Minh Tân     | - Chủ tịch HĐQT Công ty - Chủ tọa        |
| 2. Ông: Trần Quang Khải | - Thành viên HĐQT, Giám đốc - Thành viên |

**E. Chủ tọa Đại hội đã chỉ định thư ký để giúp Chủ tọa điều hành Đại hội gồm:**

- |                           |   |
|---------------------------|---|
| 1. Ông: Lê Xuân Tình      | - Thư ký HĐQT Công ty - Thư ký Đại hội      |
| 2. Ông: Nguyễn Thạc Cường | - Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư - Thành viên |



## II. Nội dung và diễn biến của Đại hội:

**Đại hội đã diễn ra theo trình tự và bao gồm những nội dung sau đây:**

**1. Ông Nguyễn Văn Vượng** - Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông đã đọc báo cáo thẩm tra tư cách Cổ đông trước khi khai mạc Đại hội và công bố **27** vị Cổ đông có mặt đủ tư cách tham dự Đại hội. Những Cổ đông có mặt sở hữu và đại diện cho **8.504.460** cổ phần, bằng **70,87%** số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ Khoản 1, Điều 145, Luật doanh nghiệp số 59 năm 2020 và Khoản 1, Điều 19, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI thì Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty đã hội đủ các điều kiện để tiến hành Đại hội theo đúng quy định của pháp luật.

Chủ tọa Đại hội lấy ý kiến biểu quyết thông qua báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

### Kết quả biểu quyết:

- ✓ *Tán thành: 8.504.460 cổ phần, bằng 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*
- ✓ *Không tán thành: 0 cổ phần, bằng 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*
- ✓ *Không có ý kiến: 0 cổ phần, bằng 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*

**\* Tại thời điểm 08 giờ 10 phút, có thêm 02 Cổ đông tham dự (số cổ phần 608.360 CP), tổng số cổ đông tham dự là 29 cổ đông, sở hữu và đại diện cho 9.112.820 cổ phần, bằng 75,94 % số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.**

**2. Chủ tọa Đại hội trình bày và thông qua các nội dung trước khi tiến hành đại hội như sau:**

**2.1. Thông qua chương trình Đại hội, hướng dẫn biểu quyết thông qua các nội dung trong chương trình của Đại hội**

**\*. Ông Vũ Minh Tân** - Chủ tọa, trình bày chương trình đại hội và lấy ý kiến biểu quyết thông qua chương trình Đại hội.

### Kết quả biểu quyết:

- ✓ *Tán thành: 9.112.820 cổ phần, bằng 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*
- ✓ *Không tán thành: 0 cổ phần, bằng 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*
- ✓ *Không có ý kiến: 0 cổ phần, bằng 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*

**\*. Ông Vũ Minh Tân** - Chủ tọa Đại hội, trình bày nội dung đính chính tờ trình số 35/TTr-ĐHĐCĐ ngày 26/3/2026, về việc phân phối lợi nhuận năm 2025 bằng công văn số 47/TB HĐQT ngày 24/4/2026, về việc đính chính thông tin trong tờ trình số 35/TTr-ĐHĐCĐ ngày 23/3/2026 trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 và lấy ý kiến biểu quyết thông qua tại Đại hội.

### Kết quả biểu quyết:

- ✓ *Tán thành: 9.112.820 cổ phần, bằng 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*
- ✓ *Không tán thành: 0 cổ phần, bằng 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*



✓ Không có ý kiến: 0 cổ phần, bằng 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

## 2.2. Thông qua quy chế Đại hội

Ông Hà Văn Chuyên – Thành viên HĐQT trình bày quy chế đại hội, Chủ tọa Đại hội lấy ý kiến biểu quyết thông qua nội dung quy chế đại hội.

### Kết quả biểu quyết:

✓ Tán thành: **9.112.820 cổ phần, bằng 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.**

✓ Không tán thành: 0 cổ phần, bằng 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Không có ý kiến: 0 cổ phần, bằng 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

2.3. Đề giúp Đại hội kiểm phiếu biểu quyết các nội dung của Đại hội. Đại hội tiến hành bầu Ban kiểm phiếu có 05 thành viên. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ: Thu phiếu biểu quyết, tổ chức kiểm phiếu, lập biên bản và gửi kết quả cho Chủ tọa Đại hội công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội, đồng thời nộp biên bản và toàn bộ phiếu biểu quyết cho Thư ký Đại hội tổng hợp và lưu cùng biên bản Đại hội.

Chủ tọa Đại hội đề cử danh sách Ban kiểm phiếu như sau:

- |                         |              |
|-------------------------|--------------|
| 1. Ông Nguyễn Văn Vượng | - Trưởng ban |
| 2. Ông Nông Duy Hiệp    | - Thành viên |
| 3. Ông Ngô Hải Long     | - Thành viên |
| 4. Bà Nguyễn Thị Hằng   | - Thành viên |
| 5. Bà Trịnh Thị Bình    | - Thành viên |

Chủ tọa, lấy ý kiến biểu quyết thông qua danh sách Ban kiểm phiếu.

### Kết quả biểu quyết:

✓ Tán thành: **9.112.820 cổ phần, bằng 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.**

✓ Không tán thành: 0 cổ phần, bằng 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Không có ý kiến: 0 cổ phần, bằng 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

## 3. Trình bày các báo cáo, tờ trình trong Đại hội:

Sau khi thực hiện các thủ tục tiến hành Đại hội, Chủ tọa Đại hội đã điều hành để Đại hội nghe báo cáo, tờ trình và thông qua các báo cáo, tờ trình nội dung như sau:

### 3.1. Báo cáo của Giám Đốc Công ty về kết quả hoạt động SXKD năm 2025, kế hoạch SXKD năm 2026:

Đại hội đã nghe Ông Trần Quang Khải - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty trình bày nội dung báo cáo về kết quả hoạt động SXKD năm 2025, kế hoạch SXKD năm 2026.

\* Tại thời điểm 08 giờ 45 phút, có thêm 02 Cổ đông tham dự (số cổ phần 288.360 CP), tổng số cổ đông tham dự là 31 Cổ đông, sở hữu và đại diện cho 9.401.180 cổ phần, bằng 78,34 % số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.



### 3.1.1. Đại hội tiến hành thảo luận:

#### \* Ý kiến của Cổ đông STT 30:

- Kết quả sản xuất kinh doanh hoàn thành nhưng lợi nhuận chưa cao, chưa đạt kỳ vọng của cổ đông.
- Việc lập kế hoạch hàng năm sản lượng và doanh thu, lợi nhuận thấp do vậy không có động lực để phấn đấu.
- Công tác tuyển dụng bổ sung lao động kỹ thuật phải phù hợp với định biên, hiện tại số lao động của công ty cao hơn so với một số đơn vị cùng sản xuất xi măng.
- Công tác đấu thầu phải thông tin đầy đủ tất cả hồ sơ mời thầu, chào thầu mua sắm vật tư, thiết bị, nguyên vật liệu công khai trên các trang thông tin điện tử theo đúng quy định.
- Đối với công ty đại chúng phải thực hiện việc thu, chi tiền bằng chuyển khoản thông qua ngân hàng,
- Qua xem xét công bố báo cáo tài chính quý 1/2026 chưa qua kiểm toán trong đó có mục dự phòng phải trả để sửa chữa tài sản cố định, trung đại tu thiết bị khoảng 20 tỷ. Theo thông tư 99/2025/TT-BTC của Bộ tài chính công ty không được trích trước. Đề nghị công ty thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư 99/2025/BTC.

#### \* Ông Trần Quang Khải – Thành viên HĐQT, Giám đốc công ty trả lời:

- Về công tác đấu thầu công ty đã thực hiện đúng các quy định về đấu thầu và đăng tải thông tin trên hệ thống đấu thầu quốc gia và trên trang thông tin điện tử của Công ty theo đúng quy định.
- Về việc thu tiền, chi tiền, công ty đã thực hiện việc thu, chi tiền bằng chuyển khoản thông qua ngân hàng, hạn chế tối đa chi tiền mặt (chỉ chi bằng tiền mặt các khoản tiền thưởng tập thể cho các đơn vị trong nội bộ công ty).
- Công ty đã thực hiện việc tiết giảm lao động tối đa trong 2 năm gần đây đã giảm số lao động từ 456 người xuống còn 402 người, hiện tại số lao động của công ty cao hơn một số đơn vị sản xuất xi măng khác là do công ty có thêm bộ phận khai thác và vận chuyển đá vôi, đất sét, các đơn vị sản xuất xi măng khác không có bộ phận này.
- Hiện tại công ty đã thực hiện chuyển đổi chế độ kế toán theo quy định về kế toán tại Thông tư 99/2025/TT -BTC ngày 27/10/2025 của Bộ tài chính, về việc hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán doanh nghiệp.

#### \* Ý kiến của Cổ đông STT 28:

- Kết quả thực hiện năm 2025 tăng so với năm 2024 như: doanh thu, lợi nhuận ... đều tăng.
- Thu nhập bình quân của người lao động tăng do công ty tiết giảm được lao động và tăng được sản lượng tiêu thụ.



- Kế hoạch sản xuất kinh doanh đưa ra để đảm bảo thực hiện, tránh rủi ro trong quá trình thực hiện; Chính phủ chỉ đạo tăng trưởng 2 con số > 10,5%; kế hoạch sản xuất tiêu thụ năm 2026 là 640.000 tấn, trong đó tiêu thụ clinker 15.000 tấn, Công ty phải cân đối xem lợi nhuận khi tiêu thụ clinker có mang lại lợi nhuận không?

**\* Ông Vũ Minh Tân – Chủ tịch HĐQT công ty trả lời:**

Kết quả SXKD năm 2025 thu nhập của người lao động tăng là do tăng sản lượng tiêu thụ và giảm số lượng lao động bình quân (30 lao động).

Kế hoạch SXKD năm 2026 công ty xây dựng kế hoạch về sản lượng căn cứ theo thị trường tiêu thụ thực tế và sức cạnh tranh của sản phẩm; trong cơ cấu sản phẩm tiêu thụ hàng năm của Công ty có sản phẩm clinker với mục đích tiêu thụ hết sản phẩm sản xuất, đảm bảo sản xuất liên tục nhằm tiết kiệm chi phí cố định phát huy hết công suất thiết bị, trong năm 2025 tiêu thụ clinker mang lợi nhuận khoảng 1 tỷ đồng; việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 tăng tiêu thụ clinker để tăng sản lượng sản xuất và tiết kiệm chi phí cố định.

3.1.2. Chủ toạ Đại hội lấy ý kiến Cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

Kết quả biểu quyết:

- ✓ *Tán thành: 9.112.820 cổ phần, bằng 96,93% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*
- ✓ *Không tán thành: 288.360 cổ phần, bằng 3,07 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*
- ✓ *Không có ý kiến: 0 cổ phần, bằng 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*

**3.2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2025, kế hoạch hoạt động năm 2026:**

Đại hội đã nghe Ông Vũ Minh Tân – Chủ tịch HĐQT Công ty, trình bày nội dung báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty năm 2025, kế hoạch hoạt động năm 2026.

**\* Tại thời điểm 10 giờ 00 phút, có thêm 01 Cổ đông tham dự (số cổ phần 1.800 CP), tổng số cổ đông tham dự là 32 Cổ đông, sở hữu và đại diện cho 9.402.980 cổ phần, bằng 78,36% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.**

3.2.1. Đại hội tiến hành thảo luận:

Các cổ đông không có ý kiến về báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty năm 2025, kế hoạch hoạt động năm 2026.

3.2.2. Chủ toạ Đại hội lấy ý kiến Cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

Kết quả biểu quyết:

- ✓ *Tán thành: 9.114.620 cổ phần, bằng 96,93% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*
- ✓ *Không tán thành: 288.360 cổ phần, bằng 3,07% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.*



✓ Không có ý kiến: 0 cổ phần, bằng 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

### **3.3. Báo cáo đánh giá của thành viên HĐQT độc lập đối với hoạt động của Công ty năm 2025.**

Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Xuân Hậu – Thành viên HĐQT độc lập thông qua báo cáo đánh giá của thành viên HĐQT độc lập đối với hoạt động của Công ty năm 2025.

#### **3.3.1. Đại hội tiến hành thảo luận:**

Các cổ đông không có ý kiến về báo cáo đánh giá của thành viên HĐQT độc lập đối với hoạt động của Công ty năm 2025.

3.3.2. Chủ tọa Đại hội lấy ý kiến Cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

#### **Kết quả biểu quyết:**

✓ Tán thành: 9.114.620 cổ phần, bằng 96,93% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Không tán thành: 288.360 cổ phần, bằng 3,07 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

✓ Không có ý kiến: 0 cổ phần, bằng 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

### **3.4. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Công ty năm 2025 kế hoạch hoạt động năm 2026:**

Đại hội đã nghe Ông Phạm Trung Hợp - Trưởng Ban kiểm soát Công ty, trình bày nội dung báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Công ty năm 2025, kế hoạch hoạt động năm 2026:

#### **3.4.1. Đại hội tiến hành thảo luận:**

Các cổ đông không có ý kiến về báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Công ty năm 2025, kế hoạch hoạt động năm 2026.

3.4.2. Chủ tọa Đại hội lấy ý kiến Cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

#### **Kết quả biểu quyết:**

✓ Tán thành: 9.114.620 cổ phần, bằng 96,93% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Không tán thành: 288.360 cổ phần, bằng 3,07 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

✓ Không có ý kiến: 0 cổ phần, bằng 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

### **3.5. Thông qua việc bầu bổ sung thành viên HĐQT, nhiệm kỳ 2023 - 2028:**

3.5.1. Đại hội đã nghe Ông Vũ Minh Tân - Chủ tịch HĐQT Công ty báo cáo tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT, nhiệm kỳ 2023-2028:

- Họ và tên: Vũ Minh Tân

- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Không tham gia Hội đồng quản trị công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, nhiệm kỳ 2023- 2028.



- Lý do miễn nhiệm: Cổ đông Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP đã ban hành Quyết định về việc không tiếp tục cử ông Vũ Minh Tân làm người đại diện của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP tham gia Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Hiên-VVMI và từ nhiệm các chức vụ trong Hội đồng quản trị công ty.

\*. Đại hội tiến hành thảo luận:

Các cổ đông không có ý kiến về tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT, nhiệm kỳ 2023-2028.

\*. Đại hội lấy ý kiến Cổ đông bằng giơ thẻ biểu quyết thông qua nội dung trên.

Kết quả biểu quyết:

✓ **Tán thành: 9.402.980 cổ phần, bằng 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.**

✓ **Không tán thành: 0 cổ phần, bằng 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.**

✓ **Không có ý kiến: 0 cổ phần, bằng 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.**

3.5.2. Đại hội đã nghe Ông Vũ Minh Tân - Chủ tọa đại hội trình bày đơn đề cử của các nhóm cổ đông bầu thành viên HĐQT như sau:

- Ông: Lê Danh Thắng - Trưởng phòng quản lý vốn và kiểm soát nội bộ Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP (Do Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP có tỷ lệ 51,383% đề cử) tham gia ứng cử thành viên HĐQT công ty, nhiệm kỳ 2023 – 2028.

\*. Đại hội thảo luận:

- Các cổ đông không có ý kiến

\*. Chủ tọa Đại hội lấy ý kiến biểu quyết thông qua danh sách bầu thành viên HĐQT Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, nhiệm kỳ 2023 - 2028 như sau:

- Ông: Lê Danh Thắng – Trưởng phòng Quản lý vốn và kiểm soát nội bộ Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP

Kết quả biểu quyết:

✓ **Tán thành: 9.402.980 cổ phần, bằng 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.**

✓ **Không tán thành: 0 cổ phần, bằng 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.**

✓ **Không có ý kiến: 0 cổ phần, bằng 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.**

\* Đại hội đã biểu quyết cử các thành viên ban bầu cử để thực hiện bầu thành viên HĐQT Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, nhiệm kỳ 2023 - 2028 như sau:

- |                         |              |
|-------------------------|--------------|
| 1. Ông Nguyễn Văn Vượng | - Trưởng ban |
| 2. Ông Nông Duy Hiệp    | - Thành viên |
| 3. Ông Ngô Hải Long     | - Thành viên |
| 4. Bà Nguyễn Thị Hằng   | - Thành viên |
| 5. Bà Trịnh Thị Bình    | - Thành viên |



Kết quả biểu quyết:

- ✓ Tán thành: 9.402.980 cổ phần, bằng 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Không tán thành: 0 cổ phần, bằng 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Ý kiến khác: 0 cổ phần, bằng 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

3.5.3. Đại hội đã nghe Ông Nguyễn Văn Vượng – Trưởng ban kiểm phiếu trình bày Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2023-2028.

\*. Đại hội tiến hành thảo luận:

Các cổ đông không có ý kiến

\* Sau khi thảo luận Chủ tọa Đại hội lấy ý kiến biểu quyết thông qua quy chế bầu cử và tỷ lệ tham gia ứng cử, đề cử HĐQT như sau:

Kết quả biểu quyết:

- ✓ Tán thành: 9.402.980 cổ phần, bằng 100% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Không tán thành: 0 cổ phần, bằng 0 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Không có ý kiến: 0 cổ phần, bằng 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

\*. Tiếp theo tổ bầu cử đã phát phiếu, tổ chức bầu cử, kiểm phiếu.

**3.6. Tờ trình thông qua báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán:**

Đại hội đã nghe Bà Nguyễn Thị Thu Hoài – Kế toán trưởng Công ty, báo cáo tờ trình thông qua báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

3.6.1. Đại hội tiến hành thảo luận:

Các cổ đông không có ý kiến về báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

3.6.2. Chủ tọa Đại hội lấy ý kiến Cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

Kết quả biểu quyết:

- ✓ Tán thành: 9.114.620 cổ phần, bằng 96,93% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Không tán thành: 288.360 cổ phần, bằng 3,07% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết
- ✓ Không có ý kiến: 0 cổ phần, bằng 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

**3.7. Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:**

Đại hội đã nghe Bà Nguyễn Thị Thu Hoài – Kế toán trưởng Công ty, báo cáo tờ trình về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025.

3.7.1. Đại hội tiến hành thảo luận:

\* Ý kiến của Cổ đông STT 30:

Phân phối lợi nhuận trả cổ tức đang đề 25% đề nghị xem xét tăng lên 26%.

\* Ông Vũ Minh Tân – Chủ tịch HĐQT công ty trả lời:

Việc chi trả cổ tức công ty đã cân đối hài hoà trong việc trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2025 là 25%, tăng 2% so với năm 2024.



3.7.2. Chủ tọa Đại hội lấy ý kiến Cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

Kết quả biểu quyết:

- ✓ Tán thành: 9.114.620 cổ phần, bằng 96,93% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Không tán thành: 288.360 cổ phần, bằng 3,07 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết
- ✓ Không có ý kiến: 0 cổ phần, bằng 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

**3.8. Tờ trình thông qua việc quyết toán chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2026:**

Đại hội đã nghe Bà Nguyễn Thị Thu Hoài – Kế toán trưởng Công ty, báo cáo tờ trình thông qua việc quyết toán chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2026.

3.8.1. Đại hội tiến hành thảo luận:

Các cổ đông không có ý kiến về việc quyết toán chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2026.

3.8.2. Chủ tọa Đại hội lấy ý kiến Cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

Kết quả biểu quyết:

- ✓ Tán thành: 9.112.820 cổ phần, bằng 96,93% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Không tán thành: 288.360 cổ phần, bằng 3,07 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết
- ✓ Không có ý kiến: 1.800 cổ phần, bằng 0,02% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

**3.9. Tờ trình thông qua việc lựa chọn danh sách Công ty thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026:**

Đại hội đã nghe Ông Phạm Trung Hợp - Trưởng ban kiểm soát Công ty, báo cáo tờ trình về việc lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty.

3.9.1. Đại hội tiến hành thảo luận: Các cổ đông không có ý kiến

3.9.2. Chủ tọa Đại hội lấy ý kiến Cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

Kết quả biểu quyết:

- ✓ Tán thành: 9.114.620 cổ phần, bằng 96,93% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.
- ✓ Không tán thành: 288.360 cổ phần, bằng 3,07 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết
- ✓ Không có ý kiến: 0 cổ phần, bằng 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

**3.10. Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch Đầu tư xây dựng năm 2026:**

Đại hội đã nghe Ông Trần Quang Khải - Thành viên HĐQT; Giám đốc Công ty, báo cáo tờ trình về việc thông qua kế hoạch SXKD và kế hoạch ĐTXD năm 2026.



3.10.1. Đại hội tiến hành thảo luận: Các cổ đông không có ý kiến

3.10.2. Chủ tọa Đại hội lấy ý kiến Cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

Kết quả biểu quyết:

✓ Tán thành: 8.514.980 cổ phần, bằng 90,56% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Không tán thành: 288.360 cổ phần, bằng 3,07% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

✓ Không có ý kiến: 599.640 cổ phần, bằng 6,38% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

**3.11. Tờ trình thông qua việc ký kết hợp đồng mua, bán hàng hóa với người có liên quan của Công ty để phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2026:**

Đại hội đã nghe Ông Trần Quang Khải - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty, báo cáo tờ trình thông qua hợp đồng giao dịch với người có liên quan của Công ty (>35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp) để phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2026.

3.11.1. Đại hội tiến hành thảo luận:

Các cổ đông không có ý kiến về việc ký kết hợp đồng mua, bán hàng hóa với người có liên quan của Công ty để phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2026.

3.11.2. Đại hội lấy ý kiến Cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

Sau khi loại trừ số phiếu biểu quyết của người có liên quan là **6.165.960 cổ phần**, số lượng cổ phần có quyền biểu quyết thông qua việc ký kết hợp đồng mua, bán hàng hóa với người có liên quan, giá trị lớn với tổng số cổ phần là **3.237.020 cổ phần** có quyền biểu quyết tại Đại hội như sau:

Kết quả biểu quyết:

✓ Tán thành: 2.948.660 cổ phần, chiếm 91,09% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Không tán thành: 288.360 cổ phần, chiếm 8,91% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

**3.12. Tờ trình thông qua sửa đổi Điều lệ của Công ty năm 2026.**

Đại hội đã nghe Ông Trần Quang Khải - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty, báo cáo tờ trình thông qua việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty:

Sửa đổi “Ngành nghề kinh doanh của Công ty” tại Khoản 1, Điều 4, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

3.12.1. Đại hội tiến hành thảo luận: Các cổ đông không có ý kiến

3.12.2. Chủ tọa Đại hội lấy ý kiến Cổ đông bằng phiếu biểu quyết thông qua nội dung trên.

Kết quả biểu quyết:

✓ Tán thành: 9.152.220 cổ phần, bằng 97,33% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Không tán thành: 250.860 cổ phần, bằng 2,67% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết



✓ Không có ý kiến: 0 cổ phần, bằng 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

### **3.13. Công nhận kết quả bầu cử bầu thành viên HĐQT Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, nhiệm kỳ 2023 – 2028**

Đại hội đã nghe Ông Vũ Minh Tân – Chủ tọa Đại hội báo cáo kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT, nhiệm kỳ 2023 – 2028:

- Ông: Lê Danh Thắng

+ Số phiếu phát ra là 32 phiếu tương ứng với 9.402.980 cổ phần

+ Số phiếu thu về là 32 phiếu tương ứng với 9.402.980 cổ phần

+ Số phiếu hợp lệ là 32 phiếu tương ứng với 9.402.980 cổ phần

+ Số phiếu không hợp lệ là 0 phiếu tương ứng với 0 cổ phần

+ Số phiếu trắng là 0 phiếu tương ứng với 0 cổ phần

#### Kết quả bầu cử:

✓ Tán thành: 9.114.620 phiếu (tương ứng với 9.114.620 cổ phần), bằng 96,93% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

\* Căn cứ kết quả bầu cử Ông Lê Danh Thắng trúng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, nhiệm kỳ 2023 – 2028

### **III. Thông qua nghị quyết, biên bản và bế mạc đại hội**

1. Ông Lê Xuân Tình - Thư ký Đại hội đọc dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026.

\* Chủ tọa Đại hội lấy ý kiến cổ đông bằng biểu quyết thông qua nội dung trên.

- Kết quả biểu quyết thông qua toàn văn Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026:

✓ Tán thành: 9.114.620 cổ phần, chiếm 96,93% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Không tán thành: 288.360 cổ phần, chiếm 3,07% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

✓ Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

2. Ông Lê Xuân Tình - Thư ký đại hội đọc dự thảo Biên bản Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026.

\* Chủ tọa Đại hội lấy ý kiến cổ đông bằng biểu quyết thông qua nội dung trên.

- Kết quả biểu quyết thông qua toàn văn Biên bản Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026:

✓ Tán thành: 9.114.620 cổ phần, chiếm 96,93% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

✓ Không tán thành: 288.360 cổ phần, chiếm 3,07 % tổng số cổ phần tham gia biểu quyết

✓ Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phần tham gia biểu quyết.

Biên bản này được Thư ký Đại hội ghi lại đầy đủ, trung thực đã được đọc trước Đại hội và được Đại hội biểu quyết thông qua.



3. Ông Vũ Minh Tân - Chủ tọa phát biểu cảm ơn và bế mạc Đại hội.

Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI năm 2026, kết thúc vào hồi 12 giờ 35 phút ngày 24 tháng 4 năm 2026./.

**THƯ KÝ ĐẠI HỘI**

**Lê Xuân Tình**

**TM.ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**



**Vũ Minh Tân**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

La Hiên, ngày 24 tháng 04 năm 2026



## DANH SÁCH CỔ ĐÔNG

Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Công ty cổ phần xi măng La Hiên - VVMI

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN			SỐ CMND/CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	KÝ XÁC NHẬN	HỌ VÀ TÊN
		SL CP THAM DỰ	VỐN CP NN	TỔNG CỘNG					
1	VŨ MINH TÂN	74.500		74.500	019067013204	07/01/2022	Cục CSĐKQL cư trú và DLQG về dân cư		Vũ Minh Tân
2	LÊ DANH THẮNG	18.000	6.165.960	6.183.960	019067007979	02/06/2025	Bộ Công an		Lê Danh Thắng
3	TRẦN QUANG KHẢI	506.490		506.490	019073008808	28/08/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Trần Quang Khải
4	HÀ VĂN CHUYÊN	132.540		132.540	030066018317	22/11/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Hà Văn Chuyên
5	PHẠM MẠNH TIỀN	80.520		80.520	019069001194	21/04/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Phạm Mạnh Tiến
6	NGUYỄN THANH TRƯỜNG	10.800		10.800	010066003712	28/08/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Nguyễn Thanh Trường
7	NGUYỄN SÓNG GIÓ	5.880		5.880	030068011657	09/05/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Nguyễn Sóng Gió
8	NGUYỄN THỊ THU HOÀI	67.280		67.280	019188006028	09/05/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Nguyễn Thị Thu Hoài
9	PHẠM TRUNG HỢP	8.880		8.880	019078008911	20/08/2022	Cục CSQLHC về trật tự XH		Phạm Trung Hợp
10	NGUYỄN XUÂN HẬU	28.720		28.720	019060006402	14/06/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Nguyễn Xuân Hậu
11	NGUYỄN THỊ VIỆT HOA	133.560		133.560	019176011415	31/08/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Nguyễn Thị Việt Hoa
12	NGUYỄN VĂN VƯỢNG	13.040		13.040	026066003807	25/04/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Nguyễn Văn Vượng
13	LÊ XUÂN TÌNH	24.680		24.680	001072037055	28/08/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Lê Xuân Tình





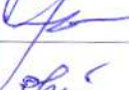
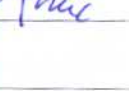
**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG****Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026****Công ty cổ phần xi măng La Hiên - VVMI**

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN			SỐ CMND/CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	KÝ XÁC NHẬN	HỌ VÀ TÊN
		SL CP THAM DỰ	VỐN CP NN	TỔNG CỘNG					
14	NGUYỄN VĂN HƯỜNG	8.880		8.880	19.061.000.019	25/07/2022	Cục CSQLHC về trật tự XH	<i>ngv</i>	<i>ng. văn hường</i>
15	NGUYỄN THẠCH CƯƠNG	13.200		13.200	019068000360	06/04/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH	<i>thc</i>	<i>Nguyễn Thạch Cương</i>
16	LÊ QUANG GIÁP	645.540		645.540	042073009826	25/06/21	Cục CSQLHC về trật tự XH	<i>L</i>	<i>Lê Quang Giáp</i>
17	TRỊNH THỊ BÌNH	19.200		19.200	019174002168	29/04/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH	<i>trb</i>	<i>Trình Thị Bình</i>
18	ĐỖ TRUNG KIÊN	4.980		4.980	019077062100	17/09/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH	<i>dk</i>	<i>Đỗ Trung Kiên</i>
19	ĐỖ VĂN NGHỊ	14.280		14.280	036078013313	31/08/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH	<i>dk</i>	<i>Đỗ Văn Nghị</i>
20	NGUYỄN QUANG LÂM	20.260		20.260	030073013066	28/08/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH	<i>lq</i>	<i>Nguyễn Q. Lâm</i>
21	HỒ NGỌC LONG	27.600		27.600	034078028005	03/07/2023	Cục CSQLHC về trật tự XH	<i>hnl</i>	<i>Hồ Ngọc Long</i>
22	HÀ QUANG TIẾN	12.480		12.480	025072014238	28/08/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH	<i>hqt</i>	<i>Hà Quang Tiến</i>
23	LÊ HUY HOÀNG	198.240		198.240	019071015349	17/09/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH	<i>lhh</i>	<i>Lê Huy Hoàng</i>
24	NGÔ HẢI LONG	235.200		235.200	001092051070	06/05/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH	<i>nhl</i>	<i>Ngô Hải Long</i>
25	LÊ HỮU THƯỚC	24.510		24.510	025077003339	25/04/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH	<i>lht</i>	<i>Lê Hữu Thước</i>
26	NÔNG DUY HIỆP	5.040		5.040	019080001727	25/04/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH	<i>ndh</i>	<i>Nông Duy Hiệp</i>
27	NGUYỄN THỊ HẰNG	4.200		4.200	001173034353	02/11/2022	Cục CSQLHC về trật tự XH	<i>thh</i>	<i>Nguyễn Thị Hằng</i>
28	HOÀNG THỊ THÚY	599.640		599.640	019173001154	18/04/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH	<i>tht</i>	<i>Hoàng Thị Thuy</i>



DANH SÁCH CỔ ĐÔNG

Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026  
Công ty cổ phần xi măng La Hiên - VVMI

STT	HỌ VÀ TÊN	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN			SỐ CMND/CCCD	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	KÝ XÁC NHẬN	HỌ VÀ TÊN
		SL CP THAM DỰ	VỐN CP NN	TỔNG CỘNG					
29	NGUYỄN NGỌC TRUNG	8.720		8.720	019089001191	13/04/2021	Cục CSQLHC về trật tự XH		Nguyễn Ngọc Trung
30	PHÍ LONG	250.860		250.860	001071012884	10/08/2022	Cục CSQLHC về trật tự XH		Phí Long
31	LÊ MINH HOÀNG	37.500		37.500	001097026579	22/07/2024	Bộ Công an		Lê Minh Hoàng
32	NGUYỄN MINH PHÚC	1.800		1.800	019087002690	11/6/2023	Cục CSQLHC về trật tự XH		Nguyễn Minh Phúc
	TỔNG CỘNG:	3.237.020	6.165.960	9.402.980					78,36

Bằng chữ: Chín triệu, bốn trăm linh hai nghìn, chín trăm tám mươi cổ phần.



**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025**  
**VÀ NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026**

Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026

*Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11/01/2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI ban hành kèm theo Quyết định số 16/QĐ-HĐQT, ngày 26/4/2021 của Hội đồng quản trị;*

Thực hiện nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 29/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/04/2025, quyết định số 30/QĐ-HĐQT ngày 18/4/2025 của HĐQT Công ty về việc giao kế hoạch ĐTXD năm 2025, quyết định số 33/QĐ-HĐQT ngày 18/4/2025 của HĐQT Công ty về việc giao kế hoạch SXKD năm 2025. Giám đốc Công ty xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026 như sau:

**PHẦN THỨ NHẤT**  
**TÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2025**

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Thuận lợi:**

Được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng ủy và chỉ đạo của Hội đồng quản trị Công ty, sự đoàn kết nhất trí cao trong chỉ đạo điều hành của đội ngũ cán bộ và tập thể người lao động đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để Công ty hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ SXKD năm 2025.

**2. Khó khăn:**

Năm 2025 là một năm tiếp tục có nhiều biến động về nền kinh tế trong nước, ngành sản xuất vật liệu xây dựng bị ảnh hưởng nghiêm trọng, tiêu thụ xi măng ở cả thị trường nội địa và xuất khẩu đều giảm do chịu tác động từ suy giảm kinh tế, giải ngân đầu tư công chậm và nội tại ngành dư thừa công suất, các công trình, dự án cũng bị đình trệ triển khai, thậm chí phải giãn, hoãn tiến độ khi gặp khó khăn



về nguồn vốn, giải ngân vốn đầu tư công chưa thuận lợi. Cùng đó, thị trường bất động sản dự báo tiếp tục trầm lắng và tăng trưởng âm, thị trường xi măng tiếp tục mất cân đối, nguồn cung vượt cao so với nhu cầu đã ảnh hưởng lớn đến sản lượng tiêu thụ của xi măng La Hiên.

Năm 2025 thị trường tiêu thụ xi măng nội địa tiếp tục cạnh tranh khốc liệt giữa sản phẩm của xi măng La Hiên với nhiều các thương hiệu xi măng khác như xi măng Long Sơn, Thành Thắng Xuân Thành, Visai, Pomihóa... tại các thị trường chính như Thái Nguyên, Bắc Cạn, Cao Bằng, Lạng Sơn. Do vậy, thị phần tiêu thụ sản phẩm xi măng La Hiên đã và đang ảnh hưởng bởi các thương hiệu xi măng nói trên làm ảnh hưởng lớn đến sản lượng tiêu thụ của Công ty.

Năm 2025, hoạt động sản xuất và tiêu thụ của Công ty đối mặt với "thách thức kép" từ thị trường và thiên tai. Thị trường xi măng nội địa tiếp tục tình trạng cạnh tranh gay gắt về giá, gây áp lực lớn lên sản lượng tiêu thụ. Bên cạnh đó, các yếu tố đầu vào biến động bất lợi, đặc biệt là việc điều chỉnh tăng giá điện đã đẩy chi phí biến đổi tăng cao, đặc biệt đối với các ngành tiêu thụ nhiều điện như thép, xi măng, do vậy phải điều chỉnh cơ cấu chi phí, tăng chi phí đầu vào, ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của Công ty.

Về điều kiện khách quan, do ảnh hưởng của hoàn lưu bão số 11 (MATMO) và diễn biến thời tiết cực đoan đã làm gián đoạn chuỗi cung ứng, đình trệ các công trình xây dựng. Đồng thời, quá trình chuyển đổi mô hình chính quyền hai cấp tại địa phương trong giai đoạn đầu còn gặp nhiều lúng túng về quy trình phối hợp, dẫn đến các thủ tục hành chính, phê duyệt dự án và công tác giải phóng mặt bằng bị chậm trễ, ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ tiêu thụ sản phẩm tại các thị trường trọng điểm.

Hệ thống thiết bị dây chuyền sản xuất nằm trong tình trạng lạc hậu, năng suất thấp như hệ thống ghi lạnh, máy nghiền xi măng, máy đóng bao, hệ thống đo đếm tín hiệu điều khiển, hệ thống thiết bị phân tích chất lượng sản phẩm, ... cần có sự cải tiến để tăng năng suất thiết bị và chất lượng sản phẩm.

Mặc dù Công ty phải trải qua những khó khăn, thách thức rất lớn. Tuy nhiên, với sự đoàn kết, không ngừng phấn đấu, năng động sáng tạo của tập thể cán bộ công nhân viên công ty đã chủ động tích cực tận dụng những cơ hội, khắc phục được những khó khăn để hoàn thành mục tiêu lợi nhuận kế hoạch đề ra.

## II. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2025

### 1. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2025	Thực hiện năm 2025	% TH/KH
<b>A</b>	<b>Chỉ tiêu hiện vật</b>				
<b>I</b>	<b>Sản lượng sản xuất</b>	<b>Tấn</b>	<b>630.000</b>	<b>694.367,16</b>	<b>110,22</b>
1	Xi măng	Tấn	610.000	684.354,63	112,19
2	Clinker thương phẩm	Tấn	20.000	10.012,53	50,06
<b>II</b>	<b>Sản lượng tiêu thụ</b>	<b>Tấn</b>	<b>630.000</b>	<b>694.367,16</b>	<b>110,22</b>
1	Xi măng	Tấn	610.000	684.354,63	112,19



Stt	Chỉ tiêu	DVT	KH năm 2025	Thực hiện năm 2025	% TH/KH
2	Clinker thương phẩm	Tấn	20.000	10.012,53	50,06
<b>B</b>	<b>Doanh thu, thu nhập khác</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>605.381,98</b>	<b>712.588,94</b>	<b>117,71</b>
1	Xi măng	Tr.đ	586.958,38	696.509,08	118,66
2	Clinker thương phẩm	Tr.đ	12.545,44	7.046,59	56,17
3	Doanh thu, thu nhập khác	Tr.đ	5.878,16	9.033,26	153,67
<b>C</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>30.000</b>	<b>52.277,55</b>	<b>174,26</b>
<b>D</b>	<b>Cổ tức (dự kiến)</b>	<b>%</b>	<b>12</b>	<b>25</b>	<b>208,33</b>
<b>G</b>	<b>Nộp ngân sách Nhà nước</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>31.194</b>	<b>36.009</b>	<b>115,44</b>
<b>E</b>	<b>Lao động và thu nhập</b>				
1	Lao động bình quân	Người	459	429	93,46
2	Tiền lương bq theo LĐ bình quân	Đ/n/th	10.942.000	17.553.360	160,42

## 2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2025 trong bối cảnh nền kinh tế nước ta đang phải chịu ảnh hưởng từ các yếu tố bên ngoài như: Xung đột chính trị quân sự giữa Nga và Ucraina vẫn đang tiếp tục diễn ra, giá nguyên liệu, nhiên liệu đầu vào tăng cao, nhất là giá xăng dầu; lạm phát gia tăng ở nhiều nước trên thế giới; sự phục hồi kinh tế chậm ở các nước có đối tác thương mại lớn đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong bối cảnh trên ngay từ những tháng đầu năm, năm bắt được thị trường sẽ có nhiều diễn biến phức tạp. Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI đã khắc phục khó khăn, tích cực triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, Ban lãnh đạo Công ty luôn sát sao trong việc điều hành kế hoạch SXKD theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Công ty xem xét một cách thận trọng trong việc hoạch định chiến lược phát triển của mình trên cơ sở hạn chế đến mức tối đa những tác động tiêu cực từ nền kinh tế, đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Do biến động của thị trường, năm 2025 tiêu thụ xi măng ở cả thị trường nội địa và xuất khẩu đều giảm do chịu tác động từ suy giảm kinh tế, giải ngân đầu tư công chậm và nội tại ngành dư thừa công suất, các công trình, dự án cũng bị đình trệ triển khai, thậm chí phải giãn, hoãn tiến độ khi gặp khó khăn về nguồn vốn, giải ngân vốn đầu tư công chưa thuận lợi. Cùng đó, thị trường bất động sản dự báo tiếp tục trầm lắng và tăng trưởng âm, thị trường xi măng tiếp tục mất cân đối, nguồn cung vượt cao so với nhu cầu đã ảnh hưởng lớn đến sản lượng tiêu thụ của xi măng La Hiên, trong năm 2025 sản lượng tiêu thụ đạt 694.367 tấn/KH 630.000 tấn đạt 110,22%, doanh thu đạt 712.589 tr.đ/KH 605.382 tr.đ đạt 117,71%, lợi nhuận trước thuế đạt 52.277 tr.đ/KH 30.000 tr.đ bằng 174,26%.

Ngay từ đầu năm Công ty đã ban hành các giải pháp điều hành thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025 và đồng thời triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí.

Năm 2025 Công ty tập trung sản xuất trên dây chuyền lò quay 2 và duy trì thiết bị dây chuyền hoạt động ổn định năng suất chất lượng đáp ứng nhu cầu tiêu thụ: Đối với dây chuyền lò quay 2 Công ty đã chủ động dừng lò vào dịp nghỉ tết



nguyên dần và mùa mưa hàng năm, sản lượng tiêu thụ thường giảm để sửa chữa bảo dưỡng theo kế hoạch nhằm giảm tồn kho sản phẩm đồng thời tăng cường năng lực thiết bị sản xuất.

Trong năm 2025, cân đối sản lượng tiêu thụ và sản phẩm tồn kho Công ty đã dừng chủ động dây chuyền lò 2 để thực hiện bảo dưỡng sửa chữa thiết bị dây chuyền theo kế hoạch. Các hạng mục chính được sửa chữa thay thế như sau: Thay thế đoạn thân vỏ lò D3,5m x23,9m, thay bộ vòi đốt 5 kênh mới, thay bộ tấm bịt đầu lò, thay gạch lò 24m đầu lò, 4,6m đoạn bánh răng, Trung đại tu lọc bụi khí thừa, thay thế vòng bi con lăn máy nghiền liệu sống, thay bánh răng hộp số nghiền liệu sống, sửa chữa vệ sinh hệ thống sục silo bột liệu sống, đổ bê tông trần đầu lò, thay 17m gạch lò. Đối với hai dây chuyền nghiền xi măng: Công ty chủ động cân đối sản lượng tiêu thụ để thực hiện bảo dưỡng sửa chữa theo kế hoạch (thay thế tấm lót nghiền, sửa chữa phân ly...). Sau bảo dưỡng sửa chữa dây chuyền hoạt động ổn định, đạt năng suất, chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ cho thị trường.

- Các giải pháp điều hành tiết kiệm chi phí năm 2025: Công ty tiếp tục các biện pháp cải tiến thiết bị giảm cỡ hạt nguyên vật liệu đầu vào tăng năng suất một số thiết bị chính có suất tiêu hao điện năng lớn. Điều hành duy trì năng suất thiết bị của công đoạn nghiền xi măng 55 đạt 62-66 tấn/h PCB30; nghiền xi măng 110 đạt 140-145 tấn/h PCB30, công đoạn nghiền liệu sống 2 đạt năng suất trên 160 tấn/h, huy động thiết bị hoạt động tối đa vào giờ thấp điểm và giờ bình thường, không vận hành giờ cao điểm. Để tiết kiệm đáng kể chi phí điện năng giảm giá thành sản xuất.

- Kiểm soát và khống chế kích thước nguyên vật liệu đất sét, đất cao silic đảm bảo đổ thẳng vào kho sản xuất, cắt giảm công đoạn gia công.

- Sử dụng đá vôi mỏ đá La Hiên làm phụ gia xi măng.

- Tăng cường sử dụng đá thải khánh hòa trong phối liệu sống, tiết giảm định mức tiêu hao than tiết kiệm chi phí sản xuất.

### **3. Dự án đầu tư thực hiện trong năm 2025:**

Công ty luôn ưu tiên những dự án có hiệu quả kinh tế cao và thực sự cần thiết trước. Trong năm 2025 Công ty đã triển khai thực hiện các dự án đầu tư chuyển tiếp và dự án đầu tư ghi trong kế hoạch năm, các dự án đã được triển khai và thực hiện cụ thể như sau:

#### **1. Công trình khởi công mới:**

(1). Dự án đầu tư Hệ thống xếp bao tự động:

- Hệ thống xếp bao tự động đã được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng ngày 20/3/2025;

- Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 37/QĐ-HĐQT ngày 08/5/2025 với tổng giá trị quyết toán 11.291 triệu đồng;

- Giá trị giải ngân: 11.167 triệu đồng.

(2) Dự án đầu tư hệ thống phun sương dập bụi

- Nghiệm thu bàn giao vào sử dụng ngày 31/10/2025;



- Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 93/QĐ-HĐQT ngày 30/12/2025 với tổng giá trị quyết toán 1.746 triệu đồng;

- Giải ngân: 1.746 triệu đồng;

(3) Dự án đầu tư máy xúc thủy lực gầu ngược, dung tích gầu  $\geq 1,4m^3$ .

- Nghiệm thu bàn giao vào sử dụng ngày 15/12/2025;

- Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành tại Quyết định số 95/QĐ-HĐQT ngày 30/12/2025 với tổng giá trị quyết toán 4.227 triệu đồng;

- Giải ngân: 4.227 triệu đồng;

(4) Dự án đầu tư xây dựng hàng rào khu phía Đông Nam.

- Tổng Công ty đã thông qua dự án tại văn bản thông qua số 2219/CMV-DTXD ngày 19/08/2025;

- Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI đã phê duyệt dự án tại Quyết định số 61/QĐ-HĐQT ngày 27/8/2025 với tổng mức đầu tư: 6.557 triệu đồng; thời gian thực hiện: Năm 2025-2026.

- Giám đốc Công ty phê duyệt KQLCNT tại Quyết định số 919/QĐ-KHVT ngày 11/11/2025;

- Ký hợp đồng số 426/HĐXD-KHVT ngày 17/11/2025. Thời gian thực hiện hợp đồng 89 ngày.

- Đang triển khai thực hiện dự án, tiến độ theo đúng hợp đồng hai bên đã ký.

## **2. Điều tra khảo sát, quy hoạch chuẩn bị đầu tư:**

(1) Dự án đầu tư hệ thống đóng bao năng suất  $\geq 110$  tấn/giờ: Đơn vị tư vấn đã khảo sát trực tiếp tại Công ty và lập phương hiện tại tổ thẩm định đã thẩm định xong đề cương báo cáo nghiên cứu khả thi dự án để báo cáo Giám đốc công ty xem xét.

Phê duyệt đề cương báo cáo nghiên cứu khả thi số 603/QĐ-KHVT ngày 31/7/2025.

- Ký hợp đồng số 284/HĐTV-KHVT ngày 06/8/2025 tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi với Viện vật liệu xây dựng – Bộ xây dựng;

- Đang trình Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

(2) Dự án cải tạo dây chuyền sản xuất xi măng công suất 1.600 tấn clinker/ngày: Các đơn vị tư vấn khảo sát đánh giá hiện trạng dây chuyền, lập đề cương báo cáo đề xuất dự án đầu tư.

### **\* Công tác đầu tư xây dựng:**

Mục tiêu trong công tác đầu tư xây dựng của Công ty là huy động và sử dụng có hiệu quả cao nhất các nguồn vốn đầu tư, khai thác tối đa các nguồn lực để đầu tư hiệu quả. Đầu tư theo kế hoạch, thiết kế được duyệt đảm bảo cho dự án



công trình bền vững, an toàn và hiệu quả, bảo vệ môi trường sinh thái. Thực hiện các bước công việc từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, đưa dự án vào khai thác sử dụng phải tuân thủ đúng pháp luật và các quy định hiện hành của nhà nước.

### **3. Tình hình công tác quản lý kế toán, tài chính:**

Tuân thủ đầy đủ yêu cầu các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác kế toán - thống kê - tài chính, thực hiện hoạch toán và lập báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, năm đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp; cập nhật và áp dụng kịp thời, đúng đủ các thay đổi chế độ kế toán của Nhà nước và Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam.

Thực hành đúng các quy định trong công tác hạch toán kế toán, thực hiện tốt các quy định trong chuẩn mực kế toán. Quản lý tốt công nợ phải thu, phải trả; thường xuyên phân tích, đánh giá tuổi nợ để có biện pháp xử lý kịp thời, hạn chế rủi ro trong công nợ.

Luôn đáp ứng đầy đủ, kịp thời nguồn vốn cho hoạt động SXKD của Công ty. Nhạy bén, linh hoạt trong công tác sử dụng vốn, nâng cao hiệu quả đồng vốn, tiết kiệm tốt chi phí lãi vay, tăng doanh thu tài chính trên 2,06 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2024. Thực hiện đúng theo qui định của Nhà nước về quản lý tài chính, hạn chế rủi ro trong kinh doanh.

Chi trả đầy đủ kịp thời tiền lương và các chế độ cho người lao động; trả cổ tức cho các cổ đông, thực hiện việc ghi bổ sung cổ phần và điều chỉnh thông tin cho phù hợp với các cổ đông chưa thực hiện lưu ký.

Thực hiện quản lý tốt tài sản, nguồn vốn của Công ty. Trả lãi vay kịp thời đúng kỳ hạn. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước; nộp BHXH-Y tế- BH thất nghiệp cho người lao động.

Các hệ số tài chính được cải thiện và đảm bảo, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu đạt 0,55 lần, giảm 0,01 lần so với cùng kỳ năm 2024.

### **4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:**

Thực hiện nghiêm túc theo chỉ đạo của TKV và Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV. Hiện nay Công ty đã sắp xếp, cơ cấu lại mô hình tổ chức theo đúng mô hình mẫu của Tổng Công ty ban hành gồm 6 phòng và 4 phân xưởng sản xuất.

Tình hình lao động tại Công ty:

Lao động có mặt tại thời điểm đến 31/12/2025 là 386 người.

Thu nhập bình quân là: 17,553 triệu đồng/người/tháng; Việc chi trả, phân phối tiền lương, đào tạo, nâng lương nâng bậc thực hiện đúng quy định pháp luật, phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

Áp dụng Quy chế quản lý lao động, tiền lương, thu hút lao động thuộc khu vực sản xuất chính và có mức độ ảnh hưởng lớn trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Người lao động có tâm huyết làm việc lâu dài tại Công ty, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao, tay nghề giỏi, chấp hành tốt các nội quy, quy chế và sự phân công của đơn vị, đạt và vượt năng suất lao động giao khoán, bảo đảm tiến độ chất lượng sản phẩm và an toàn lao động.



Tập trung đẩy nhanh phát triển Công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số vào trong quản trị nội bộ và hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty từ đó các quy trình làm việc sẽ được tự động hóa nhờ chuyển đổi số, rút ngắn được thời gian vận hành, giảm thiểu các đầu việc không cần thiết, giúp minh bạch hóa, tối ưu hóa công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh

Tiếp tục tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của Ban lãnh đạo Công ty để thúc đẩy thực hiện Chuyển đổi số; Phổ cập kỹ năng số cho các đối tượng tham gia vào quá trình Chuyển đổi số của Công ty.

Chuyển đổi số trong quản trị nội bộ và hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, giúp minh bạch hóa, tối ưu hóa công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh. Triển khai một số hệ thống ứng dụng, giải pháp phục vụ Chuyển đổi số giúp nâng cao hiệu quả quản trị điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty trên nền tảng Hệ thống ứng dụng dùng chung; Các ứng dụng nghiệp vụ sử dụng dữ liệu lớn với các công cụ tiện ích phân tích, dự báo hỗ trợ Ban lãnh đạo Công ty ra quyết định một cách hiệu quả.

Tiếp tục rà soát đề quản lý chặt chẽ hơn các định mức tiêu hao vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng và các chi phí khác nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tiếp tục ban hành các quy chế quản lý nhằm quản lý tốt hơn và phù hợp với các quy định của pháp luật.

## **PHẦN THỨ HAI**

### **NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH NĂM 2026**

#### **I. Đặc điểm tình hình:**

Năm 2026 tình hình quốc tế, trong nước dự báo có những thời cơ thuận lợi, khó khăn thách thức đan xen. Trong bối cảnh, nền kinh tế đối mặt với nhiều thách thức, sức ép lạm phát lớn, giá xăng, dầu, nhiên liệu, nguyên vật liệu đầu vào biến động mạnh; ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế nước ta. Dự báo thị trường tiêu thụ xi măng năm 2026 cạnh tranh rất khốc liệt, các thị trường xuất khẩu không ổn định, tăng giảm thất thường do cung vượt cầu, khó khăn và thách thức đối với Công ty là rất lớn.

Trong bối cảnh đó đòi hỏi toàn thể cán bộ, công nhân viên và người lao động Công ty tiếp tục nỗ lực hơn nữa vượt qua khó khăn thách thức để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2026 tạo tiền đề thuận lợi cho Công ty bước vào giai đoạn phát triển mới.

#### **II. Nhiệm vụ và các giải pháp cụ thể trong công tác điều hành:**

##### **1. Nhiệm vụ thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2026**

Mục tiêu nhiệm vụ của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI là:

Duy trì sản xuất ổn định, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm; tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mô hình phù hợp. Công tác đầu tư tiếp tục được đẩy mạnh theo hướng áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới cải



tiến và hoàn thiện từng công đoạn sản xuất trong dây chuyền lò quay xi măng loại bỏ thiết bị cũ lạc hậu về kỹ thuật không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh sản phẩm đảm bảo tăng trưởng hợp lý, bền vững.

Bám sát các chỉ tiêu kinh tế mà đại hội cổ đông đề ra, giao kế hoạch cụ thể cho các phòng ban phân xướng theo từng tháng, quý để đảm bảo hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu đó được tốt nhất và mang lại hiệu quả cao nhất, cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2026	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Chỉ tiêu hiện vật</b>			
<b>I</b>	<b>Sản lượng sản xuất</b>	<b>Tấn</b>		
1	Xi măng	“	640.000	
2	Clinker thương phẩm	“	447.590	
<b>II</b>	<b>Sản lượng tiêu thụ</b>	<b>“</b>	<b>640.000</b>	
1	Xi măng	“	625.000	
2	Clinker thương phẩm	“	15.000	
<b>B</b>	<b>Doanh thu, Thu nhập khác</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>626.878</b>	
1	Xi măng, Clinker thương phẩm	Tr.đ	619.584	
2	Doanh thu khác, doanh thu tài chính và thu nhập khác	Tr.đ	7.294	
<b>C</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>30.000</b>	
<b>D</b>	<b>Cổ tức %VĐL</b>	<b>%</b>	<b>15</b>	
<b>E</b>	<b>Nộp ngân sách nhà nước</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>30.144</b>	
<b>F</b>	<b>Lao động và tiền lương</b>			
1	Lao động định mức	Người	406	
2	Tiền lương bình quân	1000 đ/ng/th	12.685	

## 2. Nhiệm vụ thực hiện công tác đầu tư xây dựng 2026

Mục tiêu trong công tác đầu tư xây dựng của Công ty là huy động và sử dụng có hiệu quả cao nhất các nguồn vốn đầu tư, khai thác tối đa các nguồn lực để đầu tư hiệu quả. Đầu tư theo kế hoạch, thiết kế được duyệt đảm bảo cho dự án công trình bền vững, an toàn và hiệu quả, bảo vệ môi trường sinh thái. Thực hiện các bước công việc từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, đưa dự án vào khai thác sử dụng phải tuân thủ đúng pháp luật và các quy định hiện hành của nhà nước.

Kế hoạch ĐTXD năm 2026: Tổng giá trị đầu tư ước tính bao gồm các hạng mục, dự án chủ yếu như:

TT	Hạng mục	Tổng mức đầu tư (được duyệt/dự kiến)	ĐVT	Số lượng	Kế hoạch thực hiện đầu tư năm 2026 (Tr.đ)
<b>I</b>	<b>Công trình chuyển tiếp</b>	<b>6.557</b>			<b>4.673</b>



TT	Hạng mục	Tổng mức đầu tư (được duyệt/dự kiến)	ĐVT	Số lượng	Kế hoạch thực hiện đầu tư năm 2026 (Tr.đ)
1	Dự án xây dựng hàng rào khu phía Đông Nam	6.557	DA	1	4.673
<b>II</b>	<b>Công trình khởi công mới</b>	<b>5.067</b>			<b>1.210</b>
1	Dự án đầu tư hệ thống đóng gói và xuất xi măng bao jumbo	3.902	DA	1	45
2	Dự án đầu tư vận thăng phục vụ sửa chữa bảo dưỡng thiết bị quan trắc tự động	1.165	DA	1	1.165
<b>III</b>	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>	<b>267.820</b>			<b>1.174</b>
1	Dự án đầu tư hệ thống đóng bao năng suất $\geq 110$ tấn/h	29.820	DA	1	724
2	Dự án cải tạo dây chuyền sản xuất xi măng công suất 1.600 tấn clinker/ngày	238.000	DA	1	450
<b>IV</b>	<b>Tổng cộng (IV=I+II+III)</b>	<b>279.444</b>			<b>7.057</b>

### 3. Về các giải pháp cụ thể trong công tác điều hành

- Bám sát các chỉ tiêu trong kế hoạch SXKD và kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2026 mà đại hội cổ đông đã thông qua và HĐQT triển khai thực hiện theo từng quý để đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề ra.

- Duy trì sản xuất ổn định, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm; tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, tăng cường quản trị chi phí với mô hình phù hợp. Công tác đầu tư tiếp tục được đẩy mạnh theo hướng áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới cải tiến và hoàn thiện từng công đoạn sản xuất trong dây chuyền lò quay xi măng loại bỏ thiết bị cũ lạc hậu về kỹ thuật không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh sản phẩm đảm bảo tăng trưởng hợp lý, bền vững.

- Tăng cường hơn nữa sự thống nhất phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị, bộ phận trong công ty đảm bảo điều hành trong quá trình sản xuất được thống nhất từ các cấp lãnh đạo tới các công trường phân xưởng.

- Tăng cường công tác an toàn vệ sinh công nghiệp, môi trường, thường xuyên theo dõi giám sát chặt chẽ năng suất và sự hoạt động ổn định của các hệ thống thiết bị trong dây truyền. chú trọng quan tâm đến các thiết bị lớn như lò quay, các hệ thống nghiền than, nghiền liệu, nghiền xi măng.

- Tiếp tục chú trọng tập trung vào công tác thay thế, sửa chữa, cải tạo các thiết bị phù hợp với mục tiêu nâng năng suất của của dây truyền lò quay 2.

- Tích cực tìm các đối tác, tư vấn khảo sát để nâng cao hiệu quả thiết bị và năng xuất của dây truyền lò quay 2.

- Kiểm soát thường xuyên tình trạng hoạt động của thiết bị, Đưa ra kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa định kỳ thiết bị dây chuyền sản xuất khắc phục tối đa



những sự cố thiết bị dây chuyền. Đảm bảo điều kiện tốt nhất cho dây chuyền hoạt động tối đa cho sản xuất.

- Tiếp tục nghiên cứu cải tạo thay thế thiết bị dây chuyền 2 như: Tháp trao đổi nhiệt, Quạt nhiệt độ cao, quạt thải sau, Nghiền liệu sống, nghiền than để nâng công suất, chất lượng clinker.

- Tìm mọi giải pháp về kỹ thuật, công nghệ, sử dụng hợp lý phụ gia trợ nghiền để tăng tỷ lệ pha phụ gia trong xi măng; Chủ động sử dụng có hiệu quả đá thải Khánh Hòa; Tăng cường sử dụng nguồn nguyên liệu mới để giảm định mức tiêu hao nguyên vật liệu, nhiên liệu giảm giá thành sản xuất.

- Xây dựng đội ngũ làm công tác thị trường vừa có chuyên môn vừa có kinh nghiệm trong việc thăm dò thị trường, hiểu biết về thị trường và nhu cầu tiêu dùng.

- Thiết lập hệ thống thông tin thị trường nội bộ, làm cơ sở tham mưu cho ban lãnh đạo trong việc xây dựng kế hoạch tiêu thụ, định giá, chính sách chiết khấu và kế hoạch mở rộng thị trường, đảm bảo tính chủ động khoa học và hiệu quả trong điều hành.

- Duy trì vững chắc các thị trường truyền thống tại Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng, Lạng Sơn, .... thông qua việc củng cố quan hệ đối tác, hỗ trợ đại lý, và duy trì chính sách bán hàng hợp lý, ổn định. Đẩy mạnh hơn nữa các kênh tiếp thị để mở rộng thị trường, thực hiện tốt công tác chăm sóc khách hàng để tăng sản lượng tiêu thụ.

- Tiếp tục phát triển mở rộng thêm thị trường tiêu thụ xi măng rời PCB40 cho các trạm trộn bê tông tươi.

- Phối hợp với phòng Kỹ thuật sản xuất xi măng tiếp tục nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới như xi măng rời, xi măng cho bê tông thương phẩm, xi măng bền sunfat, phù hợp yêu cầu của từng phân khúc khách hàng.

- Quản lý tốt công tác khoán quản trị, giao chỉ phí sản xuất chặt chẽ, sát với tình hình thực tế đảm bảo cụ thể, hiệu quả phù hợp giá thành sản xuất. Cung ứng kịp thời, đầy đủ về chủng loại, đảm bảo chất lượng, hợp lý về giá cả vật tư phụ tùng phục vụ sản xuất, có kế hoạch dự trữ vật tư cho SXKD hợp lý giúp quản lý tốt chỉ tiêu tồn kho vật tư, tiết kiệm chi phí sử dụng vốn kinh doanh.

- Luôn đáp ứng đầy đủ, kịp thời nguồn vốn cho hoạt động SXKD của Công ty. Nhạy bén, linh hoạt trong công tác sử dụng vốn, nâng cao hiệu quả dòng vốn. Thực hiện đúng theo qui định của Nhà nước về quản lý tài chính, hạn chế rủi ro trong kinh doanh.

- Quan tâm cải thiện môi trường làm việc cho người lao động, lắp đặt thêm lọc bụi tại những điểm phát sinh bụi như: Chân gầu nâng tuần hoàn nghiền xi măng, gầu nâng đóng bao, băng tải chuyển hướng bao, hệ thống băng tải xuất bao...

- Xử lý triệt để các vị trí phát sinh bụi, sửa chữa kịp thời các thiết bị lọc bụi.

- Trồng bổ xung cây xanh các khu đất trống.

- Tăng cường thu gom, phân loại chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường tại các tổ sản xuất.



- Thường xuyên theo dõi, quản lý hệ thống xử lý bụi, nước thải đảm bảo yêu cầu theo quy định.

- Kiểm kê khí nhà kính, xây dựng kế hoạch giảm phát thải và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Trong các năm tới số lượng lao động có độ tuổi nghỉ chế độ sẽ nhiều, để đáp ứng nguồn nhân lực thay thế, bắt đầu năm 2026 cho tuyển dụng dần số công nhân kỹ thuật để đáp ứng nhu cầu lao động.

- Tiếp tục đào tạo, bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu lao động giai đoạn 2025-2028 để nâng cao chất lượng lao động theo chỉ đạo của cấp trên.

- Chuẩn hóa tiêu chuẩn chức danh; chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ trẻ có năng lực, đạo đức và ý thức kỷ luật tốt.

- Chỉ đạo rà soát, bổ sung, sửa đổi, ban hành các quy chế, quy định trong quản lý phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty; cũng như phù hợp với các qui định hiện hành của nhà nước; tăng cường trách nhiệm của bộ máy điều hành.

- Nâng cao vai trò trách nhiệm lãnh đạo của hệ thống chính trị, thực hiện tốt các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, công tác xây dựng Đảng, nêu cao tinh thần gương mẫu của các cán bộ đứng đầu với sự phân công cụ thể ở từng đơn vị trong mỗi lĩnh vực. Phát huy tinh thần đoàn kết một lòng tạo nên sức mạnh tập thể. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở. Phát huy tinh thần đoàn kết một lòng tạo nên sức mạnh tập thể cùng góp phần xây dựng Công ty ngày càng phát triển bền vững

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo hoạt động SXKD năm 2025 và phương hướng, biện pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2026 của Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI kính trình Đại hội.

*Trân trọng cảm ơn !*

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT; BKS;
- Đăng tải trên Website Công ty;
- Lưu VT; Thư ký HĐQT.

**GIÁM ĐỐC CÔNG TY**



**Trần Quang Khải**



**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026

*Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11/01/2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về nội dung báo cáo của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng Cổ đông;*

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty xin báo cáo Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 kết quả hoạt động của HĐQT năm 2025, phương hướng hoạt động năm 2026 như sau:

**A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

**1. Thuận lợi:**

Năm 2025 thị trường xi măng trong nước cũng như xuất khẩu phục hồi do Chính phủ chỉ đạo thực hiện các giải pháp phục hồi kinh tế, các dự án hạ tầng giao thông và xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng được đẩy nhanh triển khai đã giúp tiêu thụ xi măng tốt hơn năm 2024.

Chất lượng sản phẩm và thương hiệu xi măng La Hiên trên 30 năm qua vẫn được duy trì, giữ vững và phát triển, uy tín sử dụng tại các tỉnh khu vực phía Bắc, sản phẩm phù hợp với các công trình dân dụng nhất là sản phẩm xi măng PCB30; PCB40 được nhiều người tin dùng do vậy đã mang lại hiệu quả cao cho Công ty.

**2. Khó khăn:**

Bên cạnh những thuận lợi Công ty vẫn phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức như:

Giá nguyên vật liệu, nhiên liệu tăng cao do ảnh hưởng xung đột giữa Nga – Ukraine vẫn tiếp diễn, xung đột mới bùng phát ở Trung Đông; tình trạng thời tiết cực đoan diễn biến bất thường ở nhiều nơi, bão lũ, thiên tai làm ảnh hưởng không nhỏ tới sản xuất và tiêu thụ của Công ty.

Giá bán lẻ điện trong nước tăng 4,8% từ tháng 5/2025, các dây chuyền sản xuất xi măng của Công ty có công suất nhỏ, tiêu tốn nhiều năng lượng, thiết bị sau nhiều năm hoạt động đã xuống cấp hư hỏng nhiều... làm đội giá thành sản phẩm, tạo thêm áp lực chi phí cho sản xuất, tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

Năm 2025 ngành xi măng Việt Nam vẫn gặp rất nhiều khó khăn đến từ nội tại ngành do nguồn cung vượt quá so với nhu cầu nhất là thị trường miền Bắc, gây áp



lực lớn cho các nhà sản xuất; thị trường xuất khẩu xi măng tuy có tăng trưởng nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng của yếu tố bên ngoài như: Thuế xuất khẩu clinker tăng cùng với các tiêu chuẩn môi trường ngày càng khắt khe tại thị trường quốc tế, đã làm giảm khả năng cạnh tranh của xi măng Việt Nam. Thị trường tiêu thụ xi măng trong nước diễn biến phức tạp, cạnh tranh khốc liệt do sản phẩm xi măng trên thị trường miền Bắc dư thừa nhiều do cung vượt cầu.

## **B. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA HĐQT**

### **I. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HĐQT trong năm 2025:**

Năm 2025 nhận thức rõ được những thuận lợi, khó khăn và thách thức trong thực hiện những mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Đại hội đồng Cổ đông giao cho Hội đồng quản trị đã kịp thời đưa ra những quyết sách có tính chất định hướng chiến lược cho Công ty nhằm vượt qua khó khăn, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo công ty đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, có tinh thần đoàn kết, trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau và vì lợi ích của cổ đông, vì sự phát triển ổn định của Công ty.

Hội đồng quản trị, giám sát Ban lãnh đạo điều hành thông qua việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong các nghị quyết. Trong năm 2025 Ban điều hành Công ty đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ được quy định tại điều lệ Công ty, thường xuyên bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban điều hành đã tìm nhiều giải pháp khắc phục khó khăn, sát sao trong điều hành sản xuất, tìm nhiều giải pháp để tiết kiệm chi phí, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 đều đạt và vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch mà Đại hội đồng Cổ đông đề ra, dự kiến chi trả cổ tức cho cổ đông cao hơn so với Nghị quyết đại hội.

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao, hoạt động tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Hiệu quả hoạt của Công ty luôn duy trì tăng trưởng hàng năm, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đều vượt so với kế hoạch được Đại hội đồng Cổ đông thông qua, nguồn vốn được bảo toàn và phát triển. Tất cả các hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI được thực hiện theo quy định của Điều lệ, các quy chế của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

### **1. Về công tác tổ chức và hoạt động của HĐQT:**

Cơ cấu Hội đồng quản trị Công ty năm 2025 gồm 5 thành viên:

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1	Vũ Minh Tân	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Trần Quang Khải	Thành viên HĐQT - Giám đốc
3	Hà Văn Chuyển	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Phạm Mạnh Tiến	Thành viên HĐQT - Phó giám đốc
5	Nguyễn Xuân Hậu	Thành viên độc lập HĐQT

Định kỳ Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp, nội dung các cuộc họp của HĐQT đều được cụ thể hóa bằng các biên bản và Nghị quyết. Các thành viên Ban Kiểm soát cũng được mời tham gia và đóng góp ý kiến tại tất cả các phiên họp



của HĐQT. Các quyết nghị, chỉ đạo, định hướng của HĐQT được ban hành kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Công ty, tạo điều kiện để Ban điều hành chủ động hơn trong việc tổ chức triển khai thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm qua.

## **2. Về tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và các quyết sách lớn của HĐQT công ty trong năm 2025:**

Trong năm 2025, HĐQT đã triệu tập và tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 dưới hình thức họp trực tiếp. Việc triệu tập, tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông tuân thủ theo đúng quy định pháp luật và điều lệ Công ty. Về cơ bản HĐQT đã quản lý, chỉ đạo Ban điều hành hoàn thành tốt các chỉ tiêu do Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện tốt và thể hiện rõ vai trò là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền và nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng quản trị đã thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, thực hiện việc tổ chức quản lý chặt chẽ đảm bảo lợi ích cho Công ty và các cổ đông.

Ngoài các cuộc họp trên, HĐQT còn thường xuyên phối hợp với Ban Giám đốc Công ty để nắm bắt kịp thời tình hình đầu tư, sản xuất, kinh doanh nhằm đề ra các giải pháp cấp thiết để hoạt động của Công ty không bị đình trệ, hoạt động có hiệu quả hơn trước những khó khăn bất ổn trong kinh tế của cả nước, đặc biệt là những khó khăn trong ngành. Nhờ đó, trong năm 2025 Công ty hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng Cổ đông đề ra. Được nằm trong nhóm đơn vị sản xuất kinh doanh ổn định, sử dụng đồng vốn hợp lý có hiệu quả, có uy tín trên thị trường.

Chỉ đạo tốt việc ban hành các quy chế phục vụ cho công tác quản lý điều hành và đưa ra các chủ trương, định hướng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các nội dung nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đều được Công ty thể hiện đầy đủ tại báo cáo tình hình quản trị, báo cáo thường niên hàng năm và công bố thông tin theo quy định.

## **3. Công tác giám sát đối với Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý:**

Trong năm 2025 Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò giám sát đối với Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý thuộc diện HĐQT quản lý; hàng năm HĐQT đã thực hiện kiểm điểm đánh giá và xếp loại cán bộ quản lý.

Trong năm qua bộ máy điều hành đã bám sát nhiệm vụ theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại Đại hội và các nghị quyết triển khai của HĐQT nên đã điều hành và chỉ đạo các phòng ban; phân xướng thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh nên đã đạt được kết quả cao hơn kế hoạch đã đề ra.

## **4. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính đạt được:**

Để thực hiện các nghị quyết của HĐQT, Ban lãnh đạo điều hành đã đề ra các giải pháp phù hợp với thực tế sản xuất, tiêu thụ từng thời điểm, từng khu vực khác nhau. Kết quả thực hiện chỉ tiêu SXKD chính năm 2025 như sau:



Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2024	KH năm 2025	Thực hiện năm 2025	% TH 2025/2024	% TH/KH
<b>A</b>	<b>Chỉ tiêu hiện vật</b>						
<b>I</b>	<b>Sản lượng sản xuất</b>	<b>Tấn</b>	<b>659.476,47</b>	<b>630.000</b>	<b>694.367,16</b>	<b>105,29</b>	<b>110,22</b>
1	Xi măng	Tấn	644.924,11	610.000	684.354,63	106,11	112,19
2	Clinker thương phẩm	Tấn	14.552,36	20.000	10.012,53	68,80	50,06
<b>II</b>	<b>Sản lượng tiêu thụ</b>	<b>Tấn</b>	<b>659.476,47</b>	<b>630.000</b>	<b>694.367,16</b>	<b>105,29</b>	<b>110,22</b>
-	Xi măng	Tấn	644.924,11	610.000	684.354,63	106,11	112,19
-	Clinker thương phẩm	Tấn	14.552,36	20.000	10.012,53	68,80	50,06
<b>B</b>	<b>Doanh thu, thu nhập khác</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>666.046,34</b>	<b>605.381,98</b>	<b>712.588,94</b>	<b>106,99</b>	<b>117,71</b>
-	Xi măng	Tr.đ	649.098,63	586.958,38	696.509,08	107,30	118,66
-	Clinker thương phẩm	Tr.đ	9.705,50	12.545,44	7.046,59	72,60	56,17
-	Doanh thu, thu nhập khác	Tr.đ	7.242,21	5.878,16	9.033,26	124,73	153,67
<b>C</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>48.504,79</b>	<b>30.000</b>	<b>52.277,55</b>	<b>107,78</b>	<b>174,26</b>
<b>D</b>	<b>Cổ tức (dự kiến)</b>	<b>%</b>	<b>23</b>	<b>12</b>	<b>25</b>	<b>108,69</b>	<b>208,33</b>
<b>G</b>	<b>Nộp ngân sách Nhà nước</b>	<b>Tr.đ</b>	<b>36.025</b>	<b>31.194</b>	<b>36.009</b>	<b>99,96</b>	<b>115,44</b>
<b>E</b>	<b>Lao động và thu nhập</b>						
1	Lao động bình quân	Người	475	459	429	90,32	93,46
2	Tiền lương bình quân theo LD bình quân	Đ/ng/th	14.476.354	10.942.000	17.553.360	121,26	160,42

### 5. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT:

Nhằm đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, đối với việc quản trị, điều hành quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong nhiệm kỳ qua Công ty đã chi trả tiền lương, thưởng, thù lao cho các thành viên HĐQT, theo đúng nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

### II. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HĐQT trong năm 2025 và định hướng hoạt động trong năm 2026:

Hội đồng quản trị xin báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT trong năm 2025 và định hướng hoạt động của HĐQT năm 2026 như sau:

#### 1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị:

a) Thực hiện chi trả thù lao và tiền thưởng cho các Thành viên HĐQT năm 2024 theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 với biểu chi tiết sau:

*ĐVT: Đồng*

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
1	Vũ Minh Tân	CT HĐQT		89.107.200	89.107.200
2	Trần Quang Khải	TV HĐQT	53.352.000	74.880.000	128.232.000
3	Hà Văn Chuyên	TV HĐQT		74.880.000	74.880.000



Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
4	Phạm Mạnh Tiến	TV HĐQT	46.800.000	74.880.000	121.680.000
5	Nguyễn Xuân Hậu	TV HĐQT		74.880.000	74.880.000
	<b>Tổng cộng:</b>		<b>100.152.000</b>	<b>388.627.200</b>	<b>488.779.200</b>

b) Thực hiện chi trả thù lao năm 2025 như sau:

Việc chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT được chi trả theo hình thức tạm ứng hàng tháng với mức 80% mức chi trả theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường năm 2025; sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua mức chi trả tiền thù lao và tiền thưởng cho các thành viên HĐQT năm 2025, thì HĐQT công ty căn cứ để thực hiện chi trả.

Trong năm 2025 các thành viên HĐQT đã được tạm ứng thù lao như sau:

*DVT: Đồng*

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
1	Vũ Minh Tân	CT HĐQT		45.696.000	45.696.000
2	Trần Quang Khải	TV HĐQT		38.400.000	38.400.000
3	Hà Văn Chuyển	TV HĐQT		38.400.000	38.400.000
4	Phạm Mạnh Tiến	TV HĐQT		38.400.000	38.400.000
5	Nguyễn Xuân Hậu	TV HĐQT		38.400.000	38.400.000
	<b>Tổng cộng</b>			<b>199.296.000</b>	<b>199.296.000</b>

## **2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị:**

- Trong năm 2025 Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 06 phiên họp trực tiếp, 13 phiên họp gián tiếp (bằng hình thức xin ý kiến); đã ban hành 98 nghị quyết, quyết định về các vấn đề chiến lược, các quyết định quan trọng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của công ty thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT. Các phiên họp đều có sự tham dự họp và đóng góp ý kiến của Ban Kiểm soát, Ban giám đốc Công ty.

Các cuộc họp của HĐQT đã thực hiện theo đúng điều lệ; thành phần tham dự họp HĐQT được tham dự đầy đủ; tài liệu cung cấp cho các thành viên HĐQT được cung cấp đầy đủ và đúng thời gian quy định; các thành viên HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền hạn của mình trong việc biểu quyết thông qua các vấn đề trong nghị quyết cuộc họp.

**3. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.**



Trong năm 2025 Công ty có thực hiện việc ký kết các hợp đồng giao dịch với các bên liên quan như sau:

Số TT	Số hợp đồng	Ngày ký	Tên đơn vị	Hàng hóa	Giá trị hợp đồng (VNĐ)	Giá trị thực hiện năm 2025 (VNĐ)
1	Hợp đồng số 257/HĐ/TKV-XMLH	24/12/2024	Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam	Mua bán than năm 2025	160.600.000.000	155.339.011.753
2	Hợp đồng số 346/HĐMB/T KH-XMLH	17/1/2025	Công ty than Khánh Hòa VVMI	Mua bán đá thải sau sàng năm 2025	2.250.000.000	2.455.304.500
3	Hợp đồng số 460/HĐKT-KHVT	23/12/2024	Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	Cung cấp vỏ bao năm 2025	36.736.011.000	31.162.878.000
	Hợp đồng số 200/HĐKT-KHVT	25/6/2025				
4	Hợp đồng số 128/HĐDV-KHVT	24/4/2025	Trung tâm điều dưỡng Ngành than VVMI - Chi nhánh Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV -CTCP	Cung cấp dịch vụ tổ chức hội nghị khách hàng tại Sầm Sơn – Thanh Hóa	1.095.120.000	1.095.120.000
	Hợp đồng số 23/2025/HĐDV-TTĐD-XMLH	21/5/2025		Điều dưỡng	158.400.000	158.400.000
	HĐ số 321/HĐDV-KHVT ngày 28/08/2025	28/08/2025		Hội nghị sơ kết công tác Công đoàn 6 tháng đầu năm 2025; Cung cấp dịch vụ: Ăn uống, phòng nghỉ	148.580.000	132.430.000
	28/11/2025	28/11/2025		Cung cấp dịch vụ: Ăn uống, phòng nghỉ	11.150.000	11.150.000
5	169/HĐKT-KHVT	27/5/2025;	Công ty cổ phần khách sạn Thái Nguyên VVMI	Cung cấp dịch vụ: Tham quan nghỉ mát tại Đà Lạt năm 2025	3.907.800.000	3.747.520.000
	206/HĐKT-KHVT	26/6/2025;				
	260/HĐKT-KHVT	25/7/2025				
	15/3/2025 đến 31/12/2025	15/3/2025 đến 31/12/2025		Cung cấp dịch vụ: Ăn uống, phòng nghỉ, thuê hội trường	45.824.075	45.824.075
	210/HĐKT-KHVT	27/6/2025		Cung cấp sửa BDDH 6 tháng cuối năm 2025	885.000.000	675.864.000
6	Hợp đồng số 188/HĐKT-KHVT	18/6/2025	Công ty cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực VVMI	Cung cấp sắt thép	42.504.500	42.504.500



Số TT	Số hợp đồng	Ngày ký	Tên đơn vị	Hàng hóa	Giá trị hợp đồng (VNĐ)	Giá trị thực hiện năm 2025 (VNĐ)
	Hợp đồng số 201/HĐKT-KHVT	26/6/2025		Cung cấp sắt thép	44.149.000	44.149.000
	Hợp đồng 366/HĐKT-KHVT ngày	26/10/2024		Cung cấp và lắp đặt hệ thống xếp bao tự động	11.241.818.182	10.409.090.909
7	Hợp đồng số 04/HĐMB-KDVT	02/01/2025	Công ty cổ phần vật tư - TKV	Hợp đồng cung cấp dầu, mỡ bôi trơn	HĐNT	682.572.160
8	Hợp đồng số 722/HĐ-CĐTKV	13/5/2025	Trường Cao đẳng Than – Khoáng sản Việt Nam	Hợp đồng cung cấp dịch vụ, đào tạo	129.459.000	288.673.000
9	15/3/2025 đến 31/12/2025	15/3/2025 đến 31/12/2025	Trường quản trị kinh doanh - Vinacomin	Hợp đồng cung cấp dịch vụ đào tạo	288.856.476	288.856.476
10	Hợp đồng số 359/HĐKT-KHVT Hợp đồng số 257/HĐKT-KHVT	01/01/2025 22/7/2025	Công ty công nghiệp hóa chất mỏ Thái Nguyên	Hợp đồng mua bán hàng hoá và các lĩnh vực phục vụ SXKD	8.282.818.000	6.737.195.533
11	Hợp đồng 108/HĐKT-KHVT	08/4/2025	Viện cơ khí Năng lượng và Mỏ - Vinacomin	Tư vấn lập BC kinh tế kỹ thuật Dự án đầu tư hệ thống phun sương dập bụi	96.000.000	88.888.889

**4. Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị.**

Công ty có 01 thành viên độc lập HĐQT; thành viên độc lập HĐQT đã đúng vai trò độc lập trong việc tham gia biểu quyết các nghị quyết của HĐQT; bảo vệ quyền lợi và lợi ích của các cổ đông đặc biệt là lợi ích của cổ đông nhỏ lẻ; giám sát việc thực hiện quy chế trả lương; các hợp đồng với đối tượng liên quan; giám sát việc ban hành các quy chế hoạt động của công ty; năm 2025 thành viên độc lập HĐQT đánh giá HĐQT công ty đã đoàn kết tốt; sát sao trong việc lãnh đạo và chỉ đạo bộ máy điều hành biết tận dụng cơ hội trong kinh doanh, tiết kiệm chi phí; hoạt động sản xuất kinh doanh đạt kết quả tốt.

**5. Kết quả hoạt động của từng thành viên HĐQT:**

Năm 2025, Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ đã được quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật hiện hành. Hội đồng quản trị đã thể hiện rõ vai trò của mình, luôn cố gắng hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được phân công; đoàn kết, hợp tác giúp đỡ



nhau cùng hoàn thành nhiệm vụ và xây dựng Công ty ngày càng phát triển vững mạnh, cụ thể như sau:

### **5.1. Ông Vũ Minh Tân - Chủ tịch HĐQT:**

Là người đứng đầu và chịu trách nhiệm chung về mọi hoạt động của Công ty, chỉ đạo việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của HĐQT quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành của pháp luật, Quy chế hoạt động của HĐQT và tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT;

Luôn chủ trì phân công các uỷ viên HĐQT chuẩn bị nội dung họp và kết luận về những nội dung thảo luận trong phiên họp HĐQT, xem xét kiến nghị của Ban Kiểm soát công ty và giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT; việc xây dựng chủ trương, định hướng chiến lược, quy hoạch phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm; chương trình đầu tư các dự án, phương án điều chỉnh vốn và các nguồn lực, phương án tổ chức sản xuất của Công ty;

Luôn sát sao theo dõi, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ giữa hai kỳ họp HĐQT, theo dõi, giám sát công tác cán bộ thuộc thẩm quyền của Giám đốc công ty và các công việc khác trong hoạt động SXKD thuộc chức năng của HĐQT.

Với vai trò là Chủ tịch HĐQT ông Vũ Minh Tân đã luôn thể hiện tốt trách nhiệm của mình trong việc thực thi nhiệm vụ góp phần thực hiện đạt vượt mức kế hoạch SXKD mà Đại hội đồng Cổ đông đã đề ra.

Trong năm 2025 Ông Vũ Minh Tân đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

### **5.2. Ông Trần Quang Khải - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty**

Là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật Nhà nước về quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, theo Điều lệ của công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước, tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT.

Trực tiếp chỉ đạo công tác tổ chức sản xuất, công tác quản lý mua bán vật tư, công tác an toàn-vệ sinh lao động, an ninh trật tự, bảo vệ tài nguyên gianh giới mỏ và công tác môi trường của công ty. Thực hiện nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty, đề xuất mức và phương án trả cổ tức, đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.

Ông Trần Quang Khải luôn thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm của mình trong thực thi nhiệm vụ. Là một lãnh đạo năng động, nhiệt tình, dám nghĩ, dám làm và đưa ra nhiều quyết sách, những giải pháp đột phá nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động SXKD và đã đạt được kết quả đáng khích lệ.

Với vai trò là Giám đốc điều hành ông Trần Quang Khải đã luôn thể hiện rất tốt trách nhiệm của mình trong việc thực thi nhiệm vụ góp phần thực hiện đạt vượt mức kế hoạch SXKD năm 2025 mà Đại hội đồng Cổ đông đã đề ra.



Trong năm 2025 Ông Trần Quang Khải đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

### **5.3. Ông Hà Văn Chuyên – Thành viên HĐQT.**

Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm của Thành viên HĐQT được quy định trong Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Chủ trì giúp Hội đồng quản trị giám sát, quản lý, bao gồm nhưng không giới hạn các lĩnh vực sau: Công tác cơ điện, công tác an toàn - vệ sinh lao động; thẩm định các dự án đầu tư; các hợp đồng mua bán vật tư; mua bán tài sản;

Với nhiệm vụ được phân công Ông Hà Văn Chuyên luôn thể hiện, vai trò, trách nhiệm của mình; trong các cuộc họp đã luôn đưa ra những đề xuất, giải pháp trong thiết thực trong việc thực hiện các nghị quyết và công tác điều hành, quản lý của Công ty góp phần thực hiện tốt kế hoạch điều hành sản xuất kinh doanh, đạt vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận mà Đại hội đồng Cổ đông đã đề ra.

Trong năm 2025 Ông Hà Văn Chuyên đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

### **5.4. Ông Phạm Mạnh Tiến - Thành viên HĐQT**

Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm của Thành viên HĐQT được quy định trong Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Chủ trì giúp Hội đồng quản trị giám sát, quản lý, bao gồm nhưng không giới hạn các lĩnh vực: Công tác tiêu thụ sản phẩm; công tác thu hồi công nợ sau bán hàng; công tác theo dõi, nghiên cứu, mở rộng phát triển thị trường; công tác xây dựng và phát triển thương hiệu của Công ty;

Với chức năng, nhiệm vụ được phân công luôn theo dõi sát sao công tác các lĩnh vực được phân công, với tinh thần trách nhiệm cao, năng động, nhạy bén trong điều hành, phối hợp với các phòng ban chức năng đảm bảo tốt công tác bán hàng và thu hồi công nợ; thận trọng trong xây dựng điều hành việc thực hiện kế hoạch SXKD, các quy chế quản lý và các lĩnh vực khác trong hoạt động của Công ty, góp phần tích cực thực hiện tốt kế hoạch điều hành sản xuất, nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty, đạt vượt mức kế hoạch SXKD năm 2025 mà Đại hội đồng Cổ đông đã đề ra.

Trong năm 2025 Ông Phạm Mạnh Tiến đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

### **5.5. Ông Nguyễn Xuân Hậu - Thành viên độc lập HĐQT:**

Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm của Thành viên độc lập HĐQT được quy định trong Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Chủ trì giúp Hội đồng quản trị giám sát, quản lý, bao gồm nhưng không giới hạn các lĩnh vực sau: Công tác kiểm soát nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh; công tác khoán quản trị chi phí; giám sát việc sử dụng vốn, hiệu quả sử dụng vốn trong sản xuất kinh doanh; thẩm định, đề xuất các lĩnh vực liên quan đến nguồn vốn,



tín dụng; thẩm định về tính pháp lý trong việc sửa đổi hoặc biên soạn mới Điều lệ; các quy chế quản lý trong công ty và thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị phân công.

Với chức năng, nhiệm vụ được phân công luôn theo dõi sát sao việc thẩm định về tính pháp lý trong việc sửa đổi hoặc biên soạn mới Điều lệ; các quy chế quản lý trong công ty, công tác tài chính đảm bảo thực hiện đúng, đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và đúng quy định của pháp luật. Đề xuất các lĩnh vực liên quan đến nguồn vốn, tín dụng, kiểm tra giám sát việc sử dụng vốn góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong sản xuất kinh doanh nhằm tiết kiệm nhất chi phí hoạt động tài chính của Công ty. Tham gia chỉ đạo xây dựng chiến lược phát triển Công ty và các nhiệm vụ khác của HĐQT.

Ông Nguyễn Xuân Hậu luôn thể hiện cao vai trò, trách nhiệm của mình, trong các cuộc họp đã luôn đưa ra những quan điểm, đề xuất, đóng góp ý kiến trong việc thực hiện các nghị quyết và công tác điều hành, quản lý của Công ty góp phần thực hiện tốt kế hoạch điều hành sản xuất của Công ty, thực hiện đạt vượt mức kế hoạch SXKD mà Đại hội đồng Cổ đông đã đề ra.

Trong năm 2025 Ông Nguyễn Xuân Hậu đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

#### **6. Kết quả giám sát đối với Giám đốc Công ty và người điều hành khác.**

Trong năm 2025 Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò giám sát đối với Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý thuộc diện HĐQT quản lý; hàng năm HĐQT đã thực hiện kiểm điểm đánh giá và xếp loại cán bộ quản lý kết quả cụ thể như sau:

Bảng xếp loại Ban Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý năm 2025:

Stt	Họ và tên	Chức danh	Xếp loại năm 2025
1	Trần Quang Khải	Giám đốc	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
2	Nguyễn Sóng Gió	Phó giám đốc	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
3	Nguyễn Thanh Trường	Phó giám đốc	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
4	Phạm Mạnh Tiến	Phó giám đốc	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
5	Nguyễn Thị Thu Hoài	Kế toán trưởng	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

#### **\* Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.**

- Ban giám đốc Công ty đã thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban để nắm bắt, trao đổi tình hình hoạt động trong SXKD nhằm đưa ra các giải pháp khắc phục, thực hiện kịp thời.

- Giao kế hoạch SXKD cho các bộ phận theo tháng, quý nhằm kịp thời khắc phục những sai lệch và có cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu.

- Quản lý và sử dụng vốn linh hoạt, tiết kiệm tốt các chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.



- Quản lý tốt hệ thống chất lượng, đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định và có uy tín trên thị trường.

- Mạnh dạn, đột phá trong khâu chỉ đạo áp dụng các giải pháp kỹ thuật công nghệ mới và đã thu được những thành công nhất định, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất của Công ty.

Có thể nói đây tiếp tục là một năm ban điều hành Công ty hoạt động rất tích cực, với tinh thần đồng tâm, đoàn kết làm việc với trách nhiệm cao lên, năm qua Công ty tiếp tục gặt hái được thành công.

### **7. Kế hoạch năm 2026:**

Năm 2026 tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Tăng trưởng kinh tế, thương mại quốc tế tiếp tục biến động; bảo hộ thương mại gia tăng; cạnh tranh giữa các nước lớn và xung đột ở nhiều nơi ngày càng gay gắt. Các thách thức an ninh phi truyền thống và thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, an toàn thông tin, an ninh mạng và tội phạm ngày càng gia tăng...

Năm 2026 dự báo thị trường tiêu thụ xi măng có tín hiệu tích cực về tiêu thụ, nhưng do dư cung lớn vẫn cạnh tranh rất khốc liệt và có những diễn biến thay đổi khó lường khi nhiều thương hiệu tung sản phẩm mới giá rẻ, chiết khấu cao để giữ thị phần. Đánh giá được những thuận lợi, khó khăn trên HĐQT, Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh và một số định hướng cần tiếp tục phải được thực hiện trong năm 2026 như sau:

#### **a. Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu năm 2026:**

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2026
1	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	640.000
2	Doanh thu	Tr.đ	626.878
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	30.000
4	Tỷ lệ trả cổ tức/VĐL	%	15
5	Lao động định mức	Người	406
6	Tiền lương bình quân	Ng.đ/người/Th	12.685

#### **b. Công tác đầu tư xây dựng:**

Mục tiêu trong công tác đầu tư xây dựng của Công ty là huy động và sử dụng có hiệu quả cao nhất các nguồn vốn đầu tư, khai thác tối đa các nguồn lực để đầu tư hiệu quả. Đầu tư theo kế hoạch, thiết kế được duyệt đảm bảo cho dự án công trình bền vững, an toàn và hiệu quả, bảo vệ môi trường sinh thái. Thực hiện các bước công việc từ chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư, đưa dự án vào khai thác sử dụng phải tuân thủ đúng pháp luật và các quy định hiện hành của nhà nước.

Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2026: Tổng giá trị đầu tư ước tính: 7.057 triệu đồng bao gồm các hạng mục, dự án chủ yếu như:



Stt	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Tổng mức đầu tư (được duyệt/dự kiến) (Tr. đ)	Kế hoạch thực hiện đầu tư năm 2026 (Tr. đ)
<b>I</b>	<b>Công trình chuyển tiếp</b>			<b>6.557</b>	<b>4.673</b>
1	Dự án xây dựng hàng rào khu phía Đông Nam	DA	1	6.557	4.673
<b>II</b>	<b>Công trình khởi công mới</b>			<b>5.067</b>	<b>1.210</b>
1	Dự án đầu tư hệ thống đóng gói và xuất xi măng bao jumbo	DA	1	3.902	45
2	Dự án đầu tư vận thăng phục vụ sửa chữa bảo dưỡng thiết bị quan trắc tự động	DA	1	1.165	1.165
<b>III</b>	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>			<b>267.820</b>	<b>1.174</b>
1	Dự án đầu tư hệ thống đóng bao năng suất $\geq 110$ tấn/h	DA	1	29.820	724
2	Dự án cải tạo dây chuyền sản xuất xi măng công suất 1.600 tấn clinker/ngày	DA	1	238.000	450
<b>IV</b>	<b>Tổng cộng (IV=I+II+III)</b>			<b>279.444</b>	<b>7.057</b>

**c. Định hướng của Hội đồng quản trị:**

- Chỉ đạo Ban lãnh đạo điều hành xây dựng và thực hiện kế hoạch sửa chữa, đầu tư thay thế các máy móc thiết bị trong dây chuyền, đảm bảo dây chuyền thiết bị được hoạt động thông suốt. Tiếp tục nghiên cứu các tiến bộ kỹ thuật mới, tiên tiến để áp dụng thay thế các thiết bị lạc hậu nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm chi phí sản xuất. Đảm bảo thời gian hoạt động, phát huy tối đa công suất thiết bị để tiết giảm lao động, nâng cao hiệu quả đầu tư.

- Chỉ đạo ban điều hành tìm mọi giải pháp về kỹ thuật, công nghệ để tăng mức clinker và chất lượng xi măng. Nâng cao chất lượng nguồn nguyên liệu chính như: Đá vôi, đất sét, đất caosilic... Tiếp tục nghiên cứu sử dụng nguồn nguyên vật liệu mới, sản phẩm phế thải của các nhà sản xuất công nghiệp khác có sẵn tại địa phương có giá thấp đưa vào sản xuất để giảm giá thành sản phẩm.

- Quan tâm cải thiện môi trường làm việc cho người lao động, môi trường làm việc luôn đảm bảo thông thoáng, sạch sẽ, thuận tiện, tăng cường vệ sinh công nghiệp thu gom xử lý chất thải công nghiệp. Thường xuyên kiểm tra giám sát các thông số môi trường lao động đưa ra các biện pháp và tổ chức thực hiện nhằm cải thiện điều kiện làm việc kịp thời và hiệu quả cho người lao động.

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí SXKD, tiến hành công tác khoán chi phí theo các công đoạn sản xuất, phấn đấu tiết kiệm tối đa chi phí.



- Tăng cường công tác thị trường, giữ vững và tăng sản lượng tiêu thụ tại các thị trường truyền thống, mở thêm các thị trường mới để tăng sản lượng tiêu thụ.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, thông qua các biện pháp: Trọng tâm giảm tuổi nợ, xử lý nợ khó đòi, tăng vòng quay hàng tồn kho để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Rà soát đánh giá công tác lao động, tiền lương, có lộ trình tăng năng suất lao động, tiết giảm lao động, tuyển dụng lao động trẻ có trình độ chuyên môn, kỹ thuật tốt để đào tạo nhân sự bền vững cho hoạt động của Công ty. Thực hiện chế độ tiền lương của Công ty gắn với năng suất lao động và hiệu quả.

- Tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên trong Công ty, tăng cường đào tạo tay nghề đặc biệt là đội ngũ vận hành phòng điều khiển trung tâm và các kỹ sư công nghệ.

- Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo và tự động hóa vào trong quản trị nội bộ và hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, giúp minh bạch hóa, tối ưu hóa công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của Ban lãnh đạo và người lao động Công ty.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu lại tổ chức theo hướng tinh gọn; chỉ đạo rà soát, bổ sung, sửa đổi, ban hành các quy chế, quy định trong quản lý phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, cũng như phù hợp với các quy định hiện hành của nhà nước; tăng cường trách nhiệm của bộ máy điều hành.

- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông; cải tiến, thiết lập phương thức quản lý tiên tiến, tạo động lực thúc đẩy sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

- Nâng cao vai trò trách nhiệm lãnh đạo của hệ thống chính trị, sự gương mẫu của các cán bộ đứng đầu với sự phân công cụ thể ở từng đơn vị trong mỗi lĩnh vực. Phát huy tinh thần đoàn kết một lòng, tạo nên sức mạnh tập thể, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2026.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động năm 2025 và định hướng năm 2026 của Hội đồng quản trị Công ty, xin được trình trước Đại hội./.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;BKS;
- Đăng tải trên Website Công ty;
- Lưu VT; Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Vũ Minh Tân**



**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT  
TẠI ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2026  
(Dự thảo)**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026  
Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI

- Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11/01/2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 16/6/2025;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI ban hành kèm theo quyết định số 16/QĐ-HĐQT ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng quản trị công ty.

*Thành viên độc lập HĐQT xin báo cáo trước ĐHĐCĐ với các nội dung sau:*

**I. Thông tin thành viên HĐQT độc lập:**

Họ và tên: Nguyễn Xuân Hậu

Chức danh: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Thời gian đảm nhiệm: Từ ngày 15/4/2023 đến nay

**II. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:**

Với vai trò là thành viên độc lập HĐQT tôi đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, điều lệ và quy chế hoạt động của HĐQT các hoạt động đã thực hiện trong năm bao gồm:

(1) Trong năm 2025, tôi đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị; 06 phiên họp trực tiếp (đạt 100%), 13 phiên họp không trực tiếp theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản xem xét cho ý kiến và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền với tỷ lệ đồng ý là 100% đối với các nội dung được thông qua. HĐQT đã ban hành 98 nghị quyết và quyết định thuộc thẩm quyền.

(2) Thực hiện chức năng, giám sát hoạt động của HĐQT thông qua các cuộc họp, trao đổi cách thức đưa ra các nghị quyết của HĐQT đồng thời giám sát hoạt động của Ban điều hành (BDH) thông qua việc chấp hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của HĐQT đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông.



(3) Giám sát công tác kiểm soát nội bộ; Kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD); Công tác khoán quản trị chi phí. Thực hiện các nhiệm vụ khác thuộc thẩm quyền theo phân công của HĐQT Công ty.

(4) Đóng góp ý kiến đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm: Định hướng phát triển của Công ty. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư. Công tác quản trị rủi ro và các vấn đề quan trọng khác của Công ty.

(5) Bảo đảm tính độc lập, khách quan trong việc đưa ra các nghị quyết của HĐQT.

(6) Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tôi luôn phối hợp tốt với các thành viên HĐQT khác, thành viên ban điều hành. Tôi đánh giá cao sự hợp tác và hỗ trợ của các bên liên quan trong suốt quá trình làm việc trong năm 2025.

### **III. Đánh giá hoạt động của HĐQT:**

#### **(1) Đánh giá chung:**

- HĐQT Công ty trong năm 2025 đã làm việc với tinh thần trách nhiệm và minh bạch trong công tác quản trị, tuân thủ đúng các quy định đối với công ty đại chúng. Các cuộc họp của HĐQT được triệu tập kịp thời và thực hiện theo các trình tự quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI. Nội dung các cuộc họp đều được các Thành viên HĐQT thảo luận, đánh giá đầy đủ và cân trọng để đưa ra những định hướng và giải pháp đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty.

- Các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh, mở rộng thị trường, đầu tư và xây dựng hệ thống quản lý đều được HĐQT thường xuyên xem xét và đánh giá trong các cuộc họp định kỳ.

- Các quyết định của HĐQT tại các cuộc họp đều được HĐQT thông qua theo nguyên tắc dân chủ, biên bản cuộc họp được lập đầy đủ, có đầy đủ chữ ký của các Thành viên HĐQT tham dự họp.

**(2) Về cơ cấu tổ chức:** Năm 2025, HĐQT có 05 Thành viên, trong đó có 1 Thành viên độc lập HĐQT. Toàn bộ các Thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ và tích cực vào các hoạt động hoạch định, kiểm soát tuân thủ pháp luật, phản biện chiến lược phát triển, đảm bảo Công ty phát triển theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra.

#### **(3) Về cơ chế vận hành hoạt động:**

- Năm 2025, HĐQT đã tổ chức phiên họp, ban hành các nghị quyết, quyết định. Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập và thực hiện với lịch trình cụ thể, chuẩn bị tài liệu đầy đủ, tuân theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật. Nội dung các cuộc họp được các Thành viên HĐQT thảo luận, phản biện, đánh giá đầy đủ, cân trọng và đạt 100% các thành viên HĐQT thống nhất thông qua.

- Các vấn đề liên quan đến chiến lược, kế hoạch kinh doanh, tài chính, văn hóa doanh nghiệp, xây dựng hệ thống quản lý trong Công ty đều được thảo luận, kiểm soát chặt chẽ giữa HĐQT và Ban điều hành.



- Các thay đổi về kế hoạch đầu tư, chiến lược mới đều được nghiên cứu độc lập, có cơ sở khoa học và phân biện giữa HĐQT và Ban điều hành.

#### **(4) Về kết quả công tác quản trị giám sát:**

Về tổng thể, HĐQT đã thực hiện tốt vai trò của mình trong việc triển khai các kế hoạch, chủ trương, định hướng chiến lược do ĐHĐCĐ đề ra:

- HĐQT đã tuân thủ các quy định về quản trị của Công ty, triệu tập các cuộc họp định kỳ và bất thường nhằm kịp thời chỉ đạo, ban hành các quyết định phù hợp với tình hình thực tế.

- HĐQT đã thực hiện đúng vai trò, trách nhiệm trong việc chỉ đạo, hỗ trợ, giám sát Ban điều hành thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

- Các Thành viên HĐQT nhận diện một cách chủ động vai trò, trách nhiệm hỗ trợ đối với bên điều hành và có sự chia sẻ kinh nghiệm, tương tác, trao đổi đối với bên điều hành về nghiệp vụ quản trị.

#### **IV. Đánh giá hoạt động của Giám đốc điều hành:**

- Giám đốc công ty luôn thực hiện đúng định hướng chiến lược và nghị quyết ĐHĐCĐ. Các quyết định quan trọng của Giám đốc đều được phân tích, phân biện hoặc xin ý kiến từ HĐQT nhằm đảm bảo lợi ích của Công ty. Qua đó HĐQT luôn nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty cũng như cập nhật nhanh nhất các yêu cầu từ thực tế.

- HĐQT đặc biệt quan tâm đến các giải pháp quản trị rủi ro, nhằm hỗ trợ điều hành nhận diện sớm các vấn đề và giúp Công ty duy trì tính bền vững, ổn định trong hoạt động.

- Giám đốc Công ty đã chấp hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết, quyết định của HĐQT và tuân thủ các quy định của pháp luật.

- Có các giải pháp trong tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động, quản trị rủi ro để Công ty phát triển ổn định bền vững.

- Các thành viên trong Ban Giám đốc đoàn kết, có sự phối hợp tốt trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

#### **V. Giám sát về tài chính:**

Báo cáo tài chính được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán và quy định pháp luật hiện hành.

Công ty kiểm toán được lựa chọn đảm bảo độ tin cậy, trung thực, tuân thủ thời hạn kiểm toán, tuân thủ các quy định về nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, khách quan khi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết quả SXKD năm 2025 với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 705.776 tr.đồng/599.504 tr.đồng đạt 117,73 so với kế hoạch giao.



Lợi nhuận trước thuế đạt 52.277,55 tr.đồng/kế hoạch 30.000 triệu đồng bằng 174,26% so với kế hoạch năm.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2025 là 2.500/2.300 đồng/cổ phiếu đạt 108,7% so với thực hiện năm 2024.

Đạt được kết quả trên là một sự nỗ lực của Ban giám đốc và toàn thể người lao động Công ty.

**VI. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty Cổ phần xi măng La Hiên VVMI năm 2025 như sau:**

-Các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của công ty năm 2025.

*(Có biểu chi tiết kèm theo)*

-Đánh giá về các giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty Cổ phần xi măng La Hiên VVMI năm 2025. Các giao dịch trên Giám đốc điều hành Công ty đều báo cáo HĐQT kèm theo dự thảo hợp đồng kinh tế và HĐQT đã có nghị quyết chấp thuận các hợp đồng giao dịch và thành viên HĐQT có lợi ích liên quan các bên trong hợp đồng không có quyền biểu quyết.

Thành viên HĐQT độc lập đánh giá việc chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan là Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của công ty đã thực hiện đúng theo khoản 2, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp 2020; Khoản 3; khoản 4 điều 44 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI ban hành kèm theo quyết định số 16/QĐ-HĐQT ngày 26 tháng 4 năm 2021.

Trên đây là báo cáo của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập xin kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ./.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;BKS;
- Đăng tải trên Website Công ty;
- Lưu VT; Thư ký HĐQT.

**THÀNH VIÊN HĐQT  
ĐỘC LẬP**



**Nguyễn Xuân Hậu**



# GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI NĂM 2025

(Kèm theo ~~điều khoản~~ báo cáo đánh giá của thành viên HĐQT độc lập

Số 32/BC-HĐQTĐL ngày 26/3/2026)

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với công ty	Nội dung giao dịch			Ghi chú
			Nội dung	Số lượng	Tổng giá trị chưa có thuế (VNĐ)	
1	Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam	NCLQ	Mua bán than năm 2025	78.423,33 (tấn)	155.339.011.753	
2	Công ty than Khánh Hòa VVMI	NCLQ	Mua bán đá thải sau sàng năm 2025	49.106,09 (tấn)	2.455.304.500	
3	Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	NCLQ	Cung cấp vỏ bao 6 tháng đầu năm 2025	5.969.900 (Vỏ)	31.162.878.000	
4	Trung tâm điều dưỡng Ngành than VVMI - Chi nhánh Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV -CTCP	NCLQ	Cung cấp dịch vụ tổ chức hội nghị khách hàng tại Sầm Sơn – Thanh Hóa	01 GT	1.095.120.000	
			Điều dưỡng	55 người	158.400.000	
			Hội nghị sơ kết công tác Công đoàn 6 tháng đầu năm 2025	01 GT	132.430.000	
			Cung cấp dịch vụ: Ăn uống, phòng nghỉ	01 GT	11.150.000	
5	Công ty cổ phần khách sạn Thái Nguyên VVMI	NCLQ	Cung cấp dịch vụ: Tham quan nghỉ mát tại Đà Lạt năm 2025	01 GT	3.747.520.000	
			Cung cấp dịch vụ: Ăn uống, phòng nghỉ, thuê hội trường	01 GT	45.824.075	
			Cung cấp sữa BDDH 6 tháng cuối năm 2025	90.720 Hộp	675.864.000	
6	Công ty cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực VVMI	NCLQ	Cung cấp sắt thép	2069 (kg)	42.504.500	
			Cung cấp sắt thép	1962 (kg)	44.149.000	
			Cung cấp và lắp đặt hệ thống xếp bao tự động	01 HT	10.409.090.909	



Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với công ty	Nội dung giao dịch			Ghi chú
			Nội dung	Số lượng	Tổng giá trị chưa có thuế (VNĐ)	
7	Công ty cổ phần vật tư -TKV	NCLQ	Hợp đồng cung cấp dầu, mỡ bôi trơn	01 GT	682.572.160	
8	Trường Cao đẳng Than – Khoáng sản Việt Nam	NCLQ	Hợp đồng cung cấp dịch vụ, đào tạo	15 (lớp) Huyện	288.673.000	
9	Trường quản trị kinh doanh - Vinacomin	NCLQ	Hợp đồng cung cấp dịch vụ đào tạo	12 (khóa học)	288.856.476	
10	Công ty công nghiệp hóa chất mỏ Thái Nguyên	NCLQ	Hợp đồng mua bán hàng hoá và các lĩnh vực phục vụ SXKD	01 gói dịch vụ	6.737.195.533	
11	Viện cơ khí Năng lượng và Mỏ - Vinacomin	NCLQ	Tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật Dự án đầu tư hệ thống phun sương dập bụi	01 Dự án	88.888.889	





Thái Nguyên, ngày 26 tháng 3 năm 2026

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026**

*Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11/01/2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI;*

*Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI ban hành theo Quyết định số 06/QĐ-BKS ngày 26/04/2021;*

*Căn cứ Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI;*

*Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của ban kiểm soát, tình hình hoạt động SXKD và Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI đã được Công ty TNHH kiểm toán BDO thực hiện kiểm toán;*

Ban kiểm soát Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông những nội dung sau:

**I. Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025**

**1. Cơ cấu, thành phần ban kiểm soát:**

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI gồm có 03 thành viên, trong đó có 01 thành viên chuyên trách và 02 thành viên kiêm nhiệm cụ thể:

- |                             |              |
|-----------------------------|--------------|
| - Ông: Phạm Trung Hợp       | - Trưởng ban |
| - Bà: Trần Thu Hương        | - Thành viên |
| - Bà: Nguyễn Thị Hồng Nhung | - Thành viên |

**2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát:**

**2.1. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát:**

Trong năm Ban kiểm soát đã triệu tập 09 cuộc họp liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát như xây dựng kế hoạch công tác năm, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị của công ty và các lĩnh vực thuộc trách nhiệm của Ban kiểm soát cụ thể:



Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Phạm Trung Hợp	9/9	100%	100%	
2	Trần Thu Hương	9/9	100%	100%	
3	Nguyễn Thị Hồng Nhung	9/9	100%	100%	

Các thành viên trong Ban kiểm soát đều tham gia đầy đủ các cuộc họp. Nội dung các cuộc họp đã được các thành viên nhất trí thông qua với tỷ lệ 100%.

## **2.2. Các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát:**

Qua kết quả kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát, ý kiến của các thành viên đều được lập thành biên bản lưu, gửi đến HĐQT, Ban điều hành Công ty và ý kiến kiến nghị trực tiếp.

## **3. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025**

3.1. Ban kiểm soát đã hoạt động bám sát các nội dung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, các quy định tại Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý các hoạt động kinh doanh năm 2025; theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã đề ra;

3.2. Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp của Ban kiểm soát để lập kế hoạch của ban kiểm soát. Giám sát, đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh quý, năm. Thẩm định, soát xét báo cáo tài chính quý, năm.

3.3. Tham gia các cuộc họp của HĐQT và Ban điều hành của Công ty để từ đó nắm bắt sát sao với tình hình thực tiễn tại các bộ phận đơn vị trong Công ty nhằm kiểm soát các hoạt động của Công ty, đúng với quy định của Pháp luật cũng như phương hướng của Đại hội đồng cổ đông;

3.4. Tham mưu, tư vấn cho HĐQT, Ban điều hành trong việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới đầy đủ, các văn bản quy định phù hợp với quy mô phát triển của Công ty, chú trọng nâng cao chất lượng hiệu quả công tác quản trị điều hành. Trong năm 2025 Công ty đã ban hành và sửa đổi một số quy chế như: *Quy chế quản lý đầu tư xây dựng; Quy chế quản lý về công tác An toàn - Vệ sinh lao động; Quy chế tiêu thụ sản phẩm; Quy chế quản lý cán bộ; Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở.*

3.5. Tham gia ý kiến với HĐQT trong các vấn đề: Tổng kết và xây dựng kế hoạch năm, quý, tháng; phê duyệt và lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, bàn bạc thực hiện các chiến lược kinh doanh của Công ty như Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã họp;

3.6. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính hàng tháng, thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm 2025 của Công ty đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán BDO.

3.7. Hàng quý, năm lập các báo cáo giám sát gửi Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP kịp thời theo đúng quy định.



#### **4. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên ban kiểm soát:**

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của BKS theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và kế hoạch hoạt động của BKS năm 2025. Ban kiểm soát tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và các thành viên như sau:

##### **4.1. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát đã làm việc đúng chức năng của mình với tinh thần trách nhiệm cao, làm việc theo nguyên tắc tập thể, các thành viên BKS chịu trách nhiệm cá nhân về nhiệm vụ mình được phân công. Kiểm tra một cách độc lập, khách quan và báo cáo theo ý kiến của mình về tính trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính cũng như tính tuân thủ các hoạt động kinh doanh của Công ty. Thường xuyên trao đổi, đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban điều hành khi phát hiện sai sót, cũng như các hoạt động có tiềm ẩn rủi ro cho Công ty.

##### **4.2. Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên Ban kiểm soát:**

###### **4.2.1. Ông Phạm Trung Hợp - Trưởng BKS chuyên trách**

- Phụ trách chung công việc của Ban kiểm soát;
- Triệu tập và chủ trì các buổi làm việc của Ban kiểm soát, xây dựng kế hoạch, nội dung tiến độ của các cuộc kiểm tra, liên hệ với các phòng, ban trong Công ty để nhận thông tin, dữ liệu phục vụ công việc của BKS;
- Phụ trách và giải quyết trực tiếp các yêu cầu đột xuất theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp hiện hành;
- Giám sát HĐQT, ban điều hành triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT;
- Xem xét và thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm của Công ty;
- Theo dõi hoạt động tài chính, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty;
- Tổng hợp ý kiến của các thành viên BKS, lập và ký báo cáo hoạt động của BKS trình lên ĐHĐCĐ sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT Công ty.
- Hàng quý lập báo cáo hoạt động người đại diện, tập hợp số liệu báo cáo giám sát của người đại diện gửi Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP theo đúng quy định.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và tại Công ty, nhằm nắm bắt kịp thời các hoạt động của Công ty. Tham gia, phối hợp các đoàn kiểm tra, kiểm soát tại đơn vị (nếu có).

Trong năm luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được phân công.

###### **4.2.2. Bà Trần Thu Hương - Thành viên BKS**

- Kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng tài sản cố định và các dự án đầu tư của Công ty; theo dõi thực hiện xây dựng cơ bản của Công ty;



- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng đối với cán bộ công nhân viên trong Công ty;

- Kiểm tra, giám sát công tác tổ chức hạch toán, luân chuyển chứng từ, tính hợp pháp, hợp lý chứng từ kế toán, việc thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước;

- Kiểm tra, giám sát việc quản lý tiền mặt, ngân hàng, công nợ, hàng hóa, tài sản ngắn hạn của Công ty; kiểm tra việc thực hiện sản xuất kinh doanh bám sát với kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua;

- Báo cáo và đề xuất những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ được phân công tới Trường BKS;

- Thực hiện một số nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Trường BKS;

- Chịu trách nhiệm trước Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông về các nhiệm vụ được phân công.

- Hàng quý lập Báo cáo hoạt động người đại diện gửi Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP theo đúng quy định.

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT, phối hợp các đoàn kiểm tra, kiểm soát tại đơn vị (nếu có).

Trong năm luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được phân công.

#### **4.2.3. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thành viên BKS**

- Kiểm tra, giám sát việc giao khoán, quyết toán chi phí, giá thành, định mức kinh tế kỹ thuật của Công ty; theo dõi việc thực hiện hợp đồng kinh tế, dân sự, công tác vật tư của Công ty;

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng lao động, các vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người lao động;

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy trình sản xuất, công nghệ; công tác cơ điện, an toàn, môi trường, phòng chống cháy nổ;

- Kiểm tra, giám sát công tác thị trường; công tác bán hàng và thu hồi công nợ;

- Báo cáo và đề xuất những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ được phân công tới Trường BKS;

- Thực hiện một số nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Trường BKS;

- Thư ký cho các cuộc họp của Ban kiểm soát;

- Hàng quý lập Báo cáo hoạt động người đại diện gửi Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP theo đúng quy định.

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT, phối hợp các đoàn kiểm tra, kiểm soát tại đơn vị (nếu có).

Trong năm luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được phân công.

## **II. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát**

### **1. Về thù lao của Ban kiểm soát:**



Trong năm 2025, BKS được hưởng lương, thưởng và các quyền lợi khác theo cơ chế lương, thưởng các chế độ phúc lợi khác theo quy định hiện hành của Công ty đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua, phù hợp với hướng dẫn của Nghị định 44/2025/NĐ-CP và Thông tư 003/2025/TT-BNV của Bộ nội vụ hướng dẫn thi hành Nghị định 44/2025/NĐ-CP ngày 28/2/2025 của Chính phủ. Trong đó, tiền lương của thành viên chuyên trách nằm trong quỹ lương người quản lý và gắn với mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Thù lao được tính vào chi phí SXKD của Công ty, cụ thể:

ĐVT: Tr.đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thưởng	Thù lao	Ghi chú
1	Phạm Trung Hợp	Trưởng BKS	540,71		
2	Trần Thu Hương	Thành viên BKS		74,88	
3	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên BKS		74,88	

## 2. Về chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

Các chi phí liên quan đến hoạt động của BKS tuân thủ quy định của Bộ tài chính, quy chế tài chính và các quy định nội bộ của Công ty.

## III. Tình hình hoạt động, tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty

### 1. Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ:

Stt	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ % TH/KH
1	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	630.000	694.367,16	110,22
	- Xi măng	Tấn	610.000	684.354,63	112,19
	- Clinker	Tấn	20.000	10.012,53	50,06
2	Doanh thu, thu nhập khác	Tr.đ	605.382	712.588,94	117,71
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tr.đ	30.000	52.277,55	174,26
4	Tỷ lệ trả cổ tức (dự kiến)	%	12	25	208,33
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tr.đ	31.194	36.009,70	115,44
6	Lao động bình quân	Người	459	429	93,46
7	Tiền lương bình quân	Đồng/ng /tháng	10.942.000	17.553.360	160,42

- Năm 2025 Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI đã tập trung đẩy mạnh sản xuất và tiêu thụ, thực hành tiết kiệm chi phí, đảm bảo ổn định sản xuất, việc làm, thu nhập cho người lao động. Công ty đã hoàn thành xuất sắc, vượt mức các chỉ tiêu về sản lượng tiêu thụ, doanh thu, lợi nhuận, nộp NSNN, tiền lương bình quân và tỷ lệ trả cổ tức cho cổ đông so với Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 đã giao.

- Thông qua hoạt động giám sát của mình. Trong năm 2025 BKS không nhận thấy dấu hiệu bất thường trong hoạt động SXKD của Công ty. BKS cho rằng các



hoạt động của Công ty đảm bảo được việc phát triển an toàn, bền vững và tuân thủ theo đúng Pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT.

## **2. Kết quả thẩm định BCTC Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI năm 2025**

- Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu về các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán và lập các Báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, năm đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp;

- Ban kiểm soát đánh giá cao bộ phận Tài chính - Kế toán Công ty trong việc cập nhật và áp dụng kịp thời, đúng, đủ các thay đổi chế độ kế toán của Nhà nước và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, nộp BHXH, y tế, thất nghiệp cho người lao động đầy đủ và đúng quy định. Thực hiện kiểm soát tốt các khoản thu chi theo đúng chế độ, đôn đốc các bộ phận chấp hành các quy định về kế toán tài chính.

- Quản lý tốt tiền vốn, tài sản của Công ty; nguồn vốn được bảo toàn và tăng trưởng, sử dụng đồng vốn linh hoạt, tiết kiệm tốt chi phí tài chính góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty, cải thiện hệ số nợ phải trả trên vốn chủ, hệ số khả năng thanh toán và công nợ phải thu của khách hàng đạt vượt mức kế hoạch Tổng công ty giao.

- Sau khi thẩm tra, soát xét báo cáo quyết toán tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI được lập lại theo kết quả kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán BDO, Ban kiểm soát xác nhận các số liệu tài chính thể hiện trung thực tình hình tài chính hiện tại của Công ty.

### **2.1. Tình hình tài sản, nguồn vốn thời điểm 31/12/2025 như sau:**

*DVT: Đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A	B	C	1	2
A	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>	<b>215.726.799.869</b>	<b>210.022.921.582</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	32.536.439.071	115.702.261.577
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	151.000.000.000	69.500.000.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.841.123.174	9.608.213.171
4	Hàng tồn kho	140	25.881.858.682	15.134.650.974
5	Tài sản ngắn hạn khác	150	467.378.942	77.795.860
B	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>	<b>99.735.036.640</b>	<b>102.106.044.354</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn	210	753.566.611	592.853.832
2	Tài sản cố định	220	87.339.121.194	89.968.626.892
-	Tài sản cố định hữu hình	221	87.339.121.194	89.968.626.892



Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A	B	C	1	2
-	Tài sản cố định thuê tài chính	224	0	0
-	Tài sản cố định vô hình	227	0	0
3	Bất động sản đầu tư	230	0	0
4	Tài sản dở dang dài hạn	240	200.392.910	0
5	Đầu tư tài chính dài hạn	250	0	0
6	Tài sản dài hạn khác	260	11.441.955.925	11.544.563.630
	<b>Tổng cộng tài sản (270=100+200)</b>	<b>270</b>	<b>315.461.836.509</b>	<b>312.128.965.936</b>
C	Nợ phải trả	300	112.214.536.370	111.828.080.345
1	Nợ ngắn hạn	310	111.582.568.477	111.235.226.513
2	Nợ dài hạn	330	631.967.893	592.853.832
D	Vốn chủ sở hữu	400	203.247.300.139	200.300.885.591
1	Vốn chủ sở hữu	410	203.247.300.139	200.300.885.591
-	Vốn góp của chủ sở hữu	411	120.000.000.000	120.000.000.000
-	Thặng dư vốn cổ phần	412	464.476.156	464.476.156
-	Quỹ đầu tư phát triển	418	41.157.145.436	41.157.145.436
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	41.625.678.547	38.679.263.999
	<b>Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)</b>	<b>440</b>	<b>315.461.836.509</b>	<b>312.128.965.936</b>

**\* Nhận xét:**

- Báo cáo tài chính cơ bản được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính và các văn bản quy định hiện hành.

- Cơ cấu tài sản và nguồn vốn cơ bản đảm bảo tính phù hợp, cân đối giữa các khâu trong bộ cục tài chính của Công ty.

**2.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:**

DVT: Đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền	
		Năm 2025	Năm 2024
1	2	3	4
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	705.776.673.879	661.186.027.676
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	705.776.673.879	661.186.027.676
4	Giá vốn hàng bán	607.694.358.994	566.882.405.039



Stt	Chỉ tiêu	Số tiền	
		Năm 2025	Năm 2024
1	2	3	4
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	98.082.314.885	94.303.622.637
6	Doanh thu hoạt động tài chính	6.786.483.573	4.726.617.107
7	Chi phí tài chính	0	168.690.403
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	0	63.575.333
8	Chi phí bán hàng	12.423.171.506	12.297.022.274
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	39.713.865.146	38.020.527.610
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	52.731.761.806	48.543.999.457
11	Thu nhập khác	25.785.677	133.696.825
12	Chi phí khác	480.000.000	172.900.000
13	Lợi nhuận khác	-454.214.323	-39.203.175
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	52.277.547.483	48.504.796.282
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.651.868.936	9.825.532.283
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0	0
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	41.625.678.547	38.679.263.999
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.500	2.300
19	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	0	0

*Ghi chú: Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2025 là 2.500 đồng/cổ phiếu được tính toán ước tính vào mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi về việc phân phối lợi nhuận năm 2025 dự kiến trình trước Đại hội đồng cổ đông năm 2026.*

**\* Nhận xét:**

- Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật.
- Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.
- Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2025 đạt 705.776 triệu đồng/KH 599.504 triệu đồng bằng 117,732 % so với kế hoạch năm.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 52.277,55 tr.đồng/kế hoạch 30.000 triệu đồng bằng 174,26% so với kế hoạch năm.

**2.3. Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty năm 2025:**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
A	B	C	1	2	3
1	Hệ số bảo toàn vốn	Lần	1,02	1,01	



TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
<b>2</b>	<b>Hệ số khả năng thanh toán</b>				
A	Hệ số thanh toán hiện thời	"	1,89	1,93	
B	Hệ số thanh toán nhanh	"	1,75	1,70	
<b>3</b>	<b>Hệ số phản ánh cơ cấu nguồn vốn</b>				
A	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	"	0,56	0,55	
B	Hệ số nợ/Vốn điều lệ	"	0,93	0,94	
<b>4</b>	<b>Hệ số phản ánh cơ cấu tài sản</b>				
A	Tỷ lệ đầu tư vào tài sản ngắn hạn	%	67,29	68,42	
B	Tỷ lệ đầu tư vào tài sản dài hạn	"	32,71	31,58	
<b>5</b>	<b>Hệ số khả năng sinh lời</b>				
A	Tỷ suất lợi nhuận / Doanh thu	%	5,85	5,90	
B	Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA)	"	12,39	13,27	
C	Tỷ suất lợi nhuận / Vốn kinh doanh	"	32,23	34,69	
D	Tỷ suất sinh lời / Vốn CSH (ROE)	"	19,31	25,76	
E	Tỷ số thu nhập / Cổ phiếu (EPS)	Đồng	2.300	2.500	

**\* Nhận xét:**

Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động và tài chính của Công ty thể hiện sự ổn định và an toàn cho thấy Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI có hệ thống quản trị tốt và hiệu quả.

- Trong năm 2025, Hệ số bảo toàn vốn giảm nhẹ; Hệ số thanh toán hiện thời, tỷ lệ đầu tư vào tài sản ngắn hạn, hệ số về khả năng sinh lời tăng so cùng kỳ năm 2024, nguyên nhân do lợi nhuận thực hiện cao hơn so với cùng kỳ năm 2024.

**IV. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch**

Trong năm 2025, Công ty có thực hiện việc ký kết các hợp đồng mua bán, dịch vụ với các Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của Công ty là người quản lý doanh nghiệp, bao gồm:

STT	Tên công ty, cá nhân	Nội dung giao dịch
1	Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	- Mua than cám
2	Công ty than Khánh Hòa - VVMI	- Mua đá thải sau sàng
3	Công ty cổ phần SX và KD vật tư thiết bị - VVMI	- Mua vỏ bao
4	Trung tâm Điều dưỡng ngành than - VVMI	- Dịch vụ



STT	Tên công ty, cá nhân	Nội dung giao dịch
5	Công ty cổ phần khách sạn Thái Nguyên - VVMI	- Dịch vụ
6	Công ty cổ phần cơ khí và thiết bị áp lực VVMI	- Cung cấp vật tư, mua TSCĐ
7	Công ty cổ phần vật tư - TKV	- Cung cấp vật tư
8	Trường Cao đẳng Than - Khoáng sản Việt Nam	- Dịch vụ đào tạo
9	Trường quản trị kinh doanh - Vinacomin	- Dịch vụ đào tạo
10	Công ty công nghiệp hóa chất mỏ Thái Nguyên	- Dịch vụ nổ mìn khai thác mỏ đá vôi
11	Viện cơ khí Năng lượng và Mỏ - Vinacomin	- Dịch vụ tư vấn

- Với các giao dịch trên, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch đã thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

- Ban kiểm soát thấy rằng việc chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan là Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của công ty là người quản lý đã thực hiện đúng theo khoản 2, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp 2020.

#### **V. Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban điều hành**

- Giữa Ban kiểm soát, HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty đã duy trì được mối quan hệ trong công tác, hợp tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế quản lý nội bộ.

- Trong năm 2025, HĐQT cùng Ban giám đốc và các cán bộ quản lý của các phòng ban chức năng Công ty đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu cần thiết cho công tác thẩm định, kiểm tra, giám sát định kỳ của Ban kiểm soát.

- Ban kiểm soát thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty đúng với các quy định hiện hành, đảm bảo thông tin đến cổ đông một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời.

#### **VI. Đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc**

##### **1. Hội đồng quản trị:**

HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.



- Trong năm 2025 Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 06 phiên họp trực tiếp, 13 phiên họp gián tiếp (bằng hình thức xin ý kiến); đã ban hành 98 nghị quyết, quyết định về các vấn đề chiến lược, các quyết định quan trọng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư của công ty thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT và nội dung của các Nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, và Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của Pháp luật.

- HĐQT thông qua các cuộc họp định kỳ, đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định để thực thi nhiệm vụ quản lý điều hành các hoạt động của Công ty, tiếp tục ban hành, hoàn thiện các quy chế nội bộ để làm cơ sở cho hoạt động của công ty ngày càng rõ ràng, minh bạch.

- HĐQT giao Giám đốc thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đề ra.

- Trong quá trình hoạt động, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Giám đốc trong việc thực thi nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông thông qua. HĐQT luôn tuân thủ Điều lệ Tổng công ty, luật pháp nhà nước; phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành cùng hợp tác nhằm đưa ra các giải pháp hữu hiệu để nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Năm 2025, HĐQT đã định hướng, chỉ đạo Công ty thực hiện hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2025, bảo toàn và phát triển được vốn của Công ty.

## **2. Ban giám đốc:**

Cùng với HĐQT, Ban giám đốc có những chỉ đạo rất sát sao và quyết liệt trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành quản lý và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản; sử dụng vốn đúng mục đích trong sản xuất kinh doanh; tuân thủ các qui định của pháp luật trong kinh doanh, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo qui định; quản lý chặt chẽ tài sản và nguồn vốn của Công ty; đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Trong năm 2025 thị trường tiêu thụ xi măng vẫn khó khăn do sự suy giảm nhu cầu xây dựng toàn cầu, thị trường bất động sản được phục hồi nhưng chậm, xu hướng dịch chuyển nhu cầu từ xi măng bao sang xi măng bột tiếp tục tăng, mức độ cạnh tranh các thương hiệu xi măng trên thị trường vẫn diễn ra khốc liệt; Song Ban điều hành đã nỗ lực tìm các giải pháp để hạ giá thành sản phẩm, tìm kiếm mở rộng thị trường, đẩy mạnh công tác tiêu thụ sản phẩm, cụ thể:

+ Công ty đã có những giải pháp thích hợp để tăng hiệu quả SXKD; sản lượng tiêu thụ, doanh thu chưa hoàn thành so với kế hoạch đề ra, tuy nhiên Công ty vẫn có giải pháp tích cực giữ vững được thị trường truyền thống, ổn định giá bán xi măng, giúp hoàn thành hiệu quả sản xuất kinh doanh theo kế hoạch của công ty.

+ Tăng mức Clinker, tăng tỷ lệ pha phụ gia so với kế hoạch, góp phần giảm giá thành sản phẩm và ổn định được chất lượng sản phẩm.

+ Điều hành và kiểm soát tốt về năng suất các thiết bị chính như: máy nghiền liệu, nghiền than, nghiền xi măng nên đã đảm bảo duy trì sản xuất giảm thời gian huy động giờ cao điểm, tận dụng tối đa thời gian thấp điểm tiết kiệm chi phí điện năng, tăng hiệu quả kinh doanh.



Kết quả năm 2025, bộ máy điều hành đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên cụ thể về: Sản lượng, doanh thu, lợi nhuận trước thuế, tiền lương bình quân, nộp NSNN, cổ tức chi trả dự kiến 25%/ kế hoạch 12%.

## **VII. Kiến nghị của Ban kiểm soát**

Trong năm 2026, cạnh tranh địa chính trị, (xung đột giữa Nga - Ukraine, xung đột vũ trang ở Trung Đông...) vẫn tiếp diễn có thể kéo dài, căng thẳng thương mại Mỹ - Trung Quốc leo thang, khí hậu thay đổi bão lũ nhiều ảnh hưởng đến nền kinh tế trên phạm vi toàn cầu, làm gián đoạn các nguồn cung ứng sản phẩm, hàng hóa trực tiếp gây trì trệ đến các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ. Ở trong nước thị trường bất động sản được phục hồi, các dự án đầu tư công được thúc đẩy giải ngân, sản xuất tiêu thụ nội địa tăng trưởng ấn tượng. Tuy nhiên, ngành xi măng vẫn đối mặt với thách thức về dư thừa nguồn cung, cạnh tranh trong xuất khẩu và thuế quan tại một số thị trường truyền thống. Giá cát, đá, sỏi và các loại vật liệu san nền vẫn tiếp tục leo thang, giá NVL đầu vào dùng để sản xuất xi măng tăng tại thời điểm cuối năm. Xu hướng dịch chuyển nhu cầu từ xi măng bao sang xi măng bột tiếp tục làm giảm hiệu quả SXKD. Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI phải đối mặt với nhiều thách thức rất lớn. Bên cạnh đó cổ phiếu Công ty đã được thực hiện niêm yết và giao dịch trên sàn chứng khoán Hà Nội bởi vậy để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm 2026, tạo được giá trị cổ phiếu trên sàn, đem lại lợi ích cho cổ đông, Ban kiểm soát đề nghị bộ máy điều hành công ty cần quan tâm một số nội dung sau:

- Tiếp tục duy trì sản xuất ổn định, nâng cao thời gian huy động, năng suất thiết bị, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh sản phẩm đảm bảo tăng trưởng hợp lý, bền vững. Trong tiêu thụ sản phẩm thì đẩy mạnh việc giữ vững và phát triển trên thị trường truyền thống, không ngừng phát triển thị trường mới để tăng sản lượng tiêu thụ. Tiếp tục hoàn thiện công tác tái cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý.

- Tìm kiếm nguồn NVL đầu vào giá rẻ đảm bảo chất lượng, để tiết kiệm chi phí sản xuất nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty

- Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đưa công nghệ 4.0 vào thực tiễn nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời tiết kiệm nhiên liệu, điện năng giảm chi phí sản xuất kinh doanh, nâng cao mức độ an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

- Tăng cường áp dụng tin học hóa, tự động hóa, chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm tiết giảm lao động và nâng cao năng suất, đảm bảo năng lực cạnh tranh và phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý và thu hồi công nợ, giảm dư nợ khách hàng bình quân, an toàn và tăng vòng quay vốn. Cân đối, sử dụng nguồn tiền nhàn rỗi, lựa chọn thời hạn cho vay tốt nhất đem lại hiệu quả kinh tế và an toàn cho nguồn tiền gửi.

- Điều hành một cách linh hoạt các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2026.



- Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án đầu tư đổi mới dây chuyền công nghệ, để duy trì sản xuất ổn định đem lại hiệu quả sản xuất cho Công ty, phát huy tốt hơn nữa hiệu quả nguồn vốn đã đầu tư.

- Tăng cường giám sát, thực hiện các nội dung yêu cầu đối với Công ty niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán, chấp hành đúng pháp luật, đảm bảo lợi ích cho nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

### **VIII. Phương hướng, kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2026**

Căn cứ vào nhiệm vụ của Ban kiểm soát và các chỉ tiêu tạm giao kế hoạch SXKD năm 2026 của HĐQT Công ty, Ban kiểm soát đã xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát tại công văn số 02/LH-BKS ngày 06 tháng 01 năm 2026, tập trung vào các nhiệm vụ chính như sau:

1. Soát xét lại tính hợp lý, hợp pháp của các Nghị quyết, quyết định, nội quy, quy định, quy trình của Công ty; từ đó cùng với HĐQT, Ban điều hành sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tiễn tại đơn vị.

2. Nâng cao khả năng áp dụng các mô hình quản trị doanh nghiệp và quản trị rủi ro trong sản xuất kinh doanh; tận dụng tối đa các thời cơ đồng thời chủ động với các rủi ro tiềm ẩn ảnh hưởng tới Công ty.

3. Quản trị chi phí và tiết kiệm trong sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

4. Giám sát việc thực hiện chuyển đổi chế độ kế toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025, tiếp tục hoàn thiện hơn nữa hệ thống kế toán và chế độ hạch toán kế toán, đáp ứng nhanh nhu cầu cung cấp thông tin cho Ban điều hành, phù hợp với chế độ và chuẩn mực kế toán hiện hành.

5. Công bố thông tin, minh bạch hóa các hoạt động tài chính trên thị trường chứng khoán, thỏa mãn lợi ích của nhà đầu tư.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

*Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động trong năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026 của Ban kiểm soát.*

Xin trân trọng cảm ơn!

#### **Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT; BKS;
- Đăng tải Website Công ty;
- Lưu: BKS; VP.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**TRƯỞNG BAN**  
  
**Phạm Trung Hợp**



Số: 34/TTr-ĐHĐCĐ

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 3 năm 2026

**TỜ TRÌNH**

**Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán  
của Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI**

*Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11/01/2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI ban hành theo quyết định số 16/QĐ-HĐQT ngày 26/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty;*

*Căn cứ vào Báo cáo tài chính đã kiểm toán cho năm tài chính kết thúc 31/12/2025 do Công ty TNHH kiểm toán BDO Việt Nam lập ngày 27/02/2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐQT ngày 20/3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI, về việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI;*

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI.

*(Có báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán kèm theo)*

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng Cổ đông;
- HĐQT, BKS, Website;
- Lưu VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Vũ Minh Tân**



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Báo cáo tài chính đã kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2025





**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025*

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY	2
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 30



# CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI

## THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

### Thông tin chung của công ty

Công ty Cổ phần Xi măng La Hiền VVMI tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiền, được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 2228/QĐ-HĐQT ngày 19/09/2007 của Chủ tịch hội đồng quản trị Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên (nay là Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên) cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4600422240 đăng ký lần đầu ngày 01/01/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên (nay là Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên) chuẩn y tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 5, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên (nay là Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên) cấp ngày 04/12/2021. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4600422240 lần 5 ngày 04/12/2021, vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 VND được chia thành 12.000.000 cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.

### Hội đồng quản trị

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

- Ông Vũ Minh Tân	Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Trần Quang Khải	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Hà Văn Chuyển	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Nguyễn Xuân Hậu	Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông Phạm Mạnh Tiến	Ủy viên Hội đồng quản trị

### Ban Giám đốc

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

- Ông Trần Quang Khải	Giám đốc	
- Ông Phạm Mạnh Tiến	Phó Giám đốc	
- Ông Nguyễn Sóng Gió	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/04/2025
- Ông Tống Thanh Sơn	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 01/04/2025
- Ông Nguyễn Thanh Trường	Phó Giám đốc	

### Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong suốt năm tài chính và cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này là: Ông Trần Quang Khải - Chức danh: Giám đốc.

### Ban Kiểm soát

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt năm tài chính và cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

- Ông Phạm Trung Hợp	Trưởng ban Kiểm soát
- Bà Trần Thu Hương	Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên

### Trụ sở đăng ký kinh doanh

Công ty có trụ sở tại: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán BDO là công ty kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiền VVMI.



# **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMI**

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Về báo cáo tài chính của công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng La Hiền VVMI (dưới đây được gọi là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiền VVMI phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

### **PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc công ty phê duyệt báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đính kèm được trình bày từ trang 05 đến trang 30. Theo ý kiến của Ban Giám đốc báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện HĐQT và Ban Giám đốc



**Trần Quang Khải**  
Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 02 năm 2026



Số: BC/BDO/2026.36

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2026

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP***Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025***Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI, được lập ngày 27/02/2026 từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về sự hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên VVMI tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO**  
**CÔNG TY**  
**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN**  
**KIỂM TOÁN**  
**BDO**  
**LÊ THỊ MINH HỒNG**  
**Phó Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1992-2023-038-1

**NGUYỄN THỊ LAN HOA**  
**Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2003-2023-038-1



Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>215.726.799.869</b>	<b>210.022.921.582</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>32.536.439.071</b>	<b>115.702.261.577</b>
1. Tiền	111		3.536.439.071	3.702.261.577
2. Các khoản tương đương tiền	112		29.000.000.000	112.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>151.000.000.000</b>	<b>69.500.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		151.000.000.000	69.500.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.841.123.174</b>	<b>9.608.213.171</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	127.578.000	6.383.149.602
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.305.756.727	194.737.996
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.1	3.509.077.047	3.218.504.573
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(101.288.600)	(188.179.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>25.881.858.682</b>	<b>15.134.650.974</b>
1. Hàng tồn kho	141		25.881.858.682	15.134.650.974
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>467.378.942</b>	<b>77.795.860</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9.1	64.208.973	77.795.860
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14.2	403.169.969	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>99.735.036.640</b>	<b>102.106.044.354</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>753.566.611</b>	<b>592.853.832</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.6.2	753.566.611	592.853.832
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>87.339.121.194</b>	<b>89.968.626.892</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	87.339.121.194	89.968.626.892
<i>Nguyên giá</i>	222		985.803.993.216	969.818.238.877
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	223		(898.464.872.022)	(879.849.611.985)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		1.632.274.438	1.632.274.438
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	229		(1.632.274.438)	(1.632.274.438)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>200.392.910</b>	<b>-</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	200.392.910	-
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>11.441.955.925</b>	<b>11.544.563.630</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.2	11.441.955.925	11.544.563.630
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>315.461.836.509</b>	<b>312.128.965.936</b>



Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>112.214.536.370</b>	<b>111.828.080.345</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>111.582.568.477</b>	<b>111.235.226.513</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	37.337.766.236	42.561.760.187
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	3.927.582.161	1.856.430.053
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.1	13.940.807.327	14.303.550.244
4. Phải trả người lao động	314		38.246.716.985	33.294.270.695
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	5.383.321.290	300.441.200
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	1.002.046.518	1.654.068.663
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	11.744.327.960	17.264.705.471
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>631.967.893</b>	<b>592.853.832</b>
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.17	631.967.893	592.853.832
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>203.247.300.139</b>	<b>200.300.885.591</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>203.247.300.139</b>	<b>200.300.885.591</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		464.476.156	464.476.156
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		41.157.145.436	41.157.145.436
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		41.625.678.547	38.679.263.999
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm này	421b		41.625.678.547	38.679.263.999
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>315.461.836.509</b>	<b>312.128.965.936</b>

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Hằng

Nguyễn Thị Thu Hoài

Trần Quang Khải



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMÍ**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

B02 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	705.776.673.879	661.186.027.676
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>705.776.673.879</b>	<b>661.186.027.676</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	607.694.358.994	566.882.405.039
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>98.082.314.885</b>	<b>94.303.622.637</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.786.483.573	4.726.617.107
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	-	168.690.403
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	63.575.333
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	12.423.171.506	12.297.022.274
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	39.713.865.146	38.020.527.610
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>52.731.761.806</b>	<b>48.543.999.457</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.7	25.785.677	133.696.825
12. Chi phí khác	32	VI.8	480.000.000	172.900.000
13. <b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(454.214.323)</b>	<b>(39.203.175)</b>
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>52.277.547.483</b>	<b>48.504.796.282</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	10.651.868.936	9.825.532.283
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>41.625.678.547</b>	<b>38.679.263.999</b>
18. <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.11</b>	<b>2.500</b>	<b>2.300</b>

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Nguyễn Thị Hằng

Nguyễn Thị Thu Hoài

Trần Quang Khải



(Phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		52.277.547.483	48.504.796.282
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		18.615.260.037	15.124.181.747
- Các khoản dự phòng	03		(47.776.339)	73.702.711
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.786.483.573)	(4.726.617.107)
- Chi phí lãi vay	06		-	63.575.333
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		64.058.547.608	59.039.638.966
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09		3.864.741.201	4.785.966.094
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10		(10.747.207.708)	29.033.901.672
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả	11		5.214.738.831	1.666.453.552
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12		116.194.592	992.339.792
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(63.575.333)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.825.532.283)	(5.403.623.467)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	483.400.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(16.599.641.510)	(12.422.061.328)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>36.081.840.731</b>	<b>78.112.439.948</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(16.166.107.958)	(10.393.252.349)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(131.000.000.000)	(29.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		49.500.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.211.840.021	3.758.440.653
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(91.454.267.937)</b>	<b>(36.134.811.696)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(5.000.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(27.793.395.300)	(18.896.919.600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(27.793.395.300)</b>	<b>(23.896.919.600)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(83.165.822.506)</b>	<b>18.080.708.652</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>115.702.261.577</b>	<b>97.621.552.925</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>32.536.439.071</b>	<b>115.702.261.577</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thức Nguyễn, ngày 27 tháng 02 năm 2026

Giám đốc

Nguyễn Thị Hằng

Nguyễn Thị Thu Hoài

Trần Quang Khải



**I. THÔNG TIN CHUNG****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xi măng La Hiền VVMİ tiền thân là Nhà máy xi măng La Hiền, được chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 2228/QĐ-HĐQT ngày 19/09/2007 của Chủ tịch hội đồng quản trị Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên (nay là Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên) cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4600422240 đăng ký lần đầu ngày 01/01/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên (nay là Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên) chuẩn y tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 5, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên (nay là Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên) cấp ngày 04/12/2021. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4600422240 lần 5 ngày 04/12/2021, vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 VND được chia thành 12.000.000 cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.

Mã chứng khoán: CLH

Nơi đăng ký giao dịch: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Trụ sở chính của Công ty tại: Xóm Cây Bòng, xã La Hiền, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

*Ngành nghề kinh doanh công ty bao gồm:*

- Sản xuất xi măng, đá vôi và thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, các vật liệu xây dựng khác);
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng uranium và quặng thorium;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (khai thác quặng bô xít);
- Đúc sắt, thép;
- Đúc kim loại màu;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất các kết cấu kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công trình công nghiệp);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị dùng trong mạch điện);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá (hoạt động của trạm xá);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (cho thuê văn phòng, kho bãi);

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.



#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ hoạt động của Công ty là khoảng thời gian từ khi mua hàng hóa, dịch vụ đến khi chuyển đổi thành tiền hoặc tài sản để chuyển đổi thành tiền, thường không quá 12 tháng.

#### **5. Nhân viên**

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 386 người (Tại ngày 31/12/2024 là 450 người).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Kỳ kế toán**

Kỳ tài chính năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND)

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã lập và trình bày báo cáo tài chính tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính. Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính của năm tài chính gần nhất.

#### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn không quá 3 tháng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

#### **2. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi từ khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải thu khách hàng:** Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán.
- **Phải thu khác:** Gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: phải thu về lãi tiền gửi; phải thu từ người lao động về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, TNCN, các khoản phải thu khác ...).



## 2. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải thu (tiếp theo)

### *Theo dõi khoản phải thu*

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

### *Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi*

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên (thời gian quá hạn được xác định căn cứ vào hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên) được trích lập dự phòng theo tỷ lệ như sau:

Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

## 3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc xác định được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 02 - "Hàng tồn kho", cụ thể: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Giá mua, chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

*Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:* Bình quân gia quyền.

*Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Kế khai thường xuyên

*Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ:*

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ là toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho các dịch vụ chưa hoàn thành tại thời điểm cuối kỳ.

*Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:* Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được Công ty trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho do lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

## 4. Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định

### *Tài sản cố định hữu hình (TSCĐ HH)*

TSCĐ HH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ HH là toàn bộ các chi phí Công ty phải bỏ ra để có TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá TSCĐ HH đối với từng loại phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 về Tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu (chi phí nâng cấp, cải tạo, duy tu, sửa chữa...) được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ HH vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.



**4. Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định (tiếp theo)**

Khi TSCĐ HH được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

TSCĐ HH được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc thiết bị	05 - 20 năm
Phương tiện vận tải	05 - 20 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08 năm

Trong năm 2025, công ty vẫn tiếp tục áp dụng khấu hao nhanh với hệ số là 2 cho một số tài sản cố định là máy móc thiết bị, và thiết bị, dụng cụ quản lý.

***Tài sản cố định vô hình (TSCĐ VH)***

TSCĐ VH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

TSCĐ VH của Công ty là giá trị quy hoạch mở rộng mặt bằng nhà máy. Công ty thực hiện trích khấu hao TSCĐ VH này trong vòng 5 năm kể từ ngày 1/11/2003 và đã hết khấu hao từ những năm trước. Trong năm 2025, công ty không thực hiện trích khấu hao cho tài sản này.

**5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm, phí sử dụng tài liệu, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng... và các chi phí khác phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai của Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng hoặc thời gian thu hồi chi phí ước tính của Công ty.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

**6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được trình bày theo giá gốc. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải trả người bán:** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.
- **Phải trả khác:** Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: phải trả về cổ tức và lợi nhuận phải trả; phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ, đoàn phí công đoàn, khoản phải trả khác...).

***Theo dõi các khoản phải trả***

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.



**7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận trong kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng.

**8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; có sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận thỏa mãn các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 18 “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng”.

**Phương pháp ghi nhận dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

Dự phòng phải trả công ty bao gồm chi phí hoàn nguyên môi trường.

**9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu: Phản ánh số thực tế đã đầu tư của các cổ đông. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4600422240 lần 5 ngày 04/12/2021, vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2025, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đầy đủ.

**Nguyên tắc ghi nhận quỹ đầu tư phát triển**

Tỷ lệ trích lập: Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động.

Mục đích sử dụng: Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Thẩm quyền ra quyết định trích lập và sử dụng quỹ: Đại hội đồng cổ đông

**Nguyên tắc ghi nhận quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Tỷ lệ trích lập: Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động.

Mục đích sử dụng: dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

Thẩm quyền ra quyết định trích lập và sử dụng quỹ: Đại hội đồng cổ đông.

**Nguyên tắc ghi nhận quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty**

Tỷ lệ trích lập: Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động.

Mục đích sử dụng: để thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban giám đốc công ty, mức trích thưởng được gắn với hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và kết quả xếp loại đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Thẩm quyền ra quyết định trích lập và sử dụng quỹ: Đại hội đồng cổ đông.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng năm tài chính (năm trước, năm nay), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu, chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông).



## 10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu có liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan đến khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Tỷ lệ hoàn thành giao dịch được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Lãi tiền gửi.

*Lãi tiền gửi:* Được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

## 11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh khoản giảm trừ doanh thu, và sự kiện này phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: Công ty ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 23 "Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm".

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính của kỳ sau mới phát sinh khoản giảm trừ doanh thu: Công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

## 12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát...

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán trong năm.

## 13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn.

Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước), của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong kỳ.

## 14. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

*Chi phí bán hàng:* Là các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí lương nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu, chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, vận chuyển...

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí bán hàng trong năm.

NOI HANH



**Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Trong năm công ty phát sinh khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp: Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi.

#### **15. Nguyên tắc kế toán thuế**

##### **Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%).

##### **Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### **16. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch và số dư với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số VII.2.



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	158.062.419	944.541.083
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.378.376.652	2.757.720.494
Các khoản tương đương tiền (i)	29.000.000.000	112.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>32.536.439.071</b>	<b>115.702.261.577</b>

(i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Thái Nguyên, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Thái Nguyên với lãi suất 4,75%/năm.

**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	151.000.000.000	69.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>151.000.000.000</b>	<b>69.500.000.000</b>

(\*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 3 tháng tại các ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Thái Nguyên, Ngân hàng TMCP Quân đội - Thái Nguyên, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Thái Nguyên và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Thái Nguyên với mức lãi suất từ 4,8%/năm đến 7,3%/năm.

**3. Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu khách hàng là các bên thứ ba</i>		
Ủy ban nhân dân xã Dân Tiến	-	340.546.400
Ủy ban nhân dân xã Vũ Chấn	-	747.358.400
Ủy ban nhân dân xã Trảng Xá	-	360.319.200
Ủy ban nhân dân xã Phương Giao	-	953.904.002
Ủy ban nhân dân xã Thần Sa	-	933.730.400
Ủy ban nhân dân xã Nghinh Tường	-	850.497.600
Ủy ban nhân dân xã Lâu Thượng	-	716.229.599
Công ty TNHH Hoàng Doanh	49.298.000	99.298.000
Công Ty TNHH Yển Lạc	66.780.000	66.780.000
Các khách hàng khác	11.500.000	1.314.486.001
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>127.578.000</b>	<b>6.383.149.602</b>

Chi tiết tình hình trích lập dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>188.179.000</b>	<b>152.264.000</b>
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	-	49.649.000
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(86.890.400)	(13.734.000)
Xoá nợ bằng khoản dự phòng trong năm	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>101.288.600</b>	<b>188.179.000</b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn là bên liên quan	1.110.903.727	168.596.238
Trả trước cho người bán ngắn hạn là bên thứ ba	1.194.853.000	26.141.758
Các nhà cung cấp khác	1.194.853.000	26.141.758
<b>Cộng</b>	<b>2.305.756.727</b>	<b>194.737.996</b>

(Chi tiết trả trước cho người bán là bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VII.2)



5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các khoản phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>						
Phòng tài chính Huyện Phổ Yên	-	-	-	71.750.000	(71.750.000)	-
Công ty TNHH Yến Lạc	66.780.000	(66.780.000)	-	66.780.000	(66.780.000)	-
Công ty TNHH Hoàng Doanh	49.298.000	(34.508.600)	14.789.400	99.298.000	(49.649.000)	49.649.000
Cộng	116.078.000	(101.288.600)	14.789.400	237.828.000	(188.179.000)	49.649.000



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**6. Các khoản phải thu khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>6.1. Ngắn hạn</b>		
Phải thu người lao động	1.253.521.349	940.291.098
Ký cược, ký quỹ	-	243.900.000
Lãi dự thu	2.013.875.343	1.560.830.509
Phải thu khác	241.680.355	473.482.966
<b>Cộng</b>	<b>3.509.077.047</b>	<b>3.218.504.573</b>

**6.2. Dài hạn**

Ký cược, ký quỹ	631.967.893	592.853.832
Phải thu khác	121.598.718	-
<b>Cộng</b>	<b>753.566.611</b>	<b>592.853.832</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng (*)	Giá gốc	Dự phòng (*)
Nguyên liệu, vật liệu	9.716.459.541	-	8.763.379.185	-
Công cụ, dụng cụ	25.817.600	-	16.424.909	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.139.581.541	-	6.354.846.880	-
<b>Cộng</b>	<b>25.881.858.682</b>	<b>-</b>	<b>15.134.650.974</b>	<b>-</b>

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển trong năm	Số cuối năm
Chi phí xây dựng cơ bản				
Dự án đầu tư xây dựng hàng rào khu phía Đông Nam	-	200.392.910	-	200.392.910
Dự án Hệ thống xếp bao tự động	-	10.455.424.106	10.455.424.106	-
Dự án đầu tư hệ thống phụ sương dập bụi	-	1.616.585.122	1.616.585.122	-
Dự án đầu tư máy xúc thủy lực gầu ngược, dung tích gầu ≥ 1,4m <sup>3</sup>	-	3.913.745.111	3.913.745.111	-
Lọc bụi tĩnh điện khi thừa lò 2 (điện trường 2)	-	1.948.252.787	1.948.252.787	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>18.134.400.036</b>	<b>17.934.007.126</b>	<b>200.392.910</b>

**9. Chi phí trả trước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>9.1 Ngắn hạn</b>		
Bảo hiểm ô tô	64.208.973	77.795.860
<b>Cộng</b>	<b>64.208.973</b>	<b>77.795.860</b>
<b>9.2 Dài hạn</b>		
Chi phí bồi thường GPMB	9.652.703.067	10.373.161.755
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	772.421.183	-
Phí bảo lãnh hợp đồng Điện	172.675.658	252.372.110
Phí sử dụng tài liệu	844.156.017	919.029.765
<b>Cộng</b>	<b>11.441.955.925</b>	<b>11.544.563.630</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIỀN VVMİ  
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, trang thiết bị	Thiết bị và Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2025	325.458.628.458	501.332.524.722	87.484.896.048	55.542.189.649	969.818.238.877
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Đầu tư XD CB hoàn thành	1.616.585.122	14.369.169.217	-	-	15.985.754.339
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>327.075.213.580</b>	<b>515.701.693.939</b>	<b>87.484.896.048</b>	<b>55.542.189.649</b>	<b>985.803.993.216</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ (*)</b>					
Tại ngày 01/01/2025	(247.606.556.939)	(496.327.018.976)	(87.484.896.048)	(48.431.140.022)	(879.849.611.985)
Khấu hao trong năm	(9.028.893.641)	(6.058.425.121)	-	(3.527.941.275)	(18.615.260.037)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>(256.635.450.580)</b>	<b>(502.385.444.097)</b>	<b>(87.484.896.048)</b>	<b>(51.959.081.297)</b>	<b>(898.464.872.022)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2025	77.852.071.519	5.005.505.746	-	7.111.049.627	89.968.626.892
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>70.439.763.000</b>	<b>13.316.249.842</b>	<b>-</b>	<b>3.583.108.352</b>	<b>87.339.121.194</b>

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:	761.245.662.175	VND
Nguyên giá TSCĐ tạm thời không sử dụng:	-	VND
Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay:	-	VND



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 01/01/2025	1.632.274.438	1.632.274.438
Mua trong kỳ	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>1.632.274.438</b>	<b>1.632.274.438</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</b>		
Tại ngày 01/01/2025	(1.632.274.438)	(1.632.274.438)
Khấu hao trong kỳ	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>(1.632.274.438)</b>	<b>(1.632.274.438)</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2025	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 1.632.274.438 VND

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Phải trả người bán ngắn hạn là bên thứ ba</b>	<b>32.852.185.095</b>	<b>32.852.185.095</b>	<b>38.575.222.316</b>	<b>38.575.222.316</b>
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Bắc Thái	4.273.170.267	4.273.170.267	4.029.337.918	4.029.337.918
Công ty cổ phần công nghiệp thương mại Sông Đà	4.762.424.000	4.762.424.000	4.755.860.000	4.755.860.000
Công ty TNHH dịch vụ Sơn Hào	3.328.950.772	3.328.950.772	84.174.611	84.174.611
Công ty điện lực Thái Nguyên	46.179.158	46.179.158	4.255.216.454	4.255.216.454
Khác	20.441.460.898	20.441.460.898	25.450.633.333	25.450.633.333
<b>Phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan</b>	<b>4.485.581.141</b>	<b>4.485.581.141</b>	<b>3.986.537.871</b>	<b>3.986.537.871</b>
<b>Cộng</b>	<b>37.337.766.236</b>	<b>37.337.766.236</b>	<b>42.561.760.187</b>	<b>42.561.760.187</b>

(Chi tiết phải trả người bán là bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VII.2)

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Khách hàng ứng trước là các bên thứ ba</b>		
Hợp tác xã sản xuất - Dịch vụ Hoàng Thịnh Phát	173.792.601	243.596.081
Công ty TNHH Nghị Hương	1.552.715.842	287.732.780
Công ty TNHH Tuổi trẻ Thái Nguyên	442.371.250	229.899.800
Công ty TNHH vật liệu xây dựng Khải Lan Thăng Lợi	119.949.122	336.964.932
Các đối tượng khác	1.638.753.346	758.236.460
<b>Khách hàng ứng trước là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>3.927.582.161</b>	<b>1.856.430.053</b>



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**14. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước**

**14.1 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số đã nộp trong năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
Thuế giá trị gia tăng	2.853.579.489	12.367.849.080	13.335.163.832	1.886.264.737
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.825.532.282	10.651.868.936	9.825.532.283	10.651.868.935
Thuế thu nhập cá nhân	310.952.932	1.994.556.366	1.636.178.099	669.331.199
Thuế tài nguyên	1.071.241.475	4.937.737.607	5.487.777.340	521.201.742
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	366.762.505	366.762.505	-
Phí bảo vệ môi trường	242.244.066	2.221.672.525	2.251.775.877	212.140.714
Thuế, phí và các khoản phải nộp khác	-	2.703.346.215	2.703.346.215	-
<b>Cộng</b>	<b>14.303.550.244</b>	<b>35.243.793.234</b>	<b>35.606.536.151</b>	<b>13.940.807.327</b>

**14.2 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tiền thuê đất nộp thừa	403.169.969	-
<b>Cộng</b>	<b>403.169.969</b>	<b>-</b>

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chi phí điện năng tiêu thụ	5.012.383.189	-
Các khoản khác	370.938.101	300.441.200
<b>Cộng</b>	<b>5.383.321.290</b>	<b>300.441.200</b>

**16. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Cổ tức trả cổ đông	696.366.850	889.762.150
Các khoản khác	305.679.668	764.306.513
<b>Cộng</b>	<b>1.002.046.518</b>	<b>1.654.068.663</b>

**17. Dự phòng phải trả dài hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Dự phòng phải trả phí hoàn nguyên môi trường	631.967.893	592.853.832
<b>Cộng</b>	<b>631.967.893</b>	<b>592.853.832</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**  
**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

B09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**18. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>464.476.156</b>	<b>41.157.145.436</b>	<b>35.118.162.905</b>	<b>196.739.784.497</b>
Lãi trong năm trước	-	-	-	38.679.263.999	38.679.263.999
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	-	-	-	(19.200.000.000)	(19.200.000.000)
Phân phối các quỹ	-	-	-	(15.918.162.905)	(15.918.162.905)
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>464.476.156</b>	<b>41.157.145.436</b>	<b>38.679.263.999</b>	<b>200.300.885.591</b>
Tăng trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	41.625.678.547	41.625.678.547
Chi trả cổ tức cho các cổ đông (*)	-	-	-	(27.600.000.000)	(27.600.000.000)
Phân phối các quỹ (*)	-	-	-	(11.079.263.999)	(11.079.263.999)
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>464.476.156</b>	<b>41.157.145.436</b>	<b>41.625.678.547</b>	<b>203.247.300.139</b>

(\*) Theo Quyết định số 31/QĐ-HĐQT ngày 18/04/2025 về việc phân phối lợi nhuận năm 2024 Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI, thực hiện trả cổ tức 27.600.000.000 VND, trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 10.794.017.999 VND, trích quỹ khen thưởng người quản lý doanh nghiệp 285.246.000 VND.



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**18. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV- CTCP	61.659.600.000	61.659.600.000
Vốn góp của các cổ đông khác	58.340.400.000	58.340.400.000
<b>Cộng</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>120.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	120.000.000.000	120.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	120.000.000.000	120.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>27.600.000.000</b>	<b>19.200.000.000</b>

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>12.000.000</b>	<b>12.000.000</b>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000

**Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:** 10.000 VND/ cổ phiếu

**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	Số đầu năm	Số trích lập thêm trong năm	Số đã sử dụng trong năm	Số cuối năm
Quỹ đầu tư phát triển	41.157.145.436	-	-	41.157.145.436
<b>Cộng</b>	<b>41.157.145.436</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>41.157.145.436</b>



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	703.555.679.785	658.804.124.108
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.220.994.094	2.381.903.568
<b>Cộng</b>	<b>705.776.673.879</b>	<b>661.186.027.676</b>
<b>Trong đó</b>		
Doanh thu bán cho bên thứ ba	705.776.673.879	659.240.437.676
Doanh thu bán cho bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số VII.2)	-	1.945.590.000

**2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm đã bán	606.652.403.563	566.015.076.313
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.041.955.431	867.328.726
<b>Cộng</b>	<b>607.694.358.994</b>	<b>566.882.405.039</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, lãi ký quỹ, ký cược	6.786.483.573	4.726.617.107
<b>Cộng</b>	<b>6.786.483.573</b>	<b>4.726.617.107</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	-	63.575.333
Chi phí tài chính khác	-	105.115.070
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>168.690.403</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí tiền lương	5.296.040.000	3.901.450.000
Chi phí vật liệu	918.331.984	1.047.959.614
Chi phí đồ dùng văn phòng	22.929.341	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	10.328.932
Chi phí dịch vụ mua ngoài	872.018.094	1.427.387.352
Chi phí bằng tiền khác	5.313.852.087	5.909.896.376
<b>Cộng</b>	<b>12.423.171.506</b>	<b>12.297.022.274</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí tiền lương	25.903.906.042	22.649.248.000
Chi phí vật liệu quản lý	3.402.571.350	820.784.238
Chi phí đồ dùng văn phòng	712.046.972	343.646.422
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.531.141.938	1.340.849.701
Chi phí bằng tiền khác	8.251.089.244	12.830.084.249
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	49.649.000
<b>Các khoản giảm trừ chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Hoàn nhập dự phòng khoản phải thu khó đòi	(86.890.400)	(13.734.000)
<b>Cộng</b>	<b>39.713.865.146</b>	<b>38.020.527.610</b>



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**7. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Các khoản khác	25.785.677	133.696.825
<b>Cộng</b>	<b>25.785.677</b>	<b>133.696.825</b>

**8. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Tiền chậm nộp thuế và tiền phạt vi phạm hành chính	-	9.000.000
Chi phí khác	480.000.000	163.900.000
<b>Cộng</b>	<b>480.000.000</b>	<b>172.900.000</b>

**9. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm nay	10.651.868.936	9.825.532.283
<b>Cộng</b>	<b>10.651.868.936</b>	<b>9.825.532.283</b>

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là bảng chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm của Công ty:

	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>52.277.547.483</b>	<b>48.504.796.282</b>
<b>Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán</b>	<b>981.797.200</b>	<b>622.865.134</b>
<u>Các khoản điều chỉnh tăng</u>	<u>981.797.200</u>	<u>622.865.134</u>
Chi phí không được trừ	593.170.000	234.237.934
Thù lao hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	388.627.200	388.627.200
<u>Các khoản điều chỉnh giảm</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa trừ lỗ năm trước</b>	<b>53.259.344.683</b>	<b>49.127.661.416</b>
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	53.259.344.683	49.127.661.416
Thuế suất	20%	20%
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành</b>	<b>10.651.868.936</b>	<b>9.825.532.283</b>
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành của năm nay	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>10.651.868.936</b>	<b>9.825.532.283</b>

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	446.574.143.934	410.254.029.978
Chi phí nhân công	100.243.657.801	92.489.460.895
Chi phí khấu hao TSCĐ	18.615.260.037	15.124.181.747
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.611.897.580	49.851.437.055
Chi phí bằng tiền khác	37.804.835.596	39.394.057.585
<b>Cộng</b>	<b>668.849.794.948</b>	<b>607.113.167.260</b>



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	41.625.678.547	38.679.263.999
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	41.625.678.547	38.679.263.999
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng ban điều hành trong năm	(11.625.678.547)	(11.079.263.999)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	12.000.000	12.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)</b>	<b>2.500</b>	<b>2.300</b>

(\*): Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được xác định như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành bình quân trong năm	-	-
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại bình quân trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.000.000	12.000.000

(\*\*): Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 được tính toán lại do xác định lại các khoản điều chỉnh được căn cứ vào mức trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng ban điều hành thực tế được theo Quyết định số 31/QĐ-HĐQT ngày 18/04/2025. Số liệu trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính năm 2024 không có sự thay đổi so với mức trích tại Quyết định số 31/QĐ-HĐQT ngày 18/04/2025 nên lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 không có sự thay đổi.

Số liệu trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm nay ước tính là 11.625.678.547 VND, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay có thể thay đổi do ảnh hưởng của việc thay đổi số liệu trích quỹ khen thưởng phúc lợi sau phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông về việc phân phối lợi nhuận năm 2025.



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

## **VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

Các chỉ tiêu được trình bày theo đơn vị tính là đồng Việt Nam (VND).

### **1. Báo cáo bộ phận**

#### **a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh xi măng, clinker và một số loại vật liệu xây dựng liên quan. Trong năm, Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác trọng yếu, theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025 và doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh xi măng, clinker và một số loại vật liệu xây dựng liên quan. Doanh thu và giá vốn theo từng hoạt động kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số VI.1 và số VI.2.

#### **b. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại khu vực Miền Bắc nên Công ty không lập báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý)

### **2. Thông tin với bên liên quan**

#### **2.1 Danh sách bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	Công ty mẹ
Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	Công ty mẹ của Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP
Công ty Cổ phần cơ khí vật tư, thiết bị áp lực VVMI	Công ty trong cùng Tổng công ty
Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI	Công ty trong cùng Tổng công ty
Công ty than Khánh Hòa VVMI	Công ty trong cùng Tổng công ty
Chi nhánh Công ty Cổ Phần Vật tư -TKV - Xi nghiệp vật tư Hòn Gai	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Thái	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần khách sạn Thái nguyên	Công ty trong cùng Tổng công ty
Trường Cao đẳng Than - Khoáng Sản Việt	Công ty trong cùng tập đoàn
Trung tâm điều dưỡng ngành than	Công ty trong cùng Tổng công ty
Trường Quản trị kinh doanh Vinacomin	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần cơ khí mỏ Việt Bắc VVMI	Công ty trong cùng Tổng công ty
Công ty Than Núi Hồng VVMI	Công ty trong cùng Tổng công ty
Viện khoa học công nghệ mỏ - Vinacomin	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty cổ phần Vật tư -TKV	Công ty trong cùng tập đoàn
Chi nhánh Tập Đoàn Công Nghiệp Than - Khoáng Sản Việt Nam - Ban Quản Lý Dự Án Chuyên Ngành Mỏ Than - TKV	Công ty trong cùng tập đoàn
Viện Cơ Khí Năng Lượng Và Mỏ - Vinacomin	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty cổ phần tin học, công nghệ, môi trường-Vinacomin	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty CP phát triển công nghệ và thiết bị mỏ	Công ty trong cùng tập đoàn
Ông Vũ Minh Tân	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Hà Văn Chuyển	Ủy viên Hội đồng quản trị



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**2. Thông tin với bên liên quan** (tiếp theo)

**2.1 Danh sách bên liên quan** (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Trần Quang Khải	Ủy viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty
Ông Nguyễn Xuân Hậu	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Phạm Mạnh Tiến	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Tống Thanh Sơn	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/04/2025)
Ông Nguyễn Sóng Gió	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/04/2025)
Ông Nguyễn Thanh Trường	Phó Giám đốc
Ông Phạm Trung Hợp	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Trần Thu Hương	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Kế toán trưởng

**2.2 Giao dịch với bên liên quan**

**a. Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt**

Bên liên quan	Nội dung	Giá trị giao dịch	
		Năm nay	Năm trước
Ông Vũ Minh Tân	Phụ cấp HĐQT	89.107.200	89.107.200
Ông Hà Văn Chuyển	Phụ cấp HĐQT	74.880.000	74.880.000
Ông Nguyễn Xuân Hậu	Phụ cấp HĐQT	74.880.000	74.880.000
Ông Trần Quang Khải	Phụ cấp HĐQT	74.880.000	74.880.000
	Lương, thưởng BGĐ	508.782.463	490.998.463
Ông Phạm Mạnh Tiến	Phụ cấp HĐQT	74.880.000	74.880.000
	Lương, thưởng BGĐ	446.300.407	430.700.407
Ông Tống Thanh Sơn	Lương, thưởng BGĐ	111.575.102	430.700.407
Ông Nguyễn Thanh Trường	Lương, thưởng BGĐ	446.300.407	430.700.407
Ông Nguyễn Sóng Gió	Lương, thưởng BGĐ	334.725.305	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Lương, thưởng Kế toán trưởng	345.996.890	331.878.890
Ông Phạm Trung Hợp	Lương, thưởng BKS	468.615.427	452.235.427
Bà Trần Thu Hương	Phụ cấp BKS	74.880.000	74.880.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Phụ cấp BKS	74.880.000	74.880.000

**b. Giao dịch với bên liên quan khác**

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	
		Năm nay	Năm trước
Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	Mua Than cám	155.339.011.753	129.393.748.342
Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	Chi phí quản lý mỏ	648.970.431	956.624.757
	Cổ tức được chia và đã trả	14.181.708.000	9.865.536.000
Công ty than Khánh Hòa VVM	Mua đá thải sau sàng	2.455.304.500	2.185.823.700
	Mua đá vôi	279.675.155	-
Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Vật tư - TKV - Xi nghiệp vật tư Hòn Gai	Mua vật tư, dầu nhờn	-	368.769.465
Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Thái Nguyên	Chi phí nổ mìn phá đá vôi các mỏ	6.737.195.533	5.031.663.124



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**2.2 Giao dịch với bên liên quan (tiếp theo)**

**b. Giao dịch với bên liên quan khác (tiếp theo)**

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch	
		Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần khách sạn Thái nguyên VVMI	Mua dịch vụ	4.469.208.075	1.284.212.965
Trung tâm điều dưỡng ngành than	Mua dịch vụ	1.397.100.000	1.157.827.259
Trường Quản trị kinh doanh Vinacomin	Mua dịch vụ đào tạo	284.228.441	37.373.535
Công ty Cổ phần Cơ khí và Thiết bị áp lực VVMI	Bán phế liệu	-	1.945.590.000
	Mua vật tư	86.653.500	890.150.000
	Mua tài sản cố định	10.409.090.909	-
Công ty Cổ phần cơ khí mỏ Việt Bắc VVMI	Mua dịch vụ sửa chữa	-	217.118.657
Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI	Mua vỏ bao	31.162.878.000	35.637.203.500
Công ty Than Núi Hồng VVMI	Mua dịch vụ	126.740.744	46.926.000
Trường Cao đẳng Than - Khoáng Sản Việt Nam	Mua dịch vụ đào tạo	288.673.000	271.981.000
Viện khoa học công nghệ mỏ - Vinacomin	Mua dịch vụ tư vấn	-	28.866.741
Công ty cổ phần Vật tư - TKV	Mua vật tư, dầu nhờn	682.572.160	328.937.315
	Mua dịch vụ	-	172.120.407
Chi Nhánh Tập Đoàn Công Nghiệp Than - Khoáng Sản Việt Nam - Ban Quản Lý Dự Án Chuyên Ngành Mỏ Than - TKV			
Viện Cơ Khí Năng Lượng Và Mỏ - Vinacomin	Mua dịch vụ	88.888.889	-
Công ty Cổ phần tin học, công nghệ, môi trường-Vinacomin	Mua dịch vụ	854.190.996	-
Công ty Cổ phần Phát triển công nghệ và thiết bị mỏ	Mua dịch vụ	47.384.754	-

**2.3 Số dư với bên liên quan**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả người bán (chi tiết thuyết minh V.12)</b>		
Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị VVMI	1.882.615.120	3.413.118.500
Công ty than Khánh Hòa VVMI	24.150.500	-
Công ty cổ phần tin học, công nghệ, môi trường-Vinacomin	922.526.275	-
Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Thái Nguyên	1.020.812.177	545.105.910
Công ty cổ phần Vật tư - TKV	-	28.313.461
Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc - TKV- CTCP	635.477.069	-
<b>Cộng</b>	<b>4.485.581.141</b>	<b>3.986.537.871</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (chi tiết thuyết minh V.4)</b>		
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	1.110.903.727	23.761.238
Công Ty Cổ Phần Cơ Khí Và Thiết Bị Áp Lực-VVMI	-	144.835.000
<b>Cộng</b>	<b>1.110.903.727</b>	<b>168.596.238</b>



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

**3. Cam kết thuê hoạt động**

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trong vòng 1 năm	1.387.327.896	1.387.327.896
Trên 1 năm đến 5 năm	5.512.864.620	5.929.273.133
Trên 5 năm	16.863.261.265	17.834.180.649
<b>Cộng</b>	<b>23.763.453.781</b>	<b>25.150.781.677</b>

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ**

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ tài chính.

**5. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

**6. Thông tin về hoạt động liên tục**

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính không có hoạt động hoặc sự kiện nào ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hằng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hoài

Giám đốc



Trần Quang Khải



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP  
MỎ VIỆT BẮC TKV-CTCP  
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG  
LA HIÊN VVMI

Số: 329 /CV-XMLH  
Về việc đính chính thông tin trong báo cáo  
kiểm toán cho kỳ kiểm toán 31.12.2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

La Hiên, ngày 13 tháng 03 năm 2026



Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;  
- Các cổ đông và nhà đầu tư

Tên công ty: Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI

Mã chứng khoán: CLH

Về việc: Đính chính lại thông tin tại Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán.

Ngày 05/03/2026, Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI đã thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

Trong quá trình rà soát lại hồ sơ nội bộ, chúng tôi phát hiện có sai sót nhầm lẫn tại phần thuyết minh (Trang 28) liên quan đến "Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt".

Nay, Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI xin thông báo đính chính các thông tin trên như sau:

1. Nội dung sai sót:

- Số liệu cũ đã công bố:

Các chỉ tiêu		Mục	Số đã ghi nhận trên báo cáo kiểm toán
2.2	Giao dịch với bên liên quan		
a.	Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt		
	Ông Trần Quang Khải	Lương, thưởng BGD	508.782.463
	Ông Phạm Mạnh Tiến	Lương, thưởng BGD	446.300.407
	Ông Tống Thanh Sơn	Lương, thưởng BGD	111.575.102
	Ông Nguyễn Thanh Trường	Lương, thưởng BGD	446.300.407
	Ông Nguyễn Sóng Gió	Lương, thưởng BGD	334.725.305
	Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Lương, thưởng Kế toán trưởng	345.996.890
	Ông Phạm Trung Hợp	Lương, thưởng BKS	468.615.427



• Nguyên nhân: Nhầm lẫn trong quá trình phân loại nguồn lương, thưởng của thành viên quản lý chủ chốt

## 2. Nội dung đính chính:

• Số liệu đúng:

Các chỉ tiêu	Mục	Số liệu sau khi điều chỉnh lại
2.2 Giao dịch với bên liên quan		
a. Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt		
Ông Trần Quang Khải	Lương, thưởng BGD	587.056.689
Ông Phạm Mạnh Tiến	Lương, thưởng BGD	514.962.008
Ông Tống Thanh Sơn	Lương, thưởng BGD	128.740.502
Ông Nguyễn Thanh Trường	Lương, thưởng BGD	514.962.008
Ông Nguyễn Sóng Gió	Lương, thưởng BGD	386.221.506
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Lương, thưởng Kế toán trưởng	399.227.181
Ông Phạm Trung Hợp	Lương, thưởng BKS	540.710.108

## 3. Cam kết:

Việc điều chỉnh số liệu này chỉ liên quan đến nội dung thuyết minh về thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt và không làm thay đổi các chỉ tiêu tài chính trọng yếu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đã được kiểm toán.

Công ty đã phối hợp cùng đơn vị kiểm toán (Công ty TNHH Kiểm toán BDO) để kiểm tra lại tính xác thực của số liệu điều chỉnh (*Văn bản xác nhận của kiểm toán đính kèm*).

Chúng tôi cam kết nội dung thông tin đính chính trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung công bố.

*Trân trọng./.*

### Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VP, KTTKTC



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC  
*Trần Quang Khải*



Số: CV/BDO/2026.12

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2026

V/v: Thu nhập của thành viên quản  
lý chủ chốt**Kính gửi: Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI**

Chúng tôi đã nhận được công văn số 316/CV-XMLH ngày 10/03/2026 của Quý công ty và sau khi rà soát lại Báo cáo tài chính (BCTC) và số liệu trong mục thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt năm 2025. Chúng tôi xin được đính chính một số thông tin (Trong mục thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt) như sau:

STT	Các chỉ tiêu	Mục	Số đã ghi nhận trên báo cáo kiểm toán	Số liệu sau khi điều chỉnh lại
2.2	<b>Giao dịch với bên liên quan</b>			
a.	<b>Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt</b>			
	Ông Trần Quang Khải	Lương, thưởng BGĐ	508.782.463	587.056.689
	Ông Phạm Mạnh Tiến	Lương, thưởng BGĐ	446.300.407	514.962.008
	Ông Tống Thanh Sơn	Lương, thưởng BGĐ	111.575.102	128.740.502
	Ông Nguyễn Thanh Trường	Lương, thưởng BGĐ	446.300.407	514.962.008
	Ông Nguyễn Sóng Gió	Lương, thưởng BGĐ	334.725.305	386.221.506
	Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Lương, thưởng Kế toán trưởng	345.996.890	399.227.181
	Ông Phạm Trung Hợp	Lương, thưởng BKS	468.615.427	540.710.108

Rất mong nhận được sự phản hồi sớm từ Quý Công ty.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu VT

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO****Phó Giám đốc****Lê Thị Minh Hồng**





**TỜ TRÌNH**  
**Về việc phân phối lợi nhuận năm 2025 của**  
**Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI**

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11/01/2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 16/6/2025;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI ban hành theo quyết định số 16/QĐ-HĐQT ngày 26/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐQT ngày 20/3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI, về việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần xi măng La Tiên VVMI;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 của Công ty cụ thể như sau:

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện
<b>1</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Đồng</b>	<b>41.625.678.547</b>
	Trong đó: Lợi nhuận năm trước chuyển sang	Đồng	0
	- Lợi nhuận năm nay	Đồng	41.625.678.547
<b>2</b>	<b>Trích lập các quỹ</b>	<b>Đồng</b>	<b>11.625.678.547</b>
a	Trích quỹ đầu tư phát triển	Đồng	0
b	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (1,73 tháng lương bình quân)	Đồng	<b>11.186.838.547</b>
b1	Quỹ lương thực hiện năm 2025 của Công ty	Đồng	77.566.691.512
b2	Quỹ lương thực hiện bình quân 1 tháng của Công ty	Đồng	6.463.890.959
b3	Số tháng lương được trích tối đa (3 tháng lương)	Tháng	1,73
b4	Mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ( $b4 = b2 * b3$ )	Đồng	<b>11.186.838.547</b>
b4.1	Trong đó: Quỹ khen thưởng ( $b4.1 = b4 * 30\%$ )	Đồng	3.356.051.564
b4.2	Quỹ phúc lợi ( $b4.2 = b4 * 70\%$ )	Đồng	7.830.786.983
c	Trích quỹ khen thưởng người quản lý doanh nghiệp (2 tháng lương bình quân của người quản lý Công ty)	Đồng	<b>438.840.000</b>



Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện
	chuyên trách)		
c1	Quỹ lương thực hiện BQ 1 tháng của NQL DN năm 2025	Đồng	219.420.000
c2	Số tháng lương được trích tối đa (2 tháng lương)	Tháng	2
c3	Mức trích quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp (c3=c1*c2)	Đồng	438.840.000
<b>3</b>	<b>Phương án trả cổ tức năm 2025</b>		
a	Tỷ lệ trả cổ tức theo NQ ĐHDCHĐ đầu năm	%	12
b	Tỷ lệ trả cổ tức đơn vị đề nghị	%	25
c	Số tiền trả cổ tức	Đồng	30.000.000.000
<b>4</b>	<b>Số lợi nhuận còn lại sau khi đã chia cổ tức và trích các quỹ trên</b>	<b>Đồng</b>	<b>0</b>

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng Cổ đông;
- HĐQT, BKS, Website;
- Lưu VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Vũ Minh Tân**



CÔNG TY CỔ PHẦN  
XI MĂNG LA HIÊN VVMI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 47/CV-HĐQT  
Về việc đính chính thông tin trong tờ  
trình số 35/TTr-ĐHĐCĐ ngày  
23/3/2026 trực tiếp tại Đại hội đồng  
cổ đông thường niên 2026

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 4 năm 2026

Kính gửi: Các quý vị Cổ đông

Thực hiện theo Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, để thực hiện đúng theo quy định tại Điều 29, Nghị định 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ, nay đính chính mục 2 tờ trình số 35/TTr-ĐHĐCĐ ngày 26/3/2026, về việc phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:

1. Tại mục 2 tờ trình số 35/TTr-ĐHĐCĐ ngày 26/3/2026, về việc phân phối lợi nhuận năm 2025 trước đính chính:

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện
2	Trích lập các quỹ	Đồng	11.625.678.547
a	Trích quỹ đầu tư phát triển	Đồng	0
b	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (1,73 tháng lương bình quân)	Đồng	11.186.838.547
b1	Quỹ lương thực hiện năm 2025 của Công ty	Đồng	77.566.691.512
b2	Quỹ lương thực hiện bình quân 1 tháng của Công ty	Đồng	6.463.890.959
b3	Số tháng lương được trích tối đa (3 tháng lương)	Tháng	1.73
b4	Mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ( $b4 = b2 * b3$ )	Đồng	11.186.838.547
b4.1	Trong đó: Quỹ khen thưởng ( $b4.1 = b4 * 30\%$ )	Đồng	3.356.051.564
b4.2	Quỹ phúc lợi ( $b4.2 = b4 * 70\%$ )	Đồng	7.830.786.983
c	Trích quỹ khen thưởng người quản lý doanh nghiệp (2 tháng lương bình quân của người quản lý Công ty chuyên trách)	Đồng	438.840.000
c1	Quỹ lương thực hiện BQ 1 tháng của NQL DN năm 2025	Đồng	219.420.000
c2	Số tháng lương được trích tối đa (2 tháng lương)	Tháng	2
c3	Mức trích quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp ( $c3 = c1 * c2$ )	Đồng	438.840.000

2. Nội dung đính chính mục 2 tờ trình số 35/TTr-ĐHĐCĐ ngày 26/3/2026, về việc phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:





Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện
<b>2</b>	<b>Trích lập các quỹ</b>	<b>Đồng</b>	<b>11.625.678.547</b>
a	Trích quỹ đầu tư phát triển	Đồng	0
b	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (1,74 tháng lương bình quân)	Đồng	<b>11.625.678.547</b>
b1	Quỹ lương thực hiện năm 2025 của Công ty	Đồng	80.199.731.512
b2	Quỹ lương thực hiện bình quân 1 tháng của Công ty	Đồng	6.683.310.959
b3	Số tháng lương được trích tối đa (3 tháng lương)	Tháng	3
b4	Mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ( $b4 = b2 * 1,74$ )	Đồng	11.625.678.547
b4.1	Trong đó: Quỹ khen thưởng ( $b4.1 = b4 * 30\%$ )	Đồng	3.487.703.564
b4.2	Quỹ phúc lợi ( $b4.2 = b4 * 70\%$ )	Đồng	8.137.974.983

3. Toàn văn nội dung phân phối lợi nhuận năm 2025 sau khi đã được đính chính như sau:

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện
<b>1</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Đồng</b>	<b>41.625.678.547</b>
	Trong đó: Lợi nhuận năm trước chuyển sang	Đồng	0
	- Lợi nhuận năm nay	Đồng	41.625.678.547
<b>2</b>	<b>Trích lập các quỹ</b>	<b>Đồng</b>	<b>11.625.678.547</b>
a	Trích quỹ đầu tư phát triển	Đồng	0
b	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (1,74 tháng lương bình quân)	Đồng	<b>11.625.678.547</b>
b1	Quỹ lương thực hiện năm 2025 của Công ty	Đồng	80.199.731.512
b2	Quỹ lương thực hiện bình quân 1 tháng của Công ty	Đồng	6.683.310.959
b3	Số tháng lương được trích tối đa (3 tháng lương)	Tháng	3
b4	Mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ( $b4 = b2 * 1,74$ )	Đồng	11.625.678.547
b4.1	Trong đó: Quỹ khen thưởng ( $b4.1 = b4 * 30\%$ )	Đồng	3.487.703.564
b4.2	Quỹ phúc lợi ( $b4.2 = b4 * 70\%$ )	Đồng	8.137.974.983
<b>3</b>	<b>Phương án trả cổ tức năm 2025</b>		
a	Tỷ lệ trả cổ tức theo NQ ĐHCĐ đầu năm	%	12
b	Tỷ lệ trả cổ tức đơn vị đề nghị	%	25
c	Số tiền trả cổ tức	Đồng	30.000.000.000
<b>4</b>	<b>Số lợi nhuận còn lại sau khi đã chia cổ tức và trích các quỹ trên</b>	<b>Đồng</b>	<b>0</b>



Việc đính chính số liệu này không làm thay đổi các chỉ tiêu quan trọng trong việc trích lập và phân phối lợi nhuận năm 2025 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI.

**Nơi nhận:**

- Các quý vị Cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, Thư ký.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TOẠ**



**Vũ Minh Tân**







**TỜ TRÌNH**  
**Về việc quyết toán chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2025**  
**và kế hoạch chi trả năm 2026**

*Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11/01/2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI ban hành theo quyết định số 16/QĐ-HĐQT ngày 26/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty;*

*Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 29/NQ-ĐHĐCD ngày 17/04/2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐQT ngày 20/3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI, về việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI;*

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI kính trình Đại hội đồng Cổ đông quyết toán chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2025 và phương án chi trả thù lao năm 2026 với những nội dung cụ thể như sau:

**1. Quyết toán chi trả thù lao năm 2025:**

Đơn vị tính: VNĐ

Stt	Họ tên	Chức vụ	Thực hiện
1	Vũ Minh Tân	CT HĐQT	89.107.200
2	Trần Quang Khải	TV HĐQT	74.880.000
3	Hà Văn Chuyên	TV HĐQT	74.880.000
4	Phạm Mạnh Tiến	TV HĐQT	74.880.000
5	Nguyễn Xuân Hậu	TV HĐQT	74.880.000
6	Nguyễn Thị Hồng Nhung	TV BKS	74.880.000
7	Trần Thu Hương	TV BKS	74.880.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>538.387.200</b>

**2. Phương án chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2026:** *Căn cứ kết quả SXKD nếu tiền lương của Người quản lý được quyết toán tăng thì mức chi trả thù*



lao sẽ tăng tương ứng, nhưng mức chi tối đa không quá 20% mức tiền lương của Người quản lý và dự kiến như sau:

Stt	Chức danh	Số lượng	KH(đ/ng/th)	Ghi chú
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1	4.760.000	
2	Thành viên Hội đồng quản trị	4	4.000.000	
3	Thành viên Ban Kiểm soát	2	4.000.000	

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng Cổ đông;
- HĐQT, BKS, Website;
- Lưu VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Vũ Minh Tân**





**TỜ TRÌNH**

**Về việc thông qua kế hoạch SXKD và kế hoạch ĐTXD năm 2026  
của Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI**

*Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11/01/2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI ban hành theo quyết định số 16/QĐ-HĐQT ngày 26/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty;*

*Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐQT ngày 20/3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI, về việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI;*

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2026 cụ thể như sau:

**1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:**

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2026
1	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	640.000
2	Doanh thu	Tr.đ	626.878
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	30.000
4	Tỷ lệ trả cổ tức/VĐL	%	15
5	Lao động định mức	Người	406
6	Tiền lương bình quân	Ng.đ/người/Th	12.685

- Giao cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI, chủ động điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 cho phù hợp với thực tế sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm, tuy nhiên đảm bảo làm không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế hoạch đã được giao.

**2. Kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2026:**



Stt	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Tổng mức đầu tư (được duyệt/dự kiến) (Tr. đ)	Kế hoạch thực hiện đầu tư năm 2026 (Tr. đ)
<b>I</b>	<b>Công trình chuyển tiếp</b>			<b>6.557</b>	<b>4.673</b>
1	Dự án xây dựng hàng rào khu phía Đông Nam	ĐA	1	6.557	4.673
<b>II</b>	<b>Công trình khởi công mới</b>			<b>5.067</b>	<b>1.210</b>
1	Dự án đầu tư hệ thống đóng gói và xuất xi măng bao jumbo	ĐA	1	3.902	45
2	Dự án đầu tư vận thăng phục vụ sửa chữa bảo dưỡng thiết bị quan trắc tự động	ĐA	1	1.165	1.165
<b>III</b>	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>			<b>267.820</b>	<b>1.174</b>
1	Dự án đầu tư hệ thống đóng bao năng suất $\geq 110$ tấn/h	ĐA	1	29.820	724
2	Dự án cải tạo dây chuyền sản xuất xi măng công suất 1.600 tấn clinker/ngày	ĐA	1	238.000	450
<b>IV</b>	<b>Tổng cộng (IV=I+II+III)</b>			<b>279.444</b>	<b>7.057</b>

- Đại hội đồng Cổ đông giao cho Hội đồng quản trị chủ động điều hành các dự án đầu xây dựng dự kiến thực hiện năm 2026 ước đạt **7.057** triệu đồng.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng Cổ đông;
- HĐQT, BKS, Website;
- Lưu VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Vũ Minh Tân**

Số: 38/TTr-ĐHĐCD

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 3 năm 2026

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc thông qua hợp đồng giao dịch**  
**với người có liên quan của Công ty năm 2026**

*Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11/01/2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI ban hành theo quyết định số 16/QĐ-HĐQT ngày 26/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty;*

*Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐQT ngày 20/3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI, về việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI;*

Đề chủ động trong việc mua sắm nhiên liệu phục vụ sản xuất của Công ty. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua hợp đồng giao dịch với người có liên quan, hợp đồng mua bán lớn (>35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp) năm 2026 như sau:

1. Hợp đồng mua bán than với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

- Than cám 5a.6 (mã sản phẩm 05-C5A.6)
- Khối lượng: **80.000 +/-10%** tấn.
- Thời gian thực hiện kể từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2026

*(Có dự thảo hợp đồng kèm theo)*

2. Giao cho Giám đốc Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMI ký kết hợp đồng với người liên quan của Công ty để phục vụ sản xuất kinh doanh trong năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng Cổ đông;
- HĐQT, BKS, Website;
- Lưu VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Vũ Minh Tân**



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

\*\*\*

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN THAN NĂM 2026**

GIỮA TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM

Số: /HD/TKV-XMLH

-Căn cứ Bộ Luật dân sự năm 2015;

-Căn cứ Luật Thương mại năm 2005;

-Căn cứ nhu cầu sử dụng và khả năng cung cấp của hai bên;

Hôm nay, ngày tháng 12 năm 2025, tại Hà Nội, chúng tôi gồm:

**I. BÊN BÁN:**

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

(dưới đây viết tắt là TKV)

Địa chỉ: số 3, phố Dương Đình Nghệ, phường Yên Hoà, TP Hà Nội.

Điện thoại: 024.38564144; 024.35180141; Fax: 024.35182041;

Tài khoản số: 11001010036038 tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam.

Mã số thuế: 5700 100256

Đại diện là: Ông Nguyễn Huy Nam, chức vụ: Phó Tổng giám đốc.

Giấy uỷ quyền số 101/GUQ -TKV ngày 16/12/2024 do ông Vũ Anh Tuấn,  
chức vụ Tổng giám đốc ký;

**I. BÊN MUA:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVM**

(dưới đây viết tắt là XMLH)

Địa chỉ: Xóm Cây Bòng, Xã La Hiên, tỉnh Thái Nguyên;

Điện thoại: 0208.3829.154; Fax: 0208.3829.056;

Tài khoản số: 3900000429, tại Ngân hàng ĐT & PT Thái Nguyên;

Mã số thuế: 4600422240;

Đại diện là: Ông Trần Quang Khải, chức vụ: Giám đốc

Hai bên thỏa thuận ký hợp đồng mua bán than với các điều khoản cụ thể  
dưới đây:

**Điều 1. Chung loại, khối lượng, chất lượng:**

1.1. Chung loại: Than cám 5a.6 (mã sản phẩm 05-C5A.6)

1.2. Khối lượng: 80.000 +/-10% tấn.

1.3. Chất lượng: Theo tiêu chuẩn quốc gia hiện hành TCVN 8910:2020 và  
thỏa thuận khác giữa hai bên.

1.3.1. Các chỉ tiêu chất lượng cụ thể: (Biểu kèm theo)

1.3.2. Thỏa thuận khác:

- (a) Độ ẩm toàn phần ( $W^p$ ) để giao nhận: theo thực tế
- (b) Độ ẩm toàn phần ( $W^p$ ) để xác định khối lượng than thanh toán: là độ ẩm trung bình theo TCVN 8910:2020, các lô hàng có độ ẩm toàn phần khác với độ ẩm trung bình sẽ được quy về 10,5% để xác định khối lượng than thanh toán.
- (c) Nhiệt năng ( $Q_k$ ) của than cám 5a.6:
  - Trung bình: 5.500 cal/g
  - Giới hạn:  $5.350 \text{ cal/g} \leq Q_k < 5.650 \text{ cal/g}$

## **Điều 2. Điều kiện giao hàng**

2.1. Địa điểm giao hàng: Hàng hoá được Bên Bán giao cho Bên Mua trên phương tiện vận chuyển của Bên Mua tại kho Bên Bán (kho mỏ Khánh Hoà).

2.2. Chuyển rủi ro: Rủi ro về mất mát hoặc hư hại hàng hoá được chuyển cho Bên Mua kể từ khi hàng hoá được xếp lên phương tiện vận chuyển của Bên Mua tại kho của Bên Bán.

2.3. Xác định và chấp nhận về chất lượng và khối lượng:

2.3.1. Xác định và chấp nhận về chất lượng:

a) Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu theo tiêu chuẩn hiện hành (TCVN 8910:2020). Hai bên tiến hành lấy mẫu đồng tại kho Bên Bán, mỗi đồng lấy một mẫu chung. Mẫu được chia thành 03 phần: 01 mẫu giao cho Bên Mua, 01 mẫu giao cho Bên Bán, 01 mẫu để lưu. Mẫu lưu phải được đại diện hai bên cùng niêm phong, giao cho Bên Bán giữ và bảo quản. Bên Mua phân tích mẫu và gửi kết quả phân tích cho Bên Bán trong vòng 01 ngày (24 giờ) sau khi lấy mẫu. Việc phân tích mẫu than được thực hiện theo các TCVN hiện hành.

Nếu chất lượng than đảm bảo như quy định tại khoản 1.3 thì hai bên tổ chức giao nhận than. Bên Mua cử cán bộ giám sát quá trình bốc hàng lên xe tại kho Bên Bán từ khi bắt đầu giao nhận đến khi kết thúc giao nhận lô hàng.

Trong quá trình giao nhận, nếu phát hiện bất thường về chất lượng than, đại diện Bên Mua phải thông báo ngay cho Bên Bán để xử lý. Trong trường hợp này, hai bên tạm dừng việc giao nhận cho đến khi thống nhất giải quyết về chất lượng than.

b) Trường hợp kết quả phân tích của các bên có sai lệch mà hai bên không thoả thuận được, thì xử lý theo một trong hai cách sau:

- Mẫu lưu (còn nguyên niêm phong) được đại diện hai bên cùng phân tích lại tại phòng thí nghiệm của Bên Bán. Kết quả phân tích này là cơ sở để xác định chất lượng lô hàng.

- Hai bên tiến hành lấy mẫu lại trên đồng và cùng phối hợp phân tích chất lượng than tại phòng thí nghiệm của Bên Bán.

- Mọi chi phí phát sinh do bên sai chịu.

2.3.2- Xác định và chấp nhận về khối lượng:

a) Khối lượng than được xác định qua cân tại kho Bên Bán.

b) Độ ẩm:



+ Độ ẩm giao hàng: Theo độ ẩm thực tế. Mẫu độ ẩm được hai bên lấy mẫu và phân tích hàng ngày.

+ Độ ẩm để tính khối lượng than thanh toán là độ ẩm trung bình theo TCVN hiện hành.

+ Khối lượng than thanh toán được xác định theo công thức:

$$G_q = G_t \times \frac{100 - W^{tp}_t}{100 - W^{tp}_0}$$

Trong đó:

$G_q$ : Khối lượng than thanh toán tương ứng độ ẩm trung bình của than.

$G_t$ : Khối lượng thực tế giao hàng qua cân tại kho Bên Bán và tương ứng độ ẩm thực tế.

$W^{tp}_t$ : Độ ẩm thực tế của than theo phân tích của Bên Mua và được Bên Bán thống nhất.

$W^{tp}_0$ : Là độ ẩm trung bình của than theo TCVN 8910:2020

#### 2.4- Biên bản giao nhận than:

- Hàng ngày, hai bên tập hợp khối lượng, chủng loại than giao nhận của ngày trước đó bằng một biên bản kèm bảng kê chi tiết làm cơ sở xác định khoản tiền thanh toán.

- Biên bản giao nhận than được lập trước 09:00 hàng ngày cho khối lượng than giao nhận trong ngày trước đó.

### Điều 3. Tiến độ giao hàng

3.1- Khối lượng than theo hợp đồng sẽ được Bên Bán giao bình quân cho Bên Mua trong thời gian hợp đồng, trừ khi có thỏa thuận khác.

3.2- Trước ngày 20 hàng tháng, Bên Mua gửi cho Bên Bán đăng ký nhận than của tháng sau về khối lượng, chủng loại. Căn cứ đề nghị của Bên Mua, Bên Bán sẽ cân đối và thông báo bằng văn bản cho Bên Mua về kế hoạch giao hàng trước ngày 05 của tháng thực hiện.

3.3- Nếu Bên Mua không gửi đăng ký nhu cầu than thì Bên Mua được coi là không có yêu cầu nhận than tháng kế tiếp.

3.4- Lịch giao hàng cụ thể do Bên Mua và đơn vị giao hàng (do Bên Bán uỷ quyền theo mục 6.1 dưới đây) thống nhất hàng tháng.

### Điều 4. Phương tiện vận chuyển than.

Than được vận chuyển bằng ô tô do Bên Mua thu xếp đến nhận than tại kho mỏ của Bên Bán.

Phương tiện đến nhận than phải có giấy giới thiệu, có đầy đủ hồ sơ, giấy tờ theo quy định hiện hành và đủ các điều kiện để giao nhận hàng, chấp hành nghiêm chỉnh nội quy của Bên Bán tại các địa điểm giao nhận trong suốt thời gian kể từ khi phương tiện đến địa điểm giao nhận chờ làm hàng đến khi làm hàng xong.



## **Điều 5. Đơn giá, thanh toán.**

5.1- Giá than giao trên phương tiện của Bên Mua tại kho của Bên Bán thực hiện theo bảng giá bán than trong nước do TKV công bố từng thời điểm.

- Giá than thanh toán được điều chỉnh theo nhiệt trị thực nhận so với nhiệt trị trung bình theo công thức sau:

*Giá FOB thanh toán (theo nhiệt trị thực nhận) = [(Giá than/Nhiệt trị trung bình) \* Nhiệt trị thực nhận]*

- Giá than (chưa bao gồm thuế GTGT) tại thời điểm ký hợp đồng thực hiện theo quyết định số 2087/QĐ-TKV ngày 30/9/2025, cụ thể:

**+ Than cám 5a.6: 1.956.000 đồng/tấn.**

- Các bên thống nhất đồng ý rằng, giá bán than quy định tại Điều này có thể được thay đổi theo quyết định của Bên Bán phù hợp với quy định hiện hành. Trong trường hợp Bên Bán thay đổi giá bán than trong quá trình thực hiện Hợp đồng, giá than mua bán theo Hợp đồng này sẽ được áp dụng theo giá mới theo quyết định thay đổi giá bán bởi Bên Bán. Mọi quyết định thay đổi giá bán than của Bên Bán là một phần không tách rời của Hợp đồng này.

5.2- Thủ tục thanh toán:

Không muộn hơn 01 ngày làm việc kể từ khi kết thúc việc giao nhận lô hàng tại kho mỏ, Bên Bán gửi cho Bên Mua bộ chứng từ thanh toán, bao gồm:

Bộ chứng từ thanh toán gồm:

- + Hóa đơn giá trị gia tăng (được cấp cho từng xe ô tô).
- + Giấy chứng nhận giám định chất lượng (cấp theo lô hàng).
- + Biên bản giao nhận than giữa đại diện hai bên kèm bảng kê chi tiết.

5.3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Bên Bán được ghi trong hợp đồng này hoặc ngân hàng do hai bên thỏa thuận.

5.4. Phương thức, thời hạn thanh toán: Trả tiền trước khi xếp hàng.

Bên Mua thực hiện thanh toán theo phương thức trả trước tiền mua than, cụ thể:

+ Bên Mua chuyển trước vào tài khoản Bên Bán số tiền mua than tương ứng khối lượng của từng đợt giao hàng trong tháng, đảm bảo tiền về tài khoản của Bên Bán trước khi hàng được xếp lên phương tiện.

+ Bên Bán chỉ giao than cho Bên Mua với khối lượng than có tổng trị giá không vượt quá số tiền Bên Mua đã chuyển trả trước cho Bên Bán.

+ Sau khi xếp hàng lên phương tiện, nếu khối lượng, chất lượng than thanh toán lớn hơn số tiền Bên Mua đã chuyển trả trước, trong vòng 07 ngày lịch kể từ ngày ký Biên bản giao nhận than, Bên Mua có trách nhiệm chuyển bổ sung cho Bên Bán số tiền tương ứng với giá trị khối lượng than tăng thêm.

+ Nếu quá thời hạn nêu trên, Bên Mua vẫn chưa trả cho Bên Bán số tiền còn thiếu, Bên Mua phải trả cho Bên Bán tiền lãi trả chậm bằng 1,5 lần lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do Ngân hàng TMCP



Công thương Việt Nam (Vietinbank - Chi nhánh Hoàn Kiếm) công bố từng thời điểm đối với số tiền và thời gian thanh toán chậm.

+ Trường hợp Bên Mua không đảm bảo thanh toán tiền trước khi giao hàng theo như quy định của hợp đồng này, Bên Bán có quyền ngừng cấp than.

+ Bên Bán chỉ tiếp tục giao hàng cho Bên Mua sau khi đã nhận đủ số tiền còn thiếu, tiền lãi chậm trả (nếu có) và khoản tiền trả trước cho lô hàng tiếp theo.

+ Trước ngày 10 hàng tháng, hai bên tiến hành đối chiếu khối lượng và công nợ phát sinh trong tháng trước đó và xác định số tiền và thời gian thanh toán chậm (nếu có) để làm căn cứ tính tiền lãi chậm trả.

## **Điều 6. Trách nhiệm của các bên**

### **6.1- Bên Bán:**

+ Đảm bảo đủ nguồn hàng để giao than cho Bên Mua đúng khối lượng, chất lượng và tiến độ đã thỏa thuận.

+ Tạo điều kiện cho phương tiện của Bên Mua vào kho, bãi nhận hàng thuận lợi.

+ Giao công ty Kho vận và cảng Cẩm Phả-Vinacomin (mã số thuế: 5700100256001) thay mặt Bên Bán tổ chức thực hiện giao than và cấp hoá đơn giá trị gia tăng cho Bên Mua, đối chiếu khối lượng hàng hóa, công nợ và phối hợp với Bên Mua để giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng.

+ Thuê và chịu trách nhiệm thanh toán phí cho Công ty cổ phần giám định-Vinacomin (Quacontrol) phối hợp cùng giám định Bên Mua giám định khối lượng, lấy mẫu than, phân tích và cấp chứng thư giám định khối lượng, chất lượng tại cảng xếp hàng; phối hợp với giám định Bên Mua giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến việc giám định khối lượng, chất lượng than tại cảng xếp hàng.

### **6.2- Bên Mua:**

+ Bố trí đủ xe nhận than theo lịch và tiến độ thỏa thuận hàng tháng. Xe vào bãi nhận hàng phải tuân thủ đúng các qui định của Bên Bán.

+ Kiểm soát, quản lý an toàn hàng hoá trên đường vận chuyển từ kho bên bán về nơi sử dụng.

+ Thanh toán tiền trước khi giao hàng cho Bên Bán đúng theo quy định của hợp đồng.

+ Chỉ sử dụng khối lượng than mua theo hợp đồng này để sản xuất clinker của đơn vị mình, không bán cho đơn vị khác.

## **Điều 7. Bất khả kháng**

7.1. Sự kiện bất khả kháng là bất kỳ sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống nào xảy một cách khách quan sau khi ký Hợp đồng này, không thể khắc phục được, nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các Bên, làm Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được một phần hay toàn bộ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.



7.2. Sự kiện bất khả kháng bao gồm các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống hoặc tương tự các sự kiện, hoàn cảnh hay tình huống như liệt kê dưới đây và thỏa mãn các quy định tại mục 7.1 của Điều này:

(a) Bão, gió lốc, lũ lụt, hạn hán, động đất, sóng thần, thời tiết khắc nghiệt bất thường hoặc bất kỳ một thiên tai nào khác;

(b) Cháy, nổ, dịch bệnh phải cách ly theo quy định của cơ quan chức năng;

(c) Chiến tranh (tuyên bố hoặc không tuyên bố), xâm lược, xung đột vũ trang, hoặc các hành động thù địch của nước ngoài;

(d) Hành động khủng bố, phong tỏa, cấm vận, bạo loạn, nổi loạn, phá hoại;

(e) Bãi công, đình công, tấn công, phong tỏa mỏ than, nhà máy;

(f) Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

7.3. Khi xảy ra sự kiện Bất khả kháng Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên kia trong thời gian sớm nhất về sự kiện đó. Trong vòng 05 (năm) ngày kể từ khi bắt đầu xảy ra sự kiện, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo bằng văn bản cho Bên kia đầy đủ, chi tiết về việc xảy ra sự kiện đó cũng như tác động của nó đối với Bên bị ảnh hưởng trong việc thực hiện Hợp đồng và kiến nghị các biện pháp khắc phục. Văn bản thông báo phải được gửi kèm với văn bản của một cơ quan có thẩm quyền tại nơi xảy ra Bất khả kháng xác nhận đã xảy ra sự kiện đó.

Trong vòng 02 (hai) ngày sau khi sự kiện Bất khả kháng chấm dứt, Bên bị ảnh hưởng phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản về việc chấm dứt sự kiện đó. Trong vòng 07 (bảy) ngày tiếp theo Bên bị ảnh hưởng phải chuyển cho Bên kia văn bản xác nhận về sự kiện Bất khả kháng được cấp bởi một cơ quan có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện. Văn bản xác nhận Bất khả kháng phải mô tả sự kiện, địa điểm phát sinh, thời gian phát sinh và tồn tại, hậu quả và tác động ảnh hưởng của sự kiện này đối với việc thực hiện hợp đồng v.v.

Nếu Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng không thực hiện đầy đủ việc thông báo và cung cấp tài liệu về sự kiện đó theo quy định tại Khoản này thì mất quyền được miễn trách nhiệm như quy định tại khoản 7.5 dưới đây.

7.4. Trong thời gian diễn ra sự kiện Bất khả kháng Bên bị ảnh hưởng sẽ cung cấp các báo cáo thường xuyên cho Bên kia về việc triển khai các biện pháp khắc phục nhằm ngăn chặn hoặc giảm nhẹ những tác động của sự kiện Bất khả kháng và các thông tin khác mà Bên kia yêu cầu một cách hợp lý. Các Bên vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng.

7.5. Ngoại trừ nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã được thực hiện trước thời điểm xảy ra Bất khả kháng và/hoặc các khoản tiền khác (nếu có), Bên vi phạm các nghĩa vụ theo Hợp đồng này do sự kiện Bất khả kháng sẽ được miễn trách nhiệm.

7.6. Nếu một Bên do sự kiện Bất khả kháng mà không thể thực hiện nghĩa vụ của mình quy định trong Hợp đồng này trong thời hạn 60 ngày liên tục kể từ ngày xảy ra sự kiện Bất khả kháng thì một trong các Bên có quyền gửi văn bản



cho Bên kia trước ít nhất 15 (mười lăm) ngày để thông báo việc đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hợp đồng được coi là chấm dứt vào ngày ghi trong văn bản thông báo.

Sau khi gửi văn bản thông báo chấm dứt Hợp đồng, các Bên phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ còn tồn đọng cho đến thời điểm chấm dứt Hợp đồng này, trừ các nghĩa vụ được miễn trách. Để tránh hiểu nhầm, trong mọi hoàn cảnh không Bên nào được giải phóng khỏi nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nêu tại khoản 7.5 của Điều này dù Hợp đồng đã chấm dứt hay chưa.

#### **Điều 8: Giải quyết tranh chấp**

8.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có vướng mắc phát sinh, hai bên sẽ cùng hợp tác tìm mọi biện pháp giải quyết, trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên.

8.2. Trường hợp hai bên đã nỗ lực cao nhất mà không thể tự giải quyết được, thì tranh chấp được đưa ra Toà án có thẩm quyền để xét xử. Quyết định của Toà án là phán quyết cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí phát sinh do bên thua kiện chịu.

#### **Điều 9. Điều khoản thi hành**

9.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thoả thuận.

9.2. Trong quá trình thực hiện, nếu xảy ra vướng mắc, hai bên sẽ cùng hợp tác tìm biện pháp giải quyết trên cơ sở tôn trọng quyền lợi của các bên và tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định của TKV.

9.3. Hợp đồng sẽ tự động được thanh lý mà không cần lập văn bản sau 30 (ba mươi) ngày kể từ khi hai bên thực hiện xong nghĩa vụ của mình.

9.4. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2026 và được lập thành 10 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 05 bản./.

**ĐẠI DIỆN BÊN MUA  
GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN BÊN BÁN  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Trần Quang Khải**

**Nguyễn Huy Nam**

**BẢNG TIÊU CHUẨN THAN TCVN 8910 : 2020**

(Kèm theo Hợp đồng mua bán than năm 2026 số  
Ngày tháng 12 năm 2025)

HD/TKV-XMLII

Các chỉ tiêu	Than cám 5a.6
1. Cỡ hạt (mm):	$\leq 25$
Tỷ lệ trên cỡ tối đa (%):	10
2. Độ tro khô $A^k$ (%):	
Trung bình:	29,00
Giới hạn:	27,01 ÷ 31,00
3. Độ ẩm toàn phần $W^p$ (%):	
Trung bình:	10,50
Không lớn hơn:	14,00
4. Chất bốc khô $V^k$ (%):	
Trung bình:	12,00
Không lớn hơn:	14,00
5. Lưu huỳnh chung khô $S_{ch}^k$ (%):	
Trung bình:	2,00
Không lớn hơn:	3,00
6. Trị số toả nhiệt toàn phần khô $Q_{gr}^k$ (cal/g):	
Không nhỏ hơn:	5.350





**TỜ TRÌNH**  
**Về việc lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập**  
**kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2026**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

*Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11/01/2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiền VVMİ ban hành theo quyết định số 16/QĐ-HĐQT ngày 26/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty;*

*Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29 tháng 3 năm 2011;*

*Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát;*

Ban kiểm soát Công ty xin báo cáo trước Đại hội về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2026 như sau:

**1. Đề xuất danh sách công ty kiểm toán:**

Để đảm bảo lựa chọn được Công ty kiểm toán độc lập có uy tín, chất lượng, giá cả cạnh tranh thực hiện kiểm toán/soát xét BCTC của Công ty. Ban kiểm soát xin đề xuất danh sách Công ty kiểm toán như sau:

- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.
- Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam.
- Công ty TNHH Kiểm toán BDO.
- Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn UHY.
- Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC.

**Lý do lựa chọn:**

- Là những công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán báo cáo tài chính các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026.

- Có kinh nghiệm kiểm toán đối với công ty đại chúng quy mô lớn tại Việt Nam;

- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi, tiến độ kiểm toán.

## 2. Đề xuất về việc lựa chọn công ty kiểm toán:

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện lựa chọn công ty kiểm toán theo quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

### Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT, BKS; BGD;
- Lưu HSDH, TK.

TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN



Phạm Trung Hợp





Số: 39/TTr-ĐHĐCĐ

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 3 năm 2026

## **TỜ TRÌNH**

### **Về việc về việc điều chỉnh, sửa đổi tên ngành và mã ngành kinh doanh**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2026

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11/01/2022; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 16/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ, về việc ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI ban hành theo quyết định số 16/QĐ-HĐQT ngày 26/04/2021 của Hội đồng quản trị Công ty;

Hội đồng quản trị công ty đề nghị Đại hội đồng Cổ đông xem xét như sau:

**1. Đề nghị điều chỉnh sửa đổi tên ngành và mã ngành kinh doanh:**

Để đảm bảo thông tin ngành nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị Công ty đề nghị Đại hội đồng Cổ đông xem xét điều chỉnh, sửa đổi tên ngành và mã ngành kinh doanh của Công ty theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam được quy định tại Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

(chi tiết như phụ lục 1 kèm theo)

Sau khi điều chỉnh theo hệ thống ngành kinh tế mới, tổng số ngành, nghề đăng ký kinh doanh của Công ty tăng từ 28 lên 29 ngành, nghề

**2. Đề nghị Đại hội đồng Cổ đông xem xét sửa đổi “Ngành nghề kinh doanh của Công ty” tại khoản 1 Điều 4, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty:**

(chi tiết như phụ lục 2 kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng Cổ đông;
- HĐQT, BKS, Website;
- Lưu VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Vũ Minh Tân**

Phụ lục 1

**ĐIỀU CHỈNH SỬA ĐỔI TÊN NGÀNH, MÃ NGÀNH THEO HỆ THỐNG NGÀNH KINH TẾ MỚI**

(Kèm theo tờ trình số: 39/TTr-HĐQT ngày 26 tháng 3 năm 2026)

STT	Ngành nghề đăng ký kinh doanh đã được cấp		STT	Ngành nghề đăng ký kinh doanh thay đổi, cập nhật		Ghi chú
	Tên ngành	Mã ngành		Tên ngành	Mã ngành	
I	Danh mục ngành nghề kinh doanh giữ nguyên như ngành nghề kinh doanh hiện hành của Công ty					
1	Khai thác và thu gom than non	0520	1	Khai thác và thu gom than non	0520	
2	Khai thác và thu gom than cứng	0510	2	Khai thác và thu gom than cứng	0510	
3	Khai thác quặng sắt	0710	3	Khai thác quặng sắt	0710	
4	Khai thác quặng uranium và quặng thorium	0721	4	Khai thác quặng uranium và quặng thorium	0721	
5	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730	5	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730	
6	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810	6	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810	
7	Đúc sắt, thép	2431	7	Đúc sắt, thép	2431	
8	Đúc kim loại màu	2432	8	Đúc kim loại màu	2432	
9	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511	9	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511	
10	Phá dỡ	4311	10	Phá dỡ	4311	
11	Chuẩn bị mặt bằng	4312	11	Chuẩn bị mặt bằng	4312	



STT	Ngành nghề đăng ký kinh doanh đã được cấp		STT	Ngành nghề đăng ký kinh doanh thay đổi, cập nhật		Ghi chú
	Tên ngành	Mã ngành		Tên ngành	Mã ngành	
12	Lắp đặt hệ thống điện	4321	12	Lắp đặt hệ thống điện	4321	
13	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330	13	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330	
14	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610	14	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610	
15	Vận tải hàng hóa đường bộ	4933	15	Vận tải hàng hóa đường bộ	4933	
<b>II Danh mục ngành nghề kinh doanh thay đổi tên ngành, mã ngành</b>						
1	Sản xuất xi măng, đá vôi và thạch cao	2394 (Chính)	1	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394 (Chính)	Thay đổi tên ngành
2	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, các vật liệu xây dựng khác)	4663	2	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4673	Thay đổi tên ngành, mã ngành
3	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (khai thác quặng bô xít)	0722	3	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0729	Thay đổi tên ngành, mã ngành
4	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí	4322	4	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	4322	Thay đổi tên ngành
5	Xây dựng nhà các loại	4100	5	Xây dựng nhà để ở	4101	Thay đổi tên

STT	Ngành nghề đăng ký kinh doanh đã được cấp		STT	Ngành nghề đăng ký kinh doanh thay đổi, cập nhật		Ghi chú
	Tên ngành	Mã ngành		Tên ngành	Mã ngành	
						ngành, mã ngành
			6	Xây dựng nhà không để ở	4102	Thay đổi tên ngành, mã ngành
6	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210	7	Xây dựng công trình đường sắt	4211	Thay đổi tên ngành, mã ngành
			8	Xây dựng công trình đường bộ	4212	Thay đổi tên ngành, mã ngành
7	Sản xuất các sản phẩm kim loại chưa được phân vào đâu	2599	9	Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599	Thay đổi tên ngành
8	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công trình công nghiệp)	4290	10	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299	Thay đổi tên ngành, mã ngành
9	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, thiết bị điện, vật liệu điện, máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659	11	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659	Thay đổi tên ngành



STT	Ngành nghề đăng ký kinh doanh đã được cấp		STT	Ngành nghề đăng ký kinh doanh thay đổi, cập nhật		Ghi chú
	Tên ngành	Mã ngành		Tên ngành	Mã ngành	
10	Vận tải hành khách bằng đường bộ khác	4932	12	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932	Thay đổi tên ngành
11	Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá (hở của trạm xá)	8610	13	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế	8610	Thay đổi tên ngành
12	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Cho thuê VP, kho, bãi)	6810	14	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810	Thay đổi tên ngành
<b>III</b>	<b>Danh mục ngành nghề kinh doanh không có tên ngành, mã ngành trong danh mục</b>					
01	Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành nghề kinh tế Việt Nam		Không có		

**Phụ lục 2**  
**SỬA ĐỔI KHOẢN 1 ĐIỀU 4, ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN VVMI**

(Kèm theo tờ trình số: 39/TTr-HĐQT ngày 26 tháng 3 năm 2026)

<b>STT</b>	<b>Tên ngành</b>	<b>Mã ngành</b>
1	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394 (Chính)
2	Khai thác và thu gom than cứng	0510
3	Khai thác và thu gom than non	0520
4	Khai thác quặng sắt	0710
5	Khai thác quặng uranium và quặng thorium	0721
6	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0729
7	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
8	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
9	Đúc sắt, thép	2431
10	Đúc kim loại màu	2432
11	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
12	Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
13	Xây dựng nhà để ở	4101
14	Xây dựng nhà không để ở	4102
15	Xây dựng công trình đường sắt	4211
16	Xây dựng công trình đường bộ	4212
17	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
18	Phá dỡ	4311
19	Chuẩn bị mặt bằng	4312
20	Lắp đặt hệ thống điện	4321
21	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	4322
22	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
23	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
24	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4673
25	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
26	Vận tải hàng hóa đường bộ	4933



STT	Tên ngành	Mã ngành
27	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
28	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
29	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế	8610

